

**BỘ TƯ PHÁP
VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ**

SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG
LĨNH VỰC DÂN SỰ
TẠI VIỆT NAM**

THÁNG 1/2018

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	5
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY	6
PHẦN I	11
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ	11
I. Ủy thác tư pháp từ Việt Nam ra nước ngoài (UTTP ra)	11
1. Thẩm quyền yêu cầu	11
2. Chi phí thực hiện	11
2.1 Người có nghĩa vụ nộp chi phí	12
2.2. Phí, lệ phí.....	12
2.3. Chi phí thực tế	12
2.4 Cơ quan thu chi phí UTTP ra	13
3. Các bước lập hồ sơ UTTP ra	13
4. Cách thức lập hồ sơ	13
4.1. UTTP tổng đạt giấy tờ	13
4.1.1. Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt	13
4.1.2. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam.....	21
4.1.3 Quốc gia được yêu cầu không là thành viên Công ước Tổng đạt và không ký Hiệp định với Việt Nam.	22
4.2. UTTP thu thập, cung cấp chứng cứ và các UTTP khác	22
4. 2.1. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam.....	22
4. 2.2. Quốc gia được yêu cầu không ký Hiệp định với Việt Nam.	22
5. Thời gian chuyển hồ sơ	23
6. Trả kết quả thực hiện.	24
6.1. Thời gian trả kết quả.....	24
6.2. Hồ sơ trả kết quả.....	24
II. Ủy thác tư pháp từ nước ngoài đến Việt Nam (UTTP vào)	25
1. Thẩm quyền thực hiện	25
2. Chi phí thực hiện	25
2.1 Người có nghĩa vụ nộp	25
2.2 Lệ phí.....	25

2.3 Chi phí thực tế	26
2.4 Cơ quan thu và quy trình thu nộp	26
3. Phương thức thực hiện	26
4. Các kênh thực hiện	28
4.1 Theo Công ước Tổng đạt	28
4.1.1 Kênh chính.....	28
4.1.2 Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp.....	28
4.1.3 Kênh ngoại giao gián tiếp.....	29
4.1.4 Kênh lãnh sự gián tiếp	30
4.1.5 Kênh bưu điện	30
4.2 Theo Hiệp định	31
4.3 Theo Kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế (áp dụng nguyên tắc có đi có lại).	32
5. Thời gian chuyển hồ sơ và thông báo kết quả thực hiện	32
5.1 Thời gian chuyển hồ sơ	32
5.2 Thông báo kết quả thực hiện.	33
5.2.1 Thời gian trả kết quả.....	33
5.2.2 Hồ sơ trả kết quả.....	33
III. Hướng dẫn lập hồ sơ trong một số trường hợp cụ thể	35
1. Ủy thác tư pháp ra	35
1.1 Tổng đạt giấy tờ theo kênh chính của Công ước Tổng đạt.....	35
1.2 Ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ theo kênh Hiệp định	40
1.3 Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ theo kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế với Việt Nam	43
2 Ủy thác tư pháp vào.....	46
Phần II CÁC PHỤ LỤC.....	48
PHỤ LỤC I.....	48
Thông tin về quốc gia thành viên, cơ quan trung ương và ngôn ngữ của quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt	48
PHỤ LỤC II	75
Các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt có thu chi phí	75
PHỤ LỤC III.....	89
Các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt không thu/miễn chi phí	89
PHỤ LỤC IV.....	90

Các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc cơ quan đại diện của nước gửi tổng đạt văn bản cho người là công dân nước gửi	90
PHỤ LỤC V	91
Các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi văn bản thông qua đường bưu điện	91
PHỤ LỤC VI	92
Các nước có Hiệp định/Thỏa thuận tương trợ tư pháp về dân sự với Việt Nam	92
PHỤ LỤC VII	94
Giới thiệu Công ước tổng đạt và việc gia nhập của Việt Nam	94
PHỤ LỤC VIII	103
Công ước Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	103
PHỤ LỤC IX	111
Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự	111

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Tên đầy đủ	Viết tắt
1	Tương trợ tư pháp	TTTP
2	Ủy thác tư pháp	UTTP
3	Ủy thác tư pháp của Việt Nam ra nước ngoài	UTTP ra
4	Ủy thác tư pháp của nước ngoài gửi đến Việt Nam	UTTP vào
5	Công ước La Hay 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Công ước Tổng đạt
6	Bộ luật tố tụng dân sự 2015	BLTTDS 2015
7	Luật Tương trợ tư pháp năm 2007	Luật TTTP
8	Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án	Nghị quyết 326
9	Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự	Thông tư liên tịch 12
10	Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài	Thông tư 203
11	Hiệp định/Thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự	Hiệp định
12	Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế	Hội nghị La Hay

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY

I. Bối cảnh, mục đích xây dựng Sổ tay

1. Bối cảnh

Với việc hội nhập quốc tế mạnh mẽ và rộng khắp trên thế giới, các giao lưu dân sự, thương mại, đi lại di chuyển xuyên quốc gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân các nước khác nhau ngày càng phổ biến. Trong bối cảnh đó, nhiều vụ việc dân sự, kinh tế, thương mại, hình sự, hành chính có yếu tố nước ngoài phát sinh. Khi cơ quan có thẩm quyền của một nước giải quyết các vụ việc này không chỉ căn cứ vào pháp luật quốc gia, không thể tự mình thực hiện toàn bộ các hoạt động tố tụng mà còn cần sự hỗ trợ, phối hợp của cơ quan thẩm quyền nước ngoài trong quá trình tiến hành một số hành vi tố tụng vượt ngoài lãnh thổ thông qua hoạt động TTTP. TTTP trong thời đại ngày nay là một nhu cầu, đòi hỏi khách quan để giải quyết những vấn đề pháp lý xuyên quốc gia. TTTP xuất phát nhu cầu nội tại thiết thực của bản thân mỗi quốc gia đã trở thành trách nhiệm - nghĩa vụ hợp tác của quốc gia xét dưới góc độ pháp luật quốc tế.

Cơ sở pháp lý đầu tiên để thực hiện TTTP là điều ước quốc tế giữa các nước và pháp luật của các nước có liên quan về TTTP. Nếu không có điều ước quốc tế thì việc TTTP thực hiện theo pháp luật của nước được yêu cầu, chủ yếu trên nguyên tắc có đi có lại.

Trong lĩnh vực dân sự, trên cơ sở quy định pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế về TTTP mà Việt Nam đã ký kết và thực tiễn TTTP với các nước có thể thấy TTTP về dân sự tại Việt Nam được hiểu là việc các cơ quan có thẩm quyền của các nước hỗ trợ nhau trong thực hiện các hành vi tố tụng riêng biệt trong lĩnh vực dân sự.¹ Để thực hiện TTTP, các cơ quan có thẩm quyền sẽ đưa ra yêu cầu bằng văn bản gọi là UTTP.

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 17 Hiệp định/Thỏa thuận song phương về TTTP (Hiệp định) trong lĩnh vực TTTP về dân sự với các quốc gia/vùng lãnh thổ (*Danh sách các Hiệp định xin xem Phụ lục VI*) và gia nhập Công ước Tổng đạt với 72 thành viên trong đó có hầu hết các nước mà Việt Nam có nhu cầu tổng đạt giấy tờ như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Canada... (*Danh sách các nước thành viên Công ước Tổng đạt xin xem Phụ lục I*).

Về thể chế trong nước, Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, tạo cơ sở pháp lý khá toàn diện cho hoạt động TTTP. Quốc hội đã thông qua Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP) và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi năm 2014). Quốc hội cũng đã thông qua Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 326 có nhiều quy định liên quan trực tiếp đến TTTP về dân sự.

¹Luật TTTP không quy định trực tiếp khái niệm TTTP về dân sự nhưng có đưa ra khái niệm UTTP về dân sự: “UTTP là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thực hiện một hoặc một số hoạt động TTTP theo quy định của pháp luật nước có liên quan hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.” (Điều 6)

Đặc biệt, ngày 19/10/2016 liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch 12 thay thế Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự của Luật TTTP. Thông tư liên tịch 12 đã nội luật hóa Công ước Tổng đạt, hướng dẫn chi tiết về cách thức, thủ tục trình tự thực hiện hồ sơ UTTP về dân sự phù hợp các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của BLTTDS 2015 và quy định cụ thể cơ chế thu, nộp chi phí UTTP về dân sự.

Về phạm vi TTTP, Luật TTTP (Điều 10) quy định phạm vi TTTP về dân sự gồm: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP về dân sự; Triệu tập người làm chứng, người giám định; Thu thập, cung cấp chứng cứ; các yêu cầu TTTP khác về dân sự. Các Hiệp định (nội dung về dân sự) quy định phạm vi TTTP gồm: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP về dân sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ và các yêu cầu TTTP khác về dân sự; trao đổi tài liệu, thông tin giữa các cơ quan tư pháp; công nhận và thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài.

Mặc dù theo Luật TTTP và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phạm vi TTTP về dân sự rộng như trên nhưng hoạt động TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài trên thực tế thời gian qua chủ yếu tập trung vào hoạt động ủy thác tổng đạt giấy tờ và ủy thác thu thập chứng cứ. Theo thống kê tại Báo cáo công tác TTTP của Chính phủ trình Quốc hội hàng năm, từ năm 2013 năm 2017, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam đã gửi đi nước ngoài tổng cộng 15.485 yêu cầu TTTP², đã tiếp nhận 3921 yêu cầu TTTP của nước ngoài vào Việt Nam³.

Với khối lượng lớn hàng năm các yêu cầu TTTP, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, các tòa án và cơ quan thi hành án dân sự (cấp tỉnh, thành phố) trên toàn quốc đã có rất nhiều nỗ lực để thực hiện các quy định pháp luật trong nước cũng như các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự. Tuy nhiên, cũng phải thẳng thắn nhìn nhận rằng công tác hiện UTTP trong lĩnh vực dân sự vẫn còn những tồn tại hạn chế, cụ thể là: (i) một số lượng hồ sơ UTTP gửi ra nước ngoài còn chưa đáp ứng yêu cầu (về biểu mẫu, ngôn ngữ ...) nên bị trả lại để bổ sung, hoàn thiện khiến thời gian thực hiện UTTP bị kéo dài; (ii) nhiều trường hợp thu, nộp và tạm ứng chi phí chưa được thực hiện đúng và đầy đủ; (iii) một số cơ quan thực hiện hồ sơ ủy thác còn chưa nắm rõ các kênh thực hiện (theo Công ước Tổng đạt hay theo kênh Hiệp định song phương hoặc áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo kênh ngoại giao) để lựa chọn phương án phù hợp. Những hạn

²Năm 2013: 3.777 yêu cầu; năm 2014: 3360 yêu cầu; năm 2015: 3149 yêu cầu; năm 2016: 3338 yêu cầu và năm 2017: 1861 yêu cầu

³Năm 2013: 872 yêu cầu; năm 2014: 825 yêu cầu; năm 2015: 805 yêu cầu; năm 2016: 666 yêu cầu và năm 2017: 753 yêu cầu

chế, tồn tại này làm giảm hiệu quả thực hiện TTTP, ảnh hưởng đến việc giải quyết các vụ việc dân sự, thi hành án có yếu tố nước ngoài.

Tổng kết, đánh giá hoạt động TTTP hàng năm của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương cho thấy những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan có liên quan đến vấn đề thể chế, tổ chức thực hiện, nhân lực, nguồn lực của Việt Nam và cả thực tiễn các nước. Thời gian vừa qua, nhiều quy định của pháp luật trong nước trực tiếp liên quan đến TTTP về dân sự mới được ban hành và đi vào thực thi như Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Thông tư liên tịch số 12, cùng với đó là Công ước Tổng đạt chính thức có hiệu lực với Việt Nam cũng khiến cho nhiều cơ quan thực hiện UTTP lúng túng, bỡ ngỡ khi lập và thực hiện hồ sơ UTTP. Đặc biệt là các cơ quan có thẩm quyền địa phương gặp khó khăn trong việc lập hồ sơ và gửi hồ sơ cho các nước thành viên Công ước Tổng đạt do bên cạnh các quy định chung của Công ước thì các nước thành viên lại có những yêu cầu khác nhau về thành phần hồ sơ, ngôn ngữ, chi phí, đầu mối tiếp nhận các yêu cầu UTTP gửi đến nước mình.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng một tài liệu hướng dẫn chi tiết việc áp dụng quy định pháp luật trong nước và điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự để hỗ trợ cho các cán bộ trực tiếp thực hiện UTTP là cần thiết. Với vai trò cơ quan đầu mối về TTTP trong lĩnh vực dân sự, Cơ quan Trung ương trong thực hiện các điều ước quốc tế về TTTP về dân sự, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Dự án Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện của Hoa Kỳ xây dựng Sổ tay hướng dẫn thực hiện TTTP tại Việt Nam (Sổ tay).

2. Mục đích

Mục đích xây dựng Sổ tay là nhằm: (i) hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện UTTP về dân sự tại Việt Nam đảm bảo phù hợp với điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam có liên quan; (ii) nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP, đáp ứng yêu cầu của cam kết quốc tế và tổ tụng trong nước; (iii) bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong quan hệ dân sự, thương mại nhằm thúc đẩy phát triển quan hệ dân sự thương mại và hội nhập quốc tế.

II. Căn cứ xây dựng Sổ tay

- Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Tổng đạt);

- Các điều ước quốc tế song phương về TTTP;

- BLTTDS 2015;

- Luật TTTP;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 326;

- Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP;

- Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (Nghị định 62);

- Thông tư liên tịch 12;

- Thông tư 203;

- Sổ tay thực thi Công ước Tổng đạt của Hội nghị La Hay (Sổ tay Công ước);

- Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt;

- Thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế;

- Các công văn hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao.

III. Phạm vi, đối tượng sử dụng

Sổ tay hướng dẫn quy trình, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự theo quy định tại Điều 10 Luật TTTP.

Sổ tay hướng dẫn cả quy trình, thủ tục thực hiện UTTP ra và thực hiện UTTP vào.

Sổ tay là tài liệu tham khảo cho các đối tượng là thẩm phán, kiểm sát viên, chấp hành viên, thư ký tòa án, luật sư, thừa phát lại, các cơ sở đào tạo và các cán bộ của các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện và nghiên cứu, tìm hiểu về hoạt động TTTP trong lĩnh vực dân sự.

IV. Cơ cấu, cách thức xây dựng và hướng dẫn sử dụng Sổ tay

1. Cơ cấu và nội dung chính của Sổ tay

Sổ tay gồm 2 phần chính:

Phần I: Hướng dẫn thực hiện, gồm có:

1. UTTP ra: Mục này hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, các bước thực hiện cùng quy trình, thủ tục, các lưu ý khi lập hồ sơ UTTP của Việt Nam gửi ra nước ngoài.

2. UTTP vào: Mục này hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, quy trình, thủ tục, các lưu ý khi thực hiện UTTP của nước ngoài.

Phần II: Các Phụ lục: 09 Phụ lục

06 Phụ lục cung cấp các thông tin chi tiết để hỗ trợ cho việc lập hồ sơ UTTP cụ thể gồm: thông tin về quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt, Cơ quan Trung ương, ngôn ngữ, chi phí lập hồ sơ UTTP, danh mục các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt áp dụng kênh bưu điện và cho phép cơ quan đại diện của nước gửi tổng đạt giấy tờ cho người không phải công dân nước gửi; danh mục các nước ký kết Hiệp định TTTP với Việt Nam; 02 Phụ lục thông tin chi tiết về Công ước Tổng đạt và quá trình gia nhập của Việt Nam và 01 Phụ lục là toàn văn Thông tư liên tịch 12.

2. Cách thức xây dựng Sổ tay

Sổ tay được xây dựng với cách tiếp cận như một tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ (cầm nang về thực hiện UTTP) chi tiết để các cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện TTTP về dân sự tra cứu, tham khảo khi xây dựng hồ sơ UTTP gửi ra nước ngoài hay để thực hiện các UTTP của nước ngoài gửi đến Việt Nam.

Với cách tiếp cận như vậy, Sổ tay được xây dựng trên cơ sở đúc kết, tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế và thực tiễn Việt Nam về TTTP để xác định những vấn đề mà các cơ quan thực hiện UTTP cần được cung cấp thông tin, hướng dẫn như thông tin về cơ quan có thẩm quyền thực hiện TTTP, các kênh thực hiện TTTP và trên cơ sở đó hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện cụ thể tương ứng với từng kênh.

Đặc biệt, từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, Sổ tay đưa ra những lưu ý (được trình bày đóng khung riêng) để **lưu ý** người sử dụng cần quan tâm vì đây là những vấn đề mà các cán bộ trực tiếp thực hiện hồ sơ UTTP thường có cách hiểu chưa chính xác, đầy đủ khiến cho việc lập hồ sơ UTTP không đáp ứng yêu cầu của pháp luật trong nước, điều ước quốc tế hoặc yêu cầu của phía nước ngoài.

3. Cách thức sử dụng Sổ tay

Sổ tay có thể được sử dụng như một tài liệu tổng thể về quy trình thực hiện UTTP của Việt Nam: cung cấp thông tin toàn diện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ, chi phí thực hiện UTTP về dân sự.

Sổ tay cũng hướng dẫn rất chi tiết về cách thức thực hiện hồ sơ UTTP (từ cơ quan có thẩm quyền thực hiện, đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận của phía nước ngoài, số lượng hồ sơ, nội dung, ngôn ngữ, chi phí) theo từng kênh cụ thể (theo điều ước quốc tế song phương, theo Công ước Tổng đạt và theo nguyên tắc có đi có lại). Vì vậy, các cán bộ trực tiếp lập hồ sơ UTTP có thể tra cứu Sổ tay để tiến hành từng bước lập UTTP ra hoặc thực hiện UTTP vào. Cán bộ thực hiện cần (i) **đọc kỹ các thông tin** chung về cơ quan có thẩm quyền, phí/ lệ phí và chi phí thực tế, phương thức thực hiện trước khi tra cứu về các bước tiến hành (ii) **ghi nhớ các lưu ý** được trình bày đóng khung tại các phần tương ứng để việc lập hồ sơ được nhanh chóng, tránh sai sót.

PHẦN I

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ

I. Ủy thác tư pháp từ Việt Nam ra nước ngoài (UTTP ra)

1. Thẩm quyền yêu cầu⁴

- i. Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
- ii. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;
- iii. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh
- iv. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật⁵.

Ngoài ra, trong trường hợp tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện giải quyết vụ việc cần UTTP ra nước ngoài thì các cơ quan này lập hồ sơ để chuyển lên cơ quan cấp tỉnh để cơ quan cấp tỉnh ký gửi đi theo quy định chung về lập hồ sơ UTTP⁶. Ví dụ: Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, TAND huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng cần UTTP tổng đạt giấy tờ cho công dân Đức, TAND huyện Tiên Lãng cần lập hồ sơ, tiến hành các thủ tục UTTP tổng đạt giấy tờ ra theo quy định của Luật TTTP, Thông tư liên tịch 12 và Công ước Tổng đạt sau đó gửi hồ sơ cho TAND thành phố Hải Phòng để TAND thành phố Hải Phòng làm công văn gửi cho Bộ Tư pháp.

Lưu ý: Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp huyện có yêu cầu UTTP ra theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch 12 thì cơ quan này lập hồ sơ và gửi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cấp tỉnh ký gửi hồ sơ, kết quả thực hiện sẽ được trả về cho cơ quan cấp tỉnh đã gửi hồ sơ.

2. Chi phí thực hiện

Chi phí UTTP ra gồm phí/ lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia được yêu cầu.

⁴ Điều 10 Thông tư liên tịch 12

⁵ Cho đến thời điểm hiện nay, pháp luật chuyên ngành mới quy định cho tòa án, viện kiểm sát và cơ quan thi hành án dân sự được gửi UTTP tổng đạt giấy tờ ra, Thông tư liên tịch 12 quy định thêm cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác nhằm dự liệu trước sự thay đổi của pháp luật.

⁶ Khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch 12

2.1 Người có nghĩa vụ nộp chi phí⁷

- Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của BLTTDS 2015 đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài làm phát sinh UTTP ra nước ngoài.

2.2. Phí, lệ phí

Mỗi một yêu cầu UTTP bắt buộc phải nộp phí/lệ phí, cụ thể

- Mức phí 150.000đ/hồ sơ UTTP đối với các vụ việc thụ lý trước ngày 01/01/2017⁸;

- Đối với các vụ việc thụ lý sau ngày 01/01/2017:

+ Hồ sơ UTTP ra của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân: mức lệ phí: 200.000đ/hồ sơ UTTP⁹.

+ Hồ sơ UTTP ra của cơ quan thi hành án dân sự: mức phí: 150.000đ/hồ sơ UTTP¹⁰.

2.3. Chi phí thực tế¹¹

Chi phí thực tế thực hiện UTTP ra bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ UTTP;

- Chi phí tổng đạt hồ sơ UTTP ở nước ngoài;

- Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

Các chi phí phát sinh trong nước, ví dụ như chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ UTTP người có nghĩa vụ nộp chi phí sẽ thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ.

Các chi phí phát sinh ở nước ngoài mức thu, chế độ thu, cơ quan thu được hướng dẫn tại Mục I.4 theo từng kênh tương ứng.

⁷ Điều 68 Luật TTTP, khoản 3 Điều 2 Thông tịch liên tịch 12

⁸ Thông tư 18/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự

⁹ Nghị quyết số 326 quy định về lệ phí với Tòa án. Đối với Viện kiểm sát, do không có quy định riêng về thu phí như cơ quan thi hành án dân sự nên việc tổng đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mức lệ phí và cơ quan thu nộp lệ phí như Tòa án.

¹⁰ Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài

¹¹ Khoản 5 Điều 6 Thông tư liên tịch 12

2.4 Cơ quan thu chi phí UTTP ra

Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thu chi phí UTTP ra¹².

3. Các bước lập hồ sơ UTTP ra

Bước 1: Xác định phạm vi yêu cầu¹³

- Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu;
- Triệu tập người làm chứng, người giám định;
- Thu thập, cung cấp chứng cứ;
- Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về dân sự

Bước 2 : Xác định quốc tịch, địa chỉ của người được yêu cầu thực hiện UTTP để xác định quốc gia được yêu cầu

Bước 3 : Lập hồ sơ và yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP nộp phí/lệ phí, chi phí thực tế

4. Cách thức lập hồ sơ

4.1. UTTP tổng đạt giấy tờ¹⁴

4.1.1. Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt (xem Phụ lục I)

Lưu ý: Việt Nam áp dụng 01 kênh chính, 04 kênh thay thế (kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp; kênh lãnh sự gián tiếp; kênh ngoại giao gián tiếp và kênh bưu điện) theo Công ước Tổng đạt. Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thực hiện UTTP có thể chọn một trong các kênh để gửi hồ sơ UTTP nhưng cần chú ý các điểm sau:

- Căn cứ thực hiện tổng đạt giấy tờ theo Công ước Tổng đạt là địa chỉ của người được tổng đạt, chỉ cần người được tổng đạt có địa chỉ tại nước được yêu cầu (không nhất thiết người đó phải mang quốc tịch nước được yêu cầu) là có thể gửi yêu cầu tổng đạt giấy tờ cho nước đó thực hiện.

- Các kênh thay thế có giá trị thực hiện như kênh chính. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện Công ước cho thấy việc tổng đạt giấy tờ theo kênh chính tiết kiệm thời gian và hiệu quả hơn. Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP nên lựa chọn kênh chính để yêu cầu.

- Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp (Điều 8 Công ước Tổng đạt) áp dụng đối với việc tổng đạt giấy tờ cho công dân của nước gửi và áp dụng đối với cả người khác có địa chỉ tại

¹² Điều 10 Nghị quyết 326; Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

¹³ Điều 10 Luật TTTP

¹⁴ Khoản 1 Điều 10 Luật TTTP

nước nhận nếu quốc gia thành viên tuyên bố không phản đối (Xem Phụ lục IV). Việt Nam tuyên bố kênh này chỉ áp dụng đối với việc gửi giấy tờ cho công dân của nước gửi. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không nên gửi giấy tờ bằng kênh này cho người nhận không phải là công dân Việt Nam, kể cả khi quốc gia nhận không phản đối, do phía nước ngoài có khả năng áp dụng nguyên tắc có đi có lại với Việt Nam.

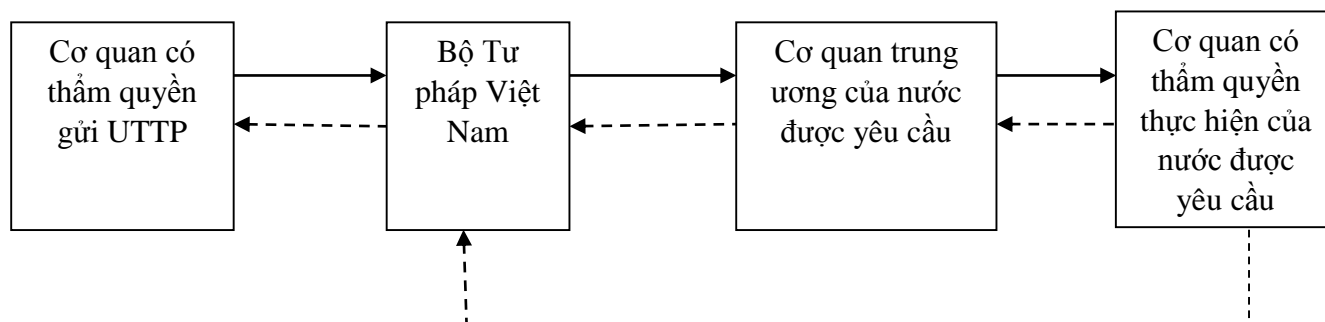
- Các kênh lãnh sự gián tiếp, ngoại giao gián tiếp thường chỉ sử dụng trong những trường hợp rất đặc biệt như **tổng đạt cho đương sự là nhà nước hoặc cơ quan nhà nước nước ngoài**.

- Kênh bưu điện áp dụng đối với giấy tờ gửi đi các nước thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi giấy tờ qua đường bưu điện. (Xem Phụ lục V). Khoản 1 Điều 173, khoản 2 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 474 BLTTDS 2015 quy định phương thức, thủ tục tổng đạt qua dịch vụ bưu chính nên đối với các nước thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi qua đường bưu điện và địa chỉ của người được tổng đạt chính xác, rõ ràng, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cân nhắc việc sử dụng phương thức này để tiết kiệm chi phí cho đương sự, đặc biệt là UTTP tổng đạt giấy tờ đi những nước thu chi phí tổng đạt giấy tờ cao như Hoa Kỳ, Canada, Bỉ ...

- Với các nước là thành viên Công ước Tổng đạt đồng thời có Hiệp định với Việt Nam (Liên bang Nga, U-crai-na, Trung Quốc, Séc, Xlô-va-ki-a, Ba Lan, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Pháp, Hung-ga-ri và Ca-dắc-xtan), cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP có thể lập hồ sơ đề nghị thực hiện theo các kênh của Công ước Tổng đạt hoặc theo Hiệp định. Tuy nhiên, sau khi đánh giá giữa thực hiện theo Công ước Tổng đạt với Hiệp định, Bộ Tư pháp thấy rằng việc thực hiện theo Hiệp định thể hiện tính ưu việt hơn. Bộ Tư pháp khuyến nghị các cơ quan có yêu cầu UTTP nên cân nhắc lựa chọn để gửi các yêu cầu UTTP tổng đạt giấy tờ.

a. Kênh chính¹⁵

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

¹⁵ Điều 2 đến Điều 7 Công ước Tổng đạt

- Hồ sơ yêu cầu: lập 03 bộ và gồm các giấy tờ sau¹⁶:

+ Bản chính **Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự** gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (**Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12) (không cần dịch);

+ **Văn bản UTTP gửi Cơ quan Trung ương nước được yêu cầu UTTP** (theo **Mẫu số 02B** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12). Yêu cầu về ngôn ngữ của văn bản này cần thực hiện theo đúng phần lưu ý. Các nội dung cần điền vào mẫu đã được hướng dẫn theo Thông tư liên tịch số 12. **Bộ Tư pháp sẽ ký văn bản này**. Ví dụ: *UTTP tổng đạt giấy tờ cho đương sự cư trú tại Hàn Quốc, thông tin và địa chỉ của người có thẩm quyền nhận tại mục (2) Mẫu 02B là Tòa án tối cao Hàn Quốc, đại chỉ Seocho-daero 219 Seocho-gu SEOUL 06590, Republic of Korea (Xem STT 29 Phụ lục I hoặc cập nhật thông tin tại trang điện tử: <https://www.hcch.net/en/states/authorities/details3/?aid=262>)*

+ Bản chính hoặc bản sao các **giấy tờ, tài liệu** khác phục vụ việc UTTP, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận;

+ **Biên lai** thu phí/lệ phí và giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài/biên lai tạm ứng chi phí thực tế.

- Chi phí thực hiện yêu cầu

+ Phí/Lệ phí yêu cầu: thực hiện theo Mục 1.2.2.

+ Chi phí UTTP ra tại nước ngoài

Đối với UTTP đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt đã có thông báo cụ thể về chi phí thực tế và phương thức thanh toán (*Xem Phụ lục II*), người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán trực tiếp chi phí cho phía nước ngoài¹⁷, không phải nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí UTTP¹⁸. Ví dụ: *UTTP tổng đạt giấy tờ đi Hoa Kỳ phải trả chi phí thực hiện là 95 USD và thanh toán theo hình thức chuyển khoản cho Công ty ABC Legal. Hoa Kỳ đã thông báo chi phí và phương thức thanh toán nên người có nghĩa vụ nộp chi phí phải tự thực hiện chuyển khoản cho công ty này (xem thông tin tại số thứ tự 1 Phụ lục II hoặc cập nhật tra cứu thông tin tại <http://www.hagueservice.net/payfororder.asp>)*

Đối với UTTP đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt đã thông báo không thu/miễn chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ (*Xem Phụ lục III*), người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự không phải nộp chi phí thực tế và không phải tạm ứng 3.000.000đ chi phí thực tế. Ví dụ: *UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi CHLB Đức, người có nghĩa vụ nộp chi phí*

¹⁶ Điều 11 Luật TTTP và Điều 12 Thông tư liên tịch 12

¹⁷ Điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12

¹⁸ Điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12

không phải nộp tạm ứng 3.000.000đ. (xem số thứ tự 23 Phụ lục III)

Đối với yêu cầu UTTP đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt chưa thông báo về chi phí thực tế hoặc đã thông báo có thu chi phí thực hiện UTTP nhưng thu sau (Xem Phụ lục II), cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ UTTP thông báo yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP về dân sự nộp tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí UTTP tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh. Ví dụ: UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi Nhật Bản, Nhật Bản thông báo sẽ thu phí do thừa phát lại thực hiện và Toà án Nhật Bản sẽ gửi hoá đơn thông báo chi phí nên người có nghĩa vụ nộp chi phí phải nộp tạm ứng 3.000.000đ (xem số thứ tự 13 Phụ lục II).

Lưu ý:

- Khi lập Văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo Mẫu 2B cần chú ý:

+ Mẫu 2B gồm 03 phần: (i) Yêu cầu tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp; (ii) Giấy xác nhận kết quả tổng đạt; (iii) Tóm tắt giấy tờ tổng đạt. Mặt sau của yêu cầu tổng đạt là giấy xác nhận kết quả. 03 phần này cần tách thành từng trang riêng. Trường hợp các nội dung cần điền tại yêu cầu tổng đạt vượt quá 1 trang giấy nên không thể in giấy xác nhận kết quả ở mặt sau của yêu cầu tổng đạt thì phần giấy xác nhận kết quả tổng đạt in riêng ở trang tiếp theo trang cuối cùng của yêu cầu tổng đạt.

+ Bộ Tư pháp sẽ chịu trách nhiệm ký, đóng dấu văn bản này nên phần ký tên đóng dấu hướng dẫn số (10) Mẫu 2B cơ quan lập hồ sơ không ký tên, đóng dấu mà để trống đủ để Bộ Tư pháp ký, đóng dấu.

+ Mục 2 của Giấy xác nhận kết quả cần để khoảng trống để cơ quan nước ngoài có thể điền các thông tin nếu không thực hiện được việc tổng đạt.

+ Danh mục giấy tờ (hướng dẫn số 8) cần ghi đúng tiêu đề văn bản tổng đạt (không ghi theo nội dung văn bản tổng đạt), ghi chính xác số, ký hiệu (nếu có trích dẫn), ví dụ: Thông báo thụ lý vụ án số 15/TB-TL.

- Phần nội dung tiếng Anh tại Mẫu 2B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 được lấy toàn bộ từ bản mẫu của Công ước Tổng đạt. Do vậy, cơ quan lập hồ sơ phải giữ nguyên các nội dung đã có sẵn tại Mẫu và có thể:

+ điền thêm thông tin bằng song ngữ Việt - Anh vào Mẫu 2B (song ngữ Việt – Anh) hoặc

+ điền thêm thông tin bằng tiếng Việt và dịch phần đã điền sang tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu .

Ngoài tiếng Anh, các mẫu song ngữ tiếng Anh kèm với tiếng Pháp, Trung, Séc, Đức, Ba Lan, Nga, Xlô - va- ki- a, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, U- crai-na cũng có trên trang thông tin của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế (<https://www.hcch.net/en/publications-and-studies/details4/?pid=6560&dtid=65>)(Service Section- mục Mandatory Form). Khi giấy tờ được yêu cầu dịch sang ngôn ngữ của các nước nêu trên này thì nên sử dụng mẫu do những nước này cung cấp trên trang của Hội nghị La Hay. Các thông tin đã có sẵn trên mẫu cũng

phải được giữ nguyên trong bản dịch.

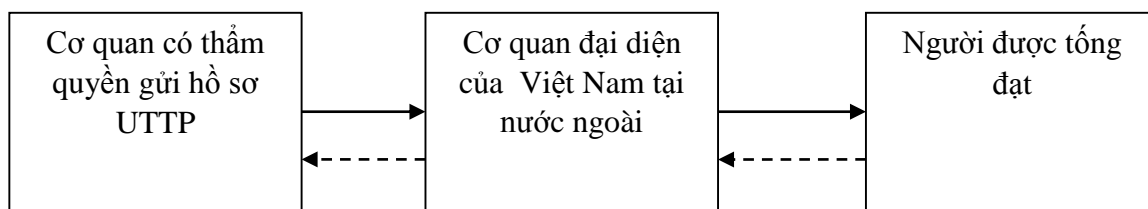
- Đối với các nước yêu cầu thanh toán trước tiền thực hiện tổng đạt giấy tờ, đã xác định chi phí phải trả và phương thức thanh toán chuyển khoản vào tài khoản đã được chỉ định, cơ quan có thẩm quyền UTTP :

+ **Không** yêu cầu đương sự nộp tạm ứng chi phí 3.000.000đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 trong trường hợp đã thanh toán chi phí trước cho nước được yêu cầu và

+ **Có** hướng dẫn người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán cả các khoản chi phí ngân hàng phát sinh như phí chuyển tiền ra nước ngoài, phí chuyển đổi ngoại tệ... để tránh trường hợp ngân hàng khấu trừ các khoản chi phí này vào khoản tiền phải nộp cho phía nước ngoài, dẫn đến hồ sơ bị trả lại do không nộp đủ chi phí cho nước ngoài và kiểm tra sau khi người có nghĩa vụ nộp chi phí xuất trình giấy tờ của ngân hàng chứng minh đã thanh toán chi phí đảm bảo chuyển đủ cho phía nước ngoài số tiền đã yêu cầu.

- Địa chỉ của người được tổng đạt phải đầy đủ chính xác (có tên tiểu bang đối với những nước liên bang, mã vùng), **không phải là địa chỉ hộp thư** (Một số nước có dịch vụ cho thuê các hộp thư để các tổ chức, cá nhân nhận bưu kiện, bưu phẩm. Bưu kiện, bưu phẩm gửi đến hộp thư này không có người ký nhận. Thông thường các địa chỉ hộp thư thường có chữ viết tắt là P.O BOX).

b. Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp¹⁹



- Quy trình:

Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu²⁰:

¹⁹ Điều 8 Công ước Tổng đạt

²⁰ - Tính đến tháng 1/2018, TANDTC và Bộ Ngoại giao đang hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch giữa TAND tối cao và Bộ Ngoại giao hướng dẫn tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài. Dự thảo Thông tư này có hướng dẫn và biểu mẫu Văn bản gửi Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài đề nghị tổng đạt giấy tờ, quy định chi phí thực tế thực hiện cùng cách thức thu, nộp. Các quy định này áp dụng cho việc tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài nhưng có thể áp dụng tương tự đối với yêu cầu tổng đạt văn bản cho công dân nước ngoài nếu nước có công dân đó không phản đối.

+ Bản chính Văn bản gửi Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài đề nghị tổng đạt giấy tờ do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký, đóng dấu.

+ Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận trong trường hợp người được tổng đạt là người nước ngoài.

+ Biên lai thu chi phí UTTP.

- Chi phí thực hiện

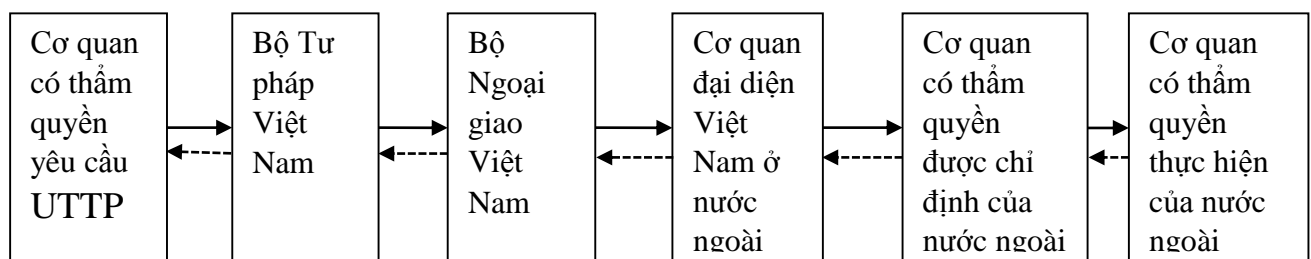
+ Phí/Lệ phí yêu cầu: thực hiện theo Mục I.2.2.

+ Chi phí thực tế: Theo quy định tại Thông tư liên tịch giữa TAND tối cao và Bộ Ngoại giao hướng dẫn tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Ví dụ: Kênh này được sử dụng để gửi giấy tờ tổng đạt cho công dân nước gửi. Người được tổng đạt là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể gửi hồ sơ cho Đại sứ quán Việt Nam tại nước nơi công dân Việt Nam cư trú. Theo quy định của điểm d khoản 1 Điều 474 BLTTDS năm 2015, hồ sơ gửi trực tiếp từ cơ quan có thẩm quyền đến Đại sứ quán Việt Nam bằng đường bưu điện, không phải thông qua Bộ Tư pháp. Tại một số quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt không tuyên bố Cơ quan đại diện của nước ngoài chỉ được tổng đạt giấy tờ cho công dân nước gửi như nước Anh thì Đại sứ quán Việt Nam có thể tổng đạt giấy tờ cho người được yêu cầu tổng đạt là công dân Anh hoặc công dân nước thứ ba (Xem số thứ tự 30 Phụ lục IV). Tuy nhiên, Việt Nam đã đưa ra tuyên bố nên những nước không tuyên bố có thể áp dụng nguyên tắc có đi có lại, không cho phép cơ quan đại diện của Việt Nam gửi giấy tờ cho người nhận không phải công dân Việt Nam tại nước ngoài.

c. Kênh lãnh sự gián tiếp²¹

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Trong thời gian chưa ban hành Thông tư liên tịch nêu trên, việc tổng đạt văn bản cho công dân Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 33/TANDTC-HTQT ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

²¹ Đoạn 1 Điều 9 Công ước Tổng đạt

- Hồ sơ yêu cầu²²: Lập 03 bộ gồm các văn bản sau:

+ Bản chính **Văn bản yêu cầu UTTP** về dân sự gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (**Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12);

+ Bản chính hoặc bản sao **Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu**: Có thể lập theo **một trong 02 mẫu**:

(i) Mẫu số 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận; hoặc

(ii) Mẫu số 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 có thể làm bằng song ngữ hoặc được dịch sang tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu.

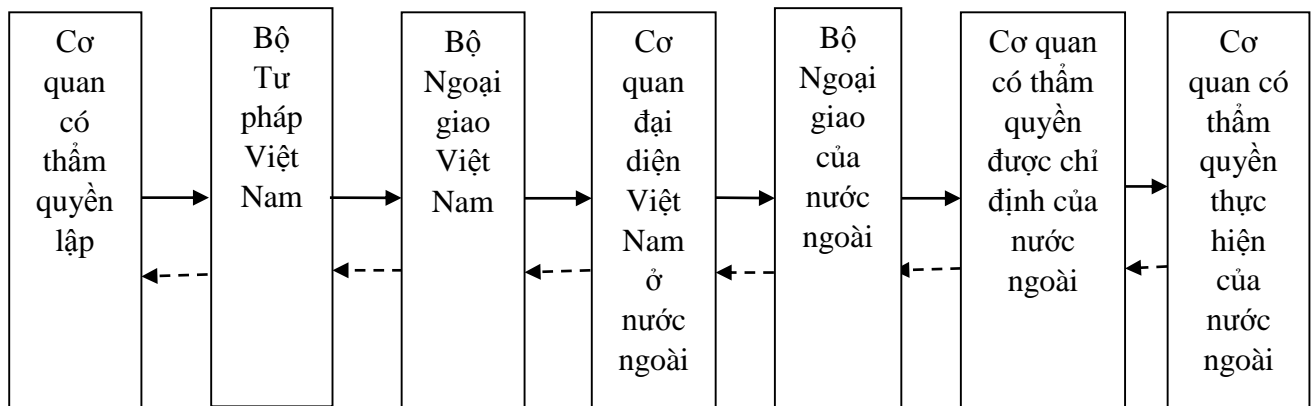
+ Bản chính hoặc bản sao các **giấy tờ, tài liệu** khác phục vụ việc UTTP, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận;

+ **Biên lai** thu phí/lệ phí và giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài/biên lai tạm ứng chi phí thực tế.

- Chi phí thực hiện: như Kênh chính tại Mục I.4.1.1.a

d. Kênh ngoại giao gián tiếp²³

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

²² Điều 11 Luật TTTP và Điều 12 Thông tư liên tịch 12

²³ Đoạn 2 Điều 9 Công ước Tổng đạt

- Hồ sơ yêu cầu: Thực hiện như Kênh lãnh sự gián tiếp Mục I.4.1.1.c
- Chi phí thực hiện: Thực hiện như Kênh chính Mục I. 4.1.1.a

Lưu ý:

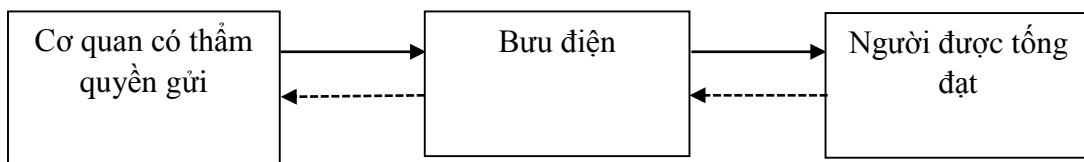
- Trường hợp yêu cầu UTTP thực hiện theo kênh lãnh sự gián tiếp hoặc ngoại giao gián tiếp, Công ước Tổng đạt không bắt buộc mà chỉ khuyến khích việc lập văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo Mẫu của Công ước nên cơ quan yêu cầu có thể sử dụng Mẫu 2A hoặc 2B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

- Trường hợp cơ quan yêu cầu lựa chọn kênh lãnh sự gián tiếp hoặc ngoại giao gián tiếp để UTTP tổng đạt giấy tờ đi các nước thành viên Công ước Tổng đạt thì trong Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp (Mẫu 01) nêu rõ đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ yêu cầu theo quy định tại khoản 7 hoặc khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch 12 để Bộ Tư pháp và cơ quan ngoại giao của Việt Nam tiến hành các quy trình tương ứng tiếp theo.

- Thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ theo các kênh lãnh sự, ngoại giao của Công ước Tổng đạt vẫn thu nộp chi phí như kênh chính.

e. Kênh bưu điện²⁴

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ:

Các văn bản cần tổng đạt kèm theo bản dịch được chứng thực ra ngôn ngữ của nước mà người được tổng đạt có quốc tịch.

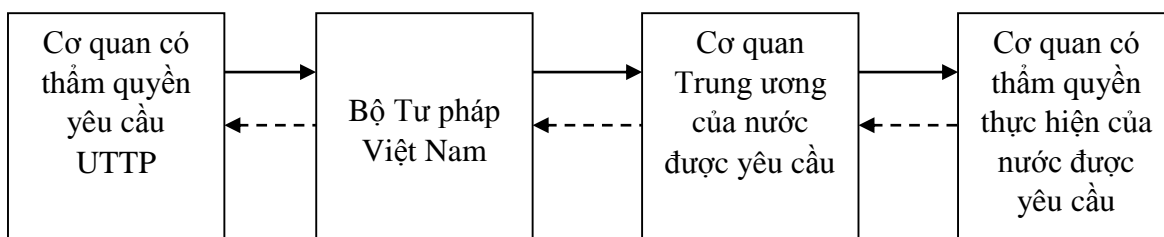
²⁴ Điểm a Điều 10 Công ước tổng đạt.

- Chi phí thực hiện: **không thu phí/lệ phí UTTP** và không phát sinh chi phí UTTP tại nước ngoài, đương sự thanh toán các chi phí thực tế phát sinh như: chi phí dịch các văn bản có trong hồ sơ, chi phí gửi bưu phẩm đi nước ngoài.

- Kết quả thể hiện việc tổng đạt là thông báo của bưu điện là giấy tờ về việc người được tổng đạt đã ký nhận/ từ chối nhận bưu phẩm hoặc không gửi được do địa chỉ không đúng, không có người nhận...

4.1.2. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục VI)

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ: Lập 03 bộ gồm các văn bản, giấy tờ sau

+ Bản chính **Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp** do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký (**Mẫu số 01** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12);

+ Bản chính hoặc bản sao **Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền nước được UTTP** do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký (**Mẫu số 02A** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12) kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba theo quy định của Hiệp định. *Ví dụ ngôn ngữ sử dụng trong UTTP với Lãnh thổ Đài Loan là tiếng Trung hoặc tiếng Anh (Xem số thứ tự 16 Phụ lục VI)*

+ Các **giấy tờ, tài liệu** khác phục vụ việc UTTP có kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba theo quy định của Hiệp định;

+ **Biên lai** thu phí/lệ phí.

- Chi phí thực hiện yêu cầu

+ Phí/Lệ phí: thực hiện theo Mục I.2.2.

+ Chi phí UTTP tại nước ngoài: Không phát sinh chi phí do các Hiệp định đều quy định việc thực hiện TTTP giữa hai bên miễn phí trừ trường hợp UTTP tổng đạt giấy tờ theo thủ tục đặc biệt.

Lưu ý:

- Về ngôn ngữ sử dụng trong UTTP, các Hiệp định ký kết với các nước/vùng lãnh thổ đều quy định các văn bản, giấy tờ, tài liệu phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba (thông thường là tiếng Anh; hoặc tiếng Nga đối với các nước trong khối XHCN trước đây). Do vậy, trong trường hợp không thể dịch các văn bản ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu thì có thể dịch ra ngôn ngữ thứ ba được quy định. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho các cơ quan trực tiếp thực hiện của Việt Nam cũng như cơ quan nước ngoài, cơ quan trung ương thực thi Hiệp định của hai Bên ký kết (Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp nước ký Hiệp định) thường trao đổi và thống nhất **khuyến khích sử dụng ngôn ngữ chính thức của hai Bên**, hạn chế tối đa ngôn ngữ thứ ba đã được quy định trong Hiệp định.

- Việc thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ đi các nước/vùng lãnh thổ có Hiệp định với Việt Nam không phát sinh chi phí trừ trường hợp yêu cầu thực hiện theo thủ tục đặc biệt, nên đối với trường hợp yêu cầu tổng đạt giấy tờ thông thường, cơ quan có thẩm quyền **không yêu cầu người nộp chi phí UTTP đóng tạm ứng 3.000.000đ** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

4.1.3 Quốc gia được yêu cầu không là thành viên Công ước Tổng đạt và không ký Hiệp định với Việt Nam.

Trường hợp này thực hiện theo kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

- Quy trình thực hiện như kênh ngoại giao gián tiếp tại Mục I.4.1.1.d;

- Hồ sơ thực hiện như kênh Hiệp định TTTP tại Mục I.4. 1.2

- Chi phí thực hiện: Cho đến thời điểm hiện nay chưa có thông tin về chi phí thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ tại các nước không có điều ước quốc tế với Việt Nam. Do vậy, người nộp chi phí UTTP phải nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí thực hiện UTTP tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh²⁵.

4.2. UTTP thu thập, cung cấp chứng cứ và các UTTP khác²⁶

4. 2.1. Quốc gia được yêu cầu có ký Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục VI)

Quy trình và thủ tục thực hiện như Mục I.4.1.2.

4. 2.2. Quốc gia được yêu cầu không ký Hiệp định với Việt Nam.

Quy trình và thủ tục thực hiện như Mục I.4.1.3.

Lưu ý chung đối với UTTP ra:

²⁵ Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12

²⁶ Khoản 2, 3, 4 Điều 10 Luật TTTP

- Xây dựng văn bản yêu cầu đúng mẫu theo hướng dẫn;
 - Xác định rõ yêu cầu (**không cùng một lúc yêu cầu tổng đạt văn bản và thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự**) và liệt kê đầy đủ, cụ thể, chính xác văn bản cần tổng đạt để tạo điều kiện thuận lợi cho phía nước ngoài khi thực hiện.
 - Tách riêng hồ sơ yêu cầu đối với mỗi một đương sự không có cùng địa chỉ. Đặc biệt UTTP tổng đạt giấy tờ đi Hoa Kỳ và bang Quebec (Canada) mỗi một đương sự là một yêu cầu có hồ sơ tổng đạt riêng và phải nộp phí trên mỗi yêu cầu, kể cả trường hợp hai hay nhiều đương sự có chung địa chỉ.
 - Tại Văn bản yêu cầu ủy thác tư pháp (Mẫu số 02A, 02B) cơ quan yêu cầu cung cấp địa chỉ thư điện tử (email) và số điện thoại chính thức để thuận tiện cho Bộ Tư pháp cũng như phía nước ngoài liên hệ trao đổi.
 - Thường xuyên kiểm tra, cập nhật thông tin liên quan đến các nước thành viên Công ước Tổng đạt tại địa chỉ <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/authorities1/?cid=17> để lập hồ sơ chính xác, phù hợp với yêu cầu của các quốc gia.
 - Cơ sở pháp lý cho hoạt động UTTP thu thập chứng cứ là các Hiệp định và pháp luật TTTP trong nước; Công ước Tổng đạt chỉ áp dụng đối với UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi các nước là thành viên của Công ước. Do vậy, trong cùng một vụ việc dân sự nếu đồng thời phát sinh nhu cầu tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ đối với cùng một đương sự thì cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP vẫn phải lập riêng hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ và hồ sơ UTTP thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, để có cơ sở yêu cầu và tiết kiệm thời gian, chi phí, trong vụ việc dân sự vừa tổng đạt giấy tờ vừa thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự, các cơ quan lập hồ sơ có thể cân nhắc yêu cầu tổng đạt văn bản đề nghị đương sự (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan) tự cung cấp ý kiến, chứng cứ, tài liệu (nếu có) kèm theo các văn bản khác trong hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ.
- Những trường hợp đề nghị người thứ ba cung cấp ý kiến, tài liệu ...thì phải lập hồ sơ thu thập chứng cứ riêng.

5. Thời gian chuyển hồ sơ

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi hồ sơ cho phía nước ngoài hoặc là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ²⁷.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam rà soát tính hợp lệ của hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ để chuyển Cơ quan trung ương của nước được yêu cầu (trong trường

²⁷ Điều 14 Thông tư liên tịch 12

hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao) là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ²⁸.

6. Trả kết quả

6.1. Thời gian trả kết quả

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi thông báo kết quả thực hiện của phía nước ngoài cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của phía nước ngoài (Điều 15 Thông tư liên tịch 12).

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam chuyển trả kết quả cho cơ quan đã gửi yêu cầu là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả từ Cơ quan trung ương/cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu (trong trường hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự).

6.2. Hồ sơ trả kết quả

Hồ sơ Bộ Tư pháp trả kết quả thực hiện tổng đạt giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ bao gồm:

- Văn bản thông báo kết quả của Bộ Tư pháp;
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc thực hiện/không thực hiện được của phía nước ngoài.

Lưu ý: Theo quy định tại các Hiệp định cũng như điểm a Điều 5 Công ước Tổng đạt (đối với UTTP tổng đạt giấy tờ) và thông lệ quốc tế thì việc thực hiện UTTP tuân theo quy định pháp luật của nước được yêu cầu.

Ngoài ra, các Hiệp định và điểm b Điều 5 Công ước Tổng đạt (đối với UTTP tổng đạt giấy tờ) cũng ghi nhận việc thực hiện tổng đạt giấy tờ theo phương thức mà nước yêu cầu đề nghị (có thể coi là thực hiện theo thủ tục đặc biệt) với điều kiện: (i) phương thức đó không trái quy định pháp luật của nước được yêu cầu và (ii) nếu phát sinh chi phí thì bên yêu cầu phải chi trả.

Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi UTTP ra không nên căn cứ các quy định về thủ tục, phương thức thực hiện tổng đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ ... của pháp luật trong nước để đánh giá tính hợp pháp của kết quả do phía nước ngoài thực hiện. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đề nghị việc thực hiện UTTP ra theo trình tự, thủ tục hoặc phương thức cụ thể phù hợp với quy định pháp luật trong nước mà pháp luật nước ngoài

²⁸ Khoản 2 Điều 14 Luật TTTP

không quy định thì đây là yêu cầu thực hiện theo thủ tục đặc biệt, có thể phát sinh chi phí phải chi trả cho phía nước ngoài.

II. Ủy thác tư pháp từ nước ngoài đến Việt Nam (UTTP vào)

1. Thẩm quyền thực hiện²⁹

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện UTTP vào gồm:

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh³⁰;
- Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trong trường hợp tổng đạt giấy tờ của nước ngoài liên quan đến thi hành án³¹;
- Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của pháp luật³².

2. Chi phí thực hiện

Chi phí thực hiện UTTP vào bao gồm lệ phí theo quy định pháp luật Việt Nam và chi phí thực tế sẽ phát sinh trong quá trình cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện tại Việt Nam.

2.1 Người có nghĩa vụ nộp³³

Người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào là cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có yêu cầu UTTP với Việt Nam.

2.2 Lệ phí

Trong trường hợp giữa Việt Nam và nước yêu cầu không cùng ký kết, tham gia điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự thì người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào phải nộp 1.000.000đ/yêu cầu³⁴.

Người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào không phải nộp lệ phí nêu trên trong trường hợp giữa Việt Nam và nước yêu cầu cùng ký kết Hiệp định hoặc nước yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt nếu yêu cầu UTTP tổng đạt giấy tờ.

²⁹ Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch 12

³⁰ Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không bị giới hạn, có nghĩa là cơ quan này có thẩm quyền thực hiện tất cả các yêu cầu

³¹ Điều 181 Luật Thi hành án dân sự, Khoản 4 Điều 50 Nghị định 62

³² Quy định thừa phát lại tổng đạt giấy tờ nước ngoài đã được đưa vào dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại, hiện Bộ Tư pháp đang nghiên cứu xây dựng thông tư hướng dẫn chi tiết về nội dung này.

³³ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 12

³⁴ Khoản 7 Điều 4, Điều 43 Nghị quyết số 326 và Mục B.II.7 Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

2.3 Chi phí thực tế³⁵

Bao gồm:

- Chi phí trả cho tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam – quy định này nhằm đến việc trả chi phí cho thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ (việc trả chi phí cho tổ chức, cá nhân không phải thuộc cơ quan nhà nước đã thực hiện việc tổng đạt);

- Chi phí phát sinh do phía nước ngoài yêu cầu thực hiện UTTP theo thủ tục đặc biệt.
Ví dụ: phía nước ngoài yêu cầu việc tổng đạt phải có người thứ ba làm chứng thì thù lao trả cho người làm chứng (nếu có) do phía nước ngoài chi trả.

2.4 Cơ quan thu và quy trình thu nộp

Về lệ phí:

Bộ Ngoại giao là cơ quan thu lệ phí 1.000.000 đồng trong trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam.

Về chi phí thực tế:

- Trường hợp đã xác định được chi phí thực tế khi tiếp nhận yêu cầu tổng đạt giấy tờ của phía nước ngoài, cơ quan đã tiếp nhận yêu cầu (Bộ Ngoại giao trong trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam; Bộ Tư pháp trong trường hợp nước yêu cầu có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) thông báo cơ quan/tổ chức nước ngoài nộp chi phí thực tế

- Trường hợp sau khi tiếp nhận yêu cầu tổng đạt giấy tờ từ Bộ Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP vào đã nêu tại Mục 3.1 mới xác định chi phí thực tế thì trong 05 ngày làm việc, cơ quan này thông báo cho Bộ Tư pháp số chi phí phía nước ngoài phải nộp và phương thức nộp và ấn định cho phía nước ngoài thời hạn nộp không quá 60 ngày; trong thời hạn 05 ngày làm việc Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan/tổ chức đã gửi yêu cầu (trong trường hợp nước yêu cầu có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) hoặc cho Bộ Ngoại giao (trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) để Bộ Ngoại giao thông báo cơ quan/tổ chức đã gửi yêu cầu.

3. Phương thức thực hiện

UTTP vào được thực hiện theo quy định pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự³⁶.

³⁵ Khoản 6 Điều 6 Thông tư liên tịch 12

³⁶ Khoản 2 Điều 20 Thông tư liên tịch 12

Như vậy quy định của Thông tư liên tịch 12 dẫn chiếu lại pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự. Đối chiếu với các quy định pháp luật này thì việc thực hiện UTTP vào như sau:

Thứ nhất, trường hợp UTTP tổng đạt giấy tờ được thực hiện theo các phương thức:

+ Đối với giấy tờ liên quan đến thi hành án – thực hiện theo Điều 40, 41, 42, 43 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung 2014).

- Tổng đạt trực tiếp cho người được yêu cầu; trường hợp người được yêu cầu vắng mặt thì giao giấy tờ cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người đó.

- Niêm yết công khai khi không rõ địa chỉ của người được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp;

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nếu nước ngoài có yêu cầu và đã nộp chi phí thực tế phát sinh (nếu có).

+ Đối với các giấy tờ liên quan đến Tòa án – thực hiện theo quy định của Điều 177, 178, 179, 180 BLTTDS 2015, cụ thể

- Tổng đạt trực tiếp cho người được yêu cầu.

- Niêm yết công khai áp dụng trong trường hợp không thực hiện được tổng đạt trực tiếp.

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nếu nước ngoài có yêu cầu và đã nộp chi phí thực tế phát sinh (nếu có).

Thứ hai, trường hợp UTTP thu thập chứng cứ được thực hiện theo quy định tương ứng từ Điều 98 đến Điều 104 BLTTDS 2015.

Lưu ý: Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP gửi qua đường bưu điện thông báo yêu cầu đương sự đến trụ sở để nhận hồ sơ UTTP của nước ngoài và bưu điện hoàn trả thông báo của Tòa án do địa chỉ không đầy đủ, không chính xác, không có người nhận, người nhận đã chuyển đi nơi khác hoặc người nhận từ chối, ... cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP cần xác minh lại các thông tin, lý do không gửi được thông báo cho người được yêu cầu như bưu điện cung cấp. Sau đó, lập Văn bản thông báo kết quả UTTP của nước ngoài (theo Mẫu 03 kèm theo Thông tư liên tịch 12) kèm theo biên bản xác minh gửi lại cho Bộ Tư pháp.

Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP giao cho thừa phát lại tổng đạt thông báo yêu cầu đương sự đến trụ sở để nhận hồ sơ UTTP của nước ngoài và thừa phát lại đã tổng đạt thành công nhưng đương sự không có mặt theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP cần tổng đạt hồ sơ UTTP trực tiếp cho đương sự hoặc thông qua thừa phát lại. Sau đó, lập Văn bản thông báo kết quả UTTP của nước ngoài (Mẫu 03 kèm theo Thông tư liên tịch 12) gửi lại cho Bộ Tư pháp.

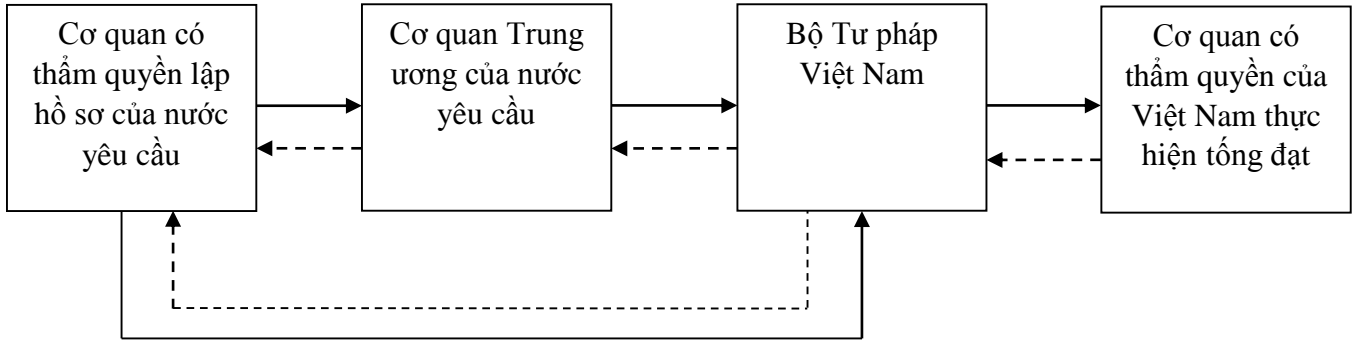
4. Các kênh thực hiện

4.1 Theo Công ước Tổng đạt

Phạm vi áp dụng: chỉ áp dụng đối với yêu cầu UTTP tổng đạt giấy tờ đến từ các nước thành viên Công ước Tổng đạt.

4.1.1 Kênh chính

- Quy trình



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu:

+ **Văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo mẫu ban hành cùng Công ước Tổng đạt** được lập bằng ngôn ngữ của nước yêu cầu kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc được lập bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp.

+ Các **giấy tờ tài liệu** cần được tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực tế (nếu phát sinh)

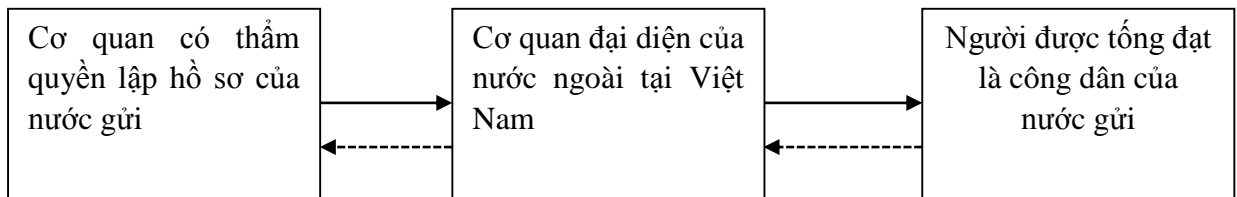
- Chi phí thực hiện:

+ Lệ phí UTTP vào: không phải nộp.

+ Chi phí thực tế nộp theo Mục II.2.3 (nếu phát sinh)

4.1.2 Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp

- Quy trình



Gửi đi: _____

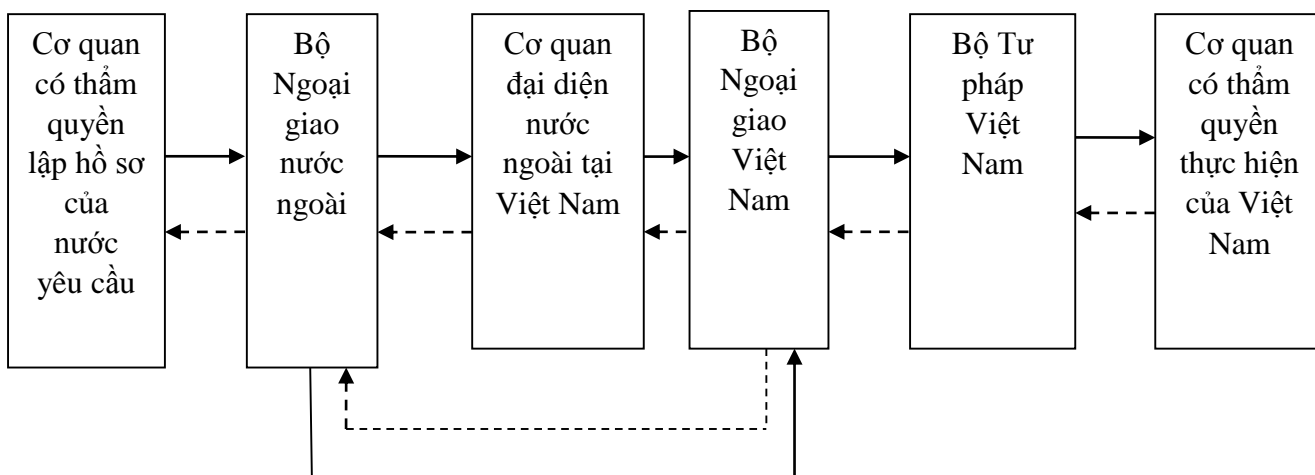
Trả kết quả: - - - - -

Về cơ bản thực hiện theo kênh này có thể coi như việc hỗ trợ nội bộ giữa hai cơ quan của nước gửi nên quy định pháp luật Việt Nam không điều chỉnh.

Lưu ý: Khi gia nhập Công ước Tổng đạt, Việt Nam tuyên bố phản đối việc áp dụng kênh này với người không phải là công dân nước gửi (tức là công dân Việt Nam, công dân nước thứ ba tại Việt Nam). Do vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi tổng đạt giấy tờ của nước ngoài chỉ có thể sử dụng kênh này để gửi giấy tờ cho công dân của nước mình.

4.1.3 Kênh ngoại giao gián tiếp

- Quy trình



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ

+ Văn bản của cơ quan ngoại giao nước ngoài gửi cơ quan ngoại giao hoặc Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo chuyển yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ và đề nghị hỗ trợ thực hiện.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ kèm theo bản dịch tiếng Việt.

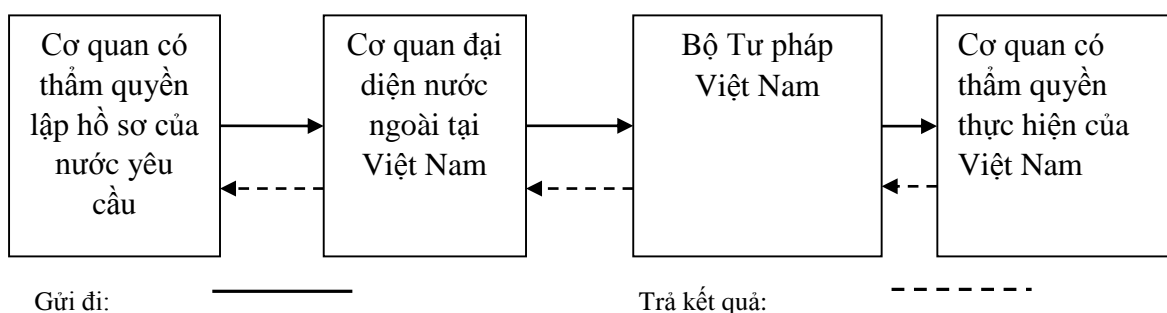
+ Giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ (nếu phát sinh).

- Chi phí

Thực hiện như kênh chính

4.1.4 Kênh lãnh sự gián tiếp



- Hồ sơ

+ Văn bản của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam gửi Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo chuyển yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ và đề nghị hỗ trợ thực hiện.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ (nếu phát sinh).

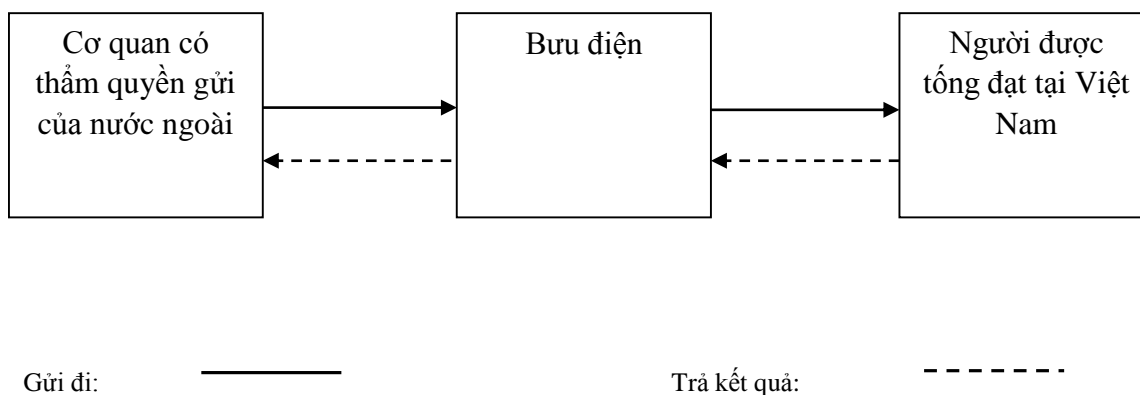
- Chi phí

Thực hiện như kênh chính

4.1.5 Kênh bưu điện

- Phạm vi áp dụng: khi gia nhập Công ước Tổng đạt, Việt Nam tuyên bố không phản đối việc tổng đạt giấy tờ bằng hình thức gửi qua đường bưu điện. Do vậy, các nước thành viên Công ước Tổng đạt có thể sử dụng phương thức gửi bưu điện bảo đảm có báo phát cho người được tổng đạt đang cư trú tại Việt Nam.

- Quy trình



- Hồ sơ: bao gồm các giấy tờ, tài liệu tổng đạt cho người nhận theo quy định của nước gửi. Trường hợp người nhận là công dân Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt. (Việt

Nam tuyên bố là các giấy tờ chuyển qua Việt Nam phải dịch sang tiếng Việt trừ trường hợp gửi cho công dân của nước gửi theo kênh lãnh sự/ ngoại giao trực tiếp hoặc kênh bưu điện)

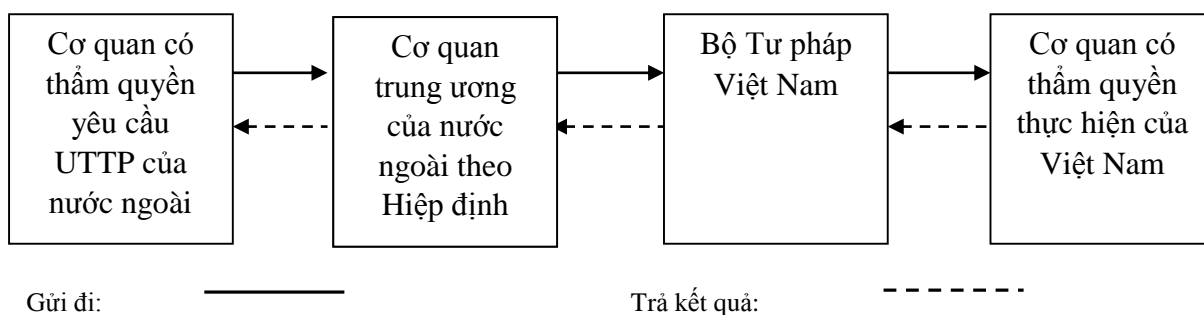
- Kết quả: tương tự như UTTP tổng đạt giấy tờ đi, kết quả tổng đạt là thông báo của bưu điện về việc người được tổng đạt đã ký nhận/ từ chối nhận bưu phẩm hoặc không gửi được do địa chỉ không đúng, không có người nhận...

Lưu ý: Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi giấy tờ theo kênh này với điều kiện việc gửi giấy tờ thông qua dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm. Do vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi tổng đạt văn bản của nước ngoài có thể sử dụng kênh này để gửi giấy tờ cho công dân Việt Nam và người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

4.2. Theo Hiệp định

- Phạm vi áp dụng: áp dụng đối với tất cả các yêu cầu UTTP được quy định tại Điều 10 Luật TTTP năm 2007 đến từ các nước đã ký Hiệp định TTTP về dân sự với Việt Nam

- Quy trình



- Hồ sơ:

+ Văn bản của Cơ quan Trung ương nước yêu cầu gửi Bộ Tư pháp Việt Nam thông báo gửi hồ sơ và đề nghị hỗ trợ thực hiện.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổng đạt giấy tờ của nước ngoài gửi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đề nghị thực hiện kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc ngôn ngữ nước thứ 3 theo quy định của Hiệp định.

+ Giấy tờ, tài liệu cần tổng đạt kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc ngôn ngữ nước thứ 3 theo quy định của Hiệp định.

+ Giấy tờ thể hiện đã nộp chi phí thực tế (nếu phát sinh)

Chi phí thực hiện: áp dụng như kênh chính của Công ước Tổng đạt.

Lưu ý: Như đã đề cập tại Mục I.4.1.2 về ngôn ngữ sử dụng trong UTTP, các Hiệp định ký kết với các nước/vùng lãnh thổ đều quy định các văn bản, giấy tờ, tài liệu phải kèm theo bản

dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba. Do vậy trường hợp hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ đến của nước ký kết Hiệp định với Việt Nam không được dịch ra tiếng Việt mà dịch ra ngôn ngữ thứ ba đã được quy định trong Hiệp định thì các cơ quan thực hiện của Việt Nam không được từ chối.

4.3 Theo Kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế (áp dụng nguyên tắc có đi có lại).

- Phạm vi áp dụng: Đối với tất cả các yêu cầu UTTP được quy định tại Điều 10 Luật TTTP đến từ các nước không ký Hiệp định và không là thành viên của Công ước Tổng đạt. Xác định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại do Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét, quyết định³⁷.

- Quy trình: áp dụng như kênh ngoại giao gián tiếp tại Mục 3.4.1.3.

- Hồ sơ: áp dụng như kênh ngoại giao gián tiếp của Công ước Tổng đạt.

- Chi phí thực hiện:

+ Lệ phí: 1.000.000đ/yêu cầu

+ Chi phí thực tế: theo thực tế phát sinh nếu có.

Lưu ý chung khi thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ vào

- Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước không được từ chối thực hiện yêu cầu khi xét thấy: (i) vụ việc phía nước ngoài đang giải quyết thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam; (ii) khả năng yêu cầu tổng đạt dẫn đến một phán quyết có thể không được công nhận tại Việt Nam kể cả lý do không công nhận là vì vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; (iii) không đủ thời gian để thực hiện yêu cầu (thời hạn phía nước ngoài yêu cầu người được tổng đạt trả lời ý kiến hoặc triệu tập họ là quá ngắn không đảm bảo cho họ thực hiện quyền); (iv) yêu cầu khởi kiện trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- Văn bản thông báo kết quả thực hiện của cơ quan có thẩm quyền thực hiện cho Bộ Tư pháp lập đúng Mẫu 03 ban hành kèm Thông tư liên tịch 12.

5. Thời gian chuyển hồ sơ và thông báo kết quả thực hiện

5.1 Thời gian chuyển hồ sơ

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ³⁸

³⁷ Điều 4, Điều 66 Luật TTTP và Điều 5 Thông tư liên tịch 12

³⁸ Điều 19 Thông tư liên tịch 12

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam rà soát tính hợp lệ của hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ để chuyển Cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài³⁹.

- Tại cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP: Thời gian cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP thực hiện yêu cầu: (i) trường hợp phía nước ngoài ấn định thời gian thì thực hiện trong khoảng thời gian được yêu cầu; (ii) trường hợp thời gian yêu cầu không đủ để thực hiện hoặc phía nước ngoài không ấn định thời gian thực hiện thì thực hiện trong khoảng thời gian nhanh nhất có thể nhưng tối đa không quá 90 ngày⁴⁰.

5.2 Thông báo kết quả thực hiện.

5.2.1 Thời gian trả kết quả

- Tại cơ quan có thẩm quyền thực hiện: thời gian trả kết quả cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong/hoặc không thực hiện được yêu cầu⁴¹.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam chuyển trả kết quả cho Cơ quan trung ương/cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu (trong trường hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao) là 05 ngày làm việc⁴².

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi thông báo kết quả thực hiện cho phía nước ngoài là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tư pháp⁴³.

5.2.2 Hồ sơ trả kết quả

Hồ sơ trả kết quả thực hiện UTTP vào cho cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ của phía nước ngoài bao gồm:

- Hồ sơ cơ quan thực hiện UTTP vào của Việt Nam trả kết quả cho Bộ Tư pháp:
- + Công văn thông báo kết quả thực hiện (**Mẫu số 3** ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12).
- + Các giấy tờ, tài liệu (biên bản) chứng minh việc thực hiện/không thực hiện được yêu cầu.
- Hồ sơ Bộ Tư pháp trả kết quả cho nước ngoài

³⁹ Điều 19 Thông tư liên tịch 12

⁴⁰ Điều 20 Thông tư liên tịch 12

⁴¹ Điều 21 Thông tư liên tịch 12

⁴² Điều 21 Thông tư liên tịch 12

⁴³ Điều 21 Thông tư liên tịch 12

+ Văn bản của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện (trường hợp yêu cầu được thực hiện theo Kênh chính của Công ước Tổng đạt văn bản trả lời theo mẫu của Công ước).

+ Hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước đã trả cho Bộ Tư pháp.

III. Hướng dẫn lập hồ sơ trong một số trường hợp cụ thể

1. Ủy thác tư pháp ra

1.1 Tổng đạt giấy tờ theo kênh chính của Công ước Tổng đạt

Nội dung: Thẩm phán Dương Văn C, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Thái Nguyên đang giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị A

Địa chỉ: 29 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: ông Trần Văn B, Quốc tịch Hoa Kỳ

Địa chỉ: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, the USA

Trong quá trình giải quyết vụ việc, TAND tỉnh Thái Nguyên cần xây dựng hồ sơ ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL ngày 30/9/2017 (Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL) theo quy định tại Điều 476 BLTTDS 2015 đối với bị đơn. Trong nội dung Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL có thông báo về thời gian mở phiên họp hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc như sau: “Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ mở phiên họp hòa giải vào 8h00 ngày 27/4/2018. Phiên họp hòa giải sẽ được mở lại vào 8h00 ngày 28/5/2018. Phiên tòa sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 8h00 ngày 02/8/2018 tại phòng 101, trụ sở TAND tỉnh Thái Nguyên”. Đồng thời tổng đạt Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2017 (Văn bản số 15/TA-TB) yêu cầu ông Trần Văn B cung cấp ý kiến về các yêu cầu của bà Trần Thị A

Để tổng đạt được Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL và Văn bản số 15/TA-TB cho bị đơn, Tòa án cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định quốc gia được yêu cầu và quốc tịch của đương sự thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này ông Trần Văn B – quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại Hoa Kỳ. Tham khảo Phụ lục I, Hoa Kỳ là thành viên của Công ước tổng đạt nên hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Mục I.4.1.1.a Sổ tay hướng dẫn thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng Anh.

- *Bước 2:* Nộp chi phí UTTP

UTTP tổng đạt giấy tờ cho ông Trần Văn B đi Hoa Kỳ phải nộp: 200.000đ lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên; chi phí UTTP trả cho Hoa Kỳ 95 USD chuyển khoản cho Công ty ABC Legal (tham khảo Phụ lục II). *Lưu ý: Số tiền đương sự phải chuyển cho Công ty ABC Legal là 95 USD, các chi phí khác liên quan đến việc chuyển tiền do đương sự tự thanh toán với ngân hàng, không nằm trong số tiền 95 USD.*

- *Bước 3:* Lập hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ

+ Hồ sơ tổng đạt giấy tờ cho ông Trần Văn B, gồm các giấy tờ sau:

- (i) Biên lai thu lệ phí UTTP và giấy chuyển tiền cho công ty ABC Legal của ngân hàng.
- (ii) Văn bản cần tổng đạt kèm bản dịch ra ngôn ngữ nước được yêu cầu
- (iii) Các văn bản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI
NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTTPDS-TA55
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thái Nguyên, ngày tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: 364/1 đường Bắc Kạn - Phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đang giải quyết vụ án (vụ việc) về: **việc tranh chấp thừa kế giữa**

Nguyên đơn: bà Trần Thị A

Địa chỉ: 29 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: ông Trần Văn B, quốc tịch Hoa Kỳ

Địa chỉ: **155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA**

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;**

Căn cứ vào Điều 5 Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại và Điều 474, 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 11 và Điều 13 Luật tương trợ tư pháp năm 2007;

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Process Forwarding International, 633 Yesler Way, Seattle, WA 98104, USA**

Để tiến hành việc: **tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2017 và văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2017.**

Đối với: **ông Trần Văn B**

Quốc tịch: **Hoa Kỳ;**

Địa chỉ: **155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA.**

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký) Dương Văn C

YÊU CẦU TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI GIẤY TỜ TƯ PHÁP VÀ NGOÀI TƯ PHÁP
REQUEST FOR SERVICE ABROAD OF JUDICIAL OR EXTRAJUDICIAL DOCUMENTS

Công ước về Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay, ngày 15/11/1965

Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965

Bộ Tư pháp Việt Nam

The Ministry of Justice of Viet Nam

Địa chỉ/Address: 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam/ 58-

60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam

Điện thoại/Tel: (+84) 62739446 or (+84) 62739532

Email: mlvietnam@moj.gov.vn

Process Forwarding International

633 Yesler Way, Seattle, WA 98104, USA

Tel: +1 206 521 2979

Email: info@hagueservice.net

Người có thẩm quyền gửi ký tên dưới đây trân trọng chuyển các giấy tờ được liệt kê trong danh mục dưới đây (2 bộ) và yêu cầu tổng đạt ngay một bộ hồ sơ, theo Điều 5 Công ước nêu trên, đến người được tổng đạt là:

The undersigned applicant has the honour to transmit – in duplicate – the documents listed below and, in conformity with Article 5 of the above-mentioned Convention, requests prompt service of one copy thereof on the addressee, i.e.:

Ông Trần Văn B/ Mr. Tran Van B

Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American

Địa chỉ/ Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA



a) phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước này

in accordance with the provisions of sub-paragraph a) of the first paragraph of Article 5 of the Convention



b) phù hợp với phương thức cụ thể dưới đây (điểm b đoạn 1 Điều 5 Công ước này):

in accordance with the following particular method (sub-paragraph b) of the first paragraph of Article 5):



c) bằng cách chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận (đoạn 2 Điều 5 Công ước này)

by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily (second paragraph of Article 5)

Người có thẩm quyền được yêu cầu trả lại một bản sao các giấy tờ đã được cung cấp và các phụ lục kèm theo một Giấy xác nhận kết quả cho người có thẩm quyền gửi.

The authority is requested to return or to have returned to the applicant a copy of the documents and of the annexes - with the attached certificate.

Danh mục giấy tờ/ List of documents

- Thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

The Notice of case acceptance No 12/TBTL-TA dated 30/9/2016 of the People's Court of Thai Nguyen province

- Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2017

Official document No 15/TA-TB dated 30/9/2017

Lập tại/ Done at: Hà Nội/Ha Noi

Ngày/dated: 15/10/2017

Signature and/or stamp

CERTIFICATE
XÁC NHẬN KẾT QUẢ TỔNG ĐẠT

The undersigned authority has the honour to certify, in conformity with Article 6 of the Convention,
Phù hợp với Điều 6 của Công ước này, người có thẩm quyền ký tên dưới đây trân trọng xác nhận rằng,

<input type="checkbox"/>	1. That the document has been served*/ Giấy tờ đã được tổng đạt*
– the (date) / le (date)/ ngày:	
– at (place, street, number) tại (địa điểm, phố, số nhà)	
– in one of the following methods authorised by Article 5: bằng một trong các phương thức được phép tại Điều 5 Công ước như dưới đây:	
<input type="checkbox"/>	a) in accordance with the provisions of sub-paragraph a) of the first paragraph of Article 5 of the Convention* phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước *
<input type="checkbox"/>	b) in accordance with the following particular method*: phù hợp với phương thức cụ thể sau đây*:
<input type="checkbox"/>	c) by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily* chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận*
The documents referred to in the request have been delivered to: Giấy tờ nêu trong yêu cầu đã được chuyển giao đến:	
Identity and description of person: Thông tin cá nhân và mô tả chi tiết về người được giao giấy tờ	
Relationship to the addressee (family, business or other): Quan hệ với người được tổng đạt (gia đình, kinh doanh hay quan hệ khác)	
<input type="checkbox"/>	2. that the document has not been served, by reason of the following facts*: Giấy tờ chưa được tổng đạt, với lý do sau:
<input type="checkbox"/>	In conformity with the second paragraph of Article 12 of the Convention, the applicant is requested to pay or reimburse the expenses detailed in the attached statement*. Phù hợp với đoạn 2 Điều 12 của Công ước này, người có thẩm quyền yêu cầu được đề nghị thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí chi tiết kê khai kèm theo*:
<i>Annexes/Các phụ lục</i>	
Documents returned Giấy tờ trả lại	
In appropriate cases, documents establishing the service: Trong trường hợp thích hợp, giấy tờ chứng minh việc tổng đạt	
* if appropriate/Nếu có	
Done at/ Lập tại Date/ Ngày	Signature and/or stamp (Chữ ký và/ hoặc đóng dấu)

NỘI DUNG TÓM TẮT GIẤY TỜ ĐƯỢC TỔNG ĐẠT SUMMARY OF THE DOCUMENT TO BE SERVED	
Công ước tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay ngày 15/11/1965 (Điều 5 đoạn 4) Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965 (Article 5, fourth paragraph).	
Tên và địa chỉ của người có thẩm quyền yêu cầu: Name and address of the requesting authority	Bộ Tư pháp Việt Nam The Ministry of Justice of Viet Nam Địa chỉ/Address: 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam/ 58-60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam Điện thoại/Tel: (+84) 62739446 or (+84) 62739532 Email: mlavietnam@moj.gov.vn
Chi tiết về các bên* Particulars of the parties*:	Nguyên đơn/Petitioner: Bà Trần Thị A/Mrs Tran Thi A Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnamese; Địa chỉ/Address: tỉnh Thái Nguyên/Thái Nguyên Province Bị đơn/Respondent: Ông Trần Văn B/Mr Tran Van B Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American Địa chỉ/Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, the USA
*Thông tin và địa chỉ của người có liên quan đến việc chuyển giao giấy tờ, nếu có * If appropriate, identity and address of the person interested in the transmission of the document	
<input checked="" type="checkbox"/> GIẤY TỜ TƯ PHÁP ** JUDICIAL DOCUMENT**	
Bản chất và mục đích của giấy tờ Nature and purpose of the document	Thông báo về việc thụ lý vụ án Notice of case acceptance Văn bản yêu cầu đương sự trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Request of written response to plaintiff's petition
Bản chất và mục đích của thủ tục tố tụng và, nếu có, giá trị tranh chấp: Nature and purpose of the proceedings and, when appropriate, the amount in dispute	Tranh chấp về thừa kế Dispute of sucession
Ngày và nơi cần có mặt**: Date and Place for entering appearance**	Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ mở phiên họp hòa giải vào 8h00 ngày 27/4/2018. Phiên họp hòa giải sẽ được mở lại vào 8h00 ngày 28/5/2018. Phiên tòa sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 8h00 ngày 02/8/2018 tại phòng 101, trụ sở TAND tỉnh Thái Nguyên. The People's Court of Thai Nguyen province shall hold a reconciliation meeting at 8.00 am on April 27, 2018; the meeting shall be held again at 8.00 am on May 28, 2018. The first-instance court hearing shall be held at 8.00 am on August 02, 2018 at room 101, the headquarter of the People's Court of Thai Nguyen province.
Tòa án đã ra phán quyết**: Court which has given judgment**	
Ngày ra phán quyết**: Date of judgment**	
Thời hạn nêu trong giấy tờ**: Time limits stated in the document**	
** if appropriate/ ** nếu có	
<input type="checkbox"/> GIẤY TỜ NGOÀI TƯ PHÁP ** EXTRAJUDICIAL DOCUMENT**	
Bản chất và mục đích của giấy tờ: Nature and purpose of the document:	
Thời hạn nêu trong giấy tờ ** Time-limits stated in the document**:	
** nếu có/ ** if appropriate	

Lưu ý điền Mẫu 02B: Mục 12 Hướng dẫn sử dụng Mẫu 02 B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12, hướng dẫn phân điền chi tiết về các bên thực hiện như mục 3. Hướng dẫn này chưa đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổng đạt giấy tờ lưu ý phần này nên ghi đầy đủ tư cách tố tụng, tên các bên đương sự có liên quan đến vụ việc.

1.2 Ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ theo kênh Hiệp định

Nội dung: Thẩm phán Đỗ Ngọc A, TAND tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ánh N

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 443 Lê Trực, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Josep Cupka

Quốc tịch: Ba Lan.

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND tỉnh Thanh Hóa cần thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Lương Ánh N.

Để thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka, TAND tỉnh Thanh Hóa cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP thu thập chứng cứ lấy lời khai để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này anh Josep Cupka – quốc tịch Ba Lan, hiện cư trú tại Ba Lan, tham khảo Phụ lục VI, hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Mục I.4.1.2 Sổ tay thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng Ba Lan.

- *Bước 2:* Nộp chi phí UTTP

UTTP tổng đạt giấy tờ cho anh Josep Cupka đi Ba Lan phải nộp: 200.000đ lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; không phải nộp tạm ứng chi phí UTTP theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do Ba Lan có ký Hiệp định với Việt Nam.

- *Bước 3:* Lập hồ sơ UTTP thu thập chứng cứ

+ Hồ sơ thu thập chứng cứ đối với anh Josep Cupka, gồm các giấy tờ sau:

(i) Biên lai thu lệ phí UTTP

(ii) Văn bản cần tổng đạt kèm bản dịch ra ngôn ngữ nước được yêu cầu

(iii) Các văn bản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể các biểu mẫu thực hiện như sau:

Số: /TTTTPDS-TA56
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: 45 Đường Hạc Thành, P Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá
Đang giải quyết vụ án: **tranh chấp hôn nhân gia đình, giữa:**

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ánh N

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 443 Lê Trục, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Josep Cupka

Quốc tịch: Ba Lan.

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;**

Căn cứ Điều 5 Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan**

Để tiến hành việc: thu thập chứng cứ lấy lời khai

Đối với: **anh Josep Cupka**

Quốc tịch: Ba Lan;

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký) **Đỗ Ngọc A**

Số: /TTTTPDS-TA56
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2017

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa 45 Đường Hạc Thành, P Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá 02373856506 tandth@gmail.com
3. Họ tên thẩm phán giải quyết vụ việc	Đỗ Ngọc A Điện thoại liên hệ: 093.123456 dongoca@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	anh Josep Cupka Quốc tịch: Ba Lan Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland
5. Công việc ủy thác tư pháp	Thu thập, cung cấp chứng cứ (Kèm theo là bản câu hỏi để lấy lời khai của của ông Josep Cupka)
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa: - Nguyên đơn: Chị Lương Ánh N, quốc tịch Việt Nam và - Bị đơn: anh Josep Cupka, quốc tịch Ba Lan, cư trú tại: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Căn cứ vào Điều 5 Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp	Theo biện pháp được nêu trong pháp luật quốc gia của Ba Lan
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 27 tháng 4 năm 2018 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)
Đỗ Ngọc A

Lưu ý điền mẫu 02A: Mục 4 hướng dẫn sử dụng Mẫu 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 hướng dẫn điền tên cơ quan được ủy thác tư pháp như mục (8) Mẫu 01. Tuy nhiên, hướng dẫn này có sự nhầm lẫn, tại mục này cơ quan yêu cầu UTTP điền tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP được yêu cầu. Trường hợp không xác định được thì ghi chung là Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia được yêu cầu

1.3 Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ theo kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế với Việt Nam

Nội dung: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (Chấp hành viên Nguyễn Anh T), đang giải quyết đề nghị thi hành Bản án số 34/2016/DSST ngày 29/02/2016 của TAND tỉnh Bạc Liêu theo đơn yêu cầu của anh Lê Quốc N, địa chỉ: 63 Hùng Vương, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đối với người phải thi hành án là chị Luhut Binsar Pandjaitan, Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a, địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia.

Quá trình giải quyết vụ việc, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu cần thông báo cho người phải thi hành án về Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2017.

Để tổng đạt được, Cục Thi hành án dân sự cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ việc này chị Luhut Binsar Pandjaitan quốc tịch In-đô-nê-xi-a, cư trú tại In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a không có quan hệ điều ước quốc tế (In-đô-nê-xi-a không phải là thành viên Công ước tổng đạt và không ký Hiệp định với Việt Nam) nên hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Mục I.4.1.3 Sổ tay hướng dẫn thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng In-đô-nê-xi-a

- *Bước 2:* Nộp chi phí UTTP

UTTP tổng đạt giấy tờ đi In-đô-nê-xi-a, người yêu cầu phải nộp: 150.000 đ lệ phí UTTP theo quy định tại Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu; nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do giữa In-đô-nê-xi-a và Việt Nam không có điều ước quốc tế về TTTP và phí UTTP của In-đô-nê-xi-a chưa được xác định.

- *Bước 3:* Lập hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ

Hồ sơ tổng đạt giấy tờ cho chị Luhut Binsar Pandjaitan, gồm:

- (i) Biên lai thu lệ phí UTTP; Biên lai thu tạm ứng chi phí 3.000.000đ
- (ii) Văn bản cần tổng đạt kèm bản dịch ra tiếng In-đô-nê-xi-a
- (iii) Các văn bản theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể, các văn bản theo mẫu như sau:

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày tháng 10 năm 2017

Số: /TTTPDS-THA3
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Đường Lộc Ninh, Khóm 7, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Đang giải quyết việc thi hành án dân sự giữa:

Người được thi hành: Anh Lê Quốc N

Địa chỉ: 63 Hùng Vương, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Người phải thi hành: Chị Luhut Binsar Pandjaitan

Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a

Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;**

Căn cứ vào Điều 181 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ- CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a**

Để tiến hành việc: **tổng đạt văn bản**

Đối với: **chị Luhut Binsar Pandjaitan**

Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a;

Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia .

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

CHẤP HÀNH VIÊN

(đã ký)
Nguyễn Anh T

Số: /TTTPDS-THA 3
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Bạc Liêu, ngày tháng 10 năm 2017

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu Địa chỉ: Đường Lộc Ninh, Khóm 7, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Điện thoại: 02913.959.353 Thư điện tử: baclieu@moj.gov.vn
3. Họ tên chấp hành viên giải quyết vụ việc	Nguyễn Anh T ĐT: 093.123456; email: nguyenanht@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	Chị Luhut Binsar Pandjaitan Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a; Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia
5. Công việc ủy thác tư pháp	Tổng đạt giấy tờ: Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2017
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Giải quyết yêu cầu thi hành án dân sự của anh Lê Quốc N đối với người phải thi hành là chị Luhut Binsar Pandjaitan
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Căn cứ vào Điều 181 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ- CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp (11)	Theo biện pháp được quy định theo pháp luật của In-đô-nê-xi-a
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 27 tháng 4 năm 2018 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

CHẤP HÀNH VIÊN

(đã ký)
Nguyễn Anh T

2. Ủy thác tư pháp vào

Nội dung: Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan, đề nghị thực hiện việc tổng đạt giấy tờ là Giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án thành phố Đài Bắc cho người được yêu cầu là chị Nguyễn Thị P, có địa chỉ tại 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi nghiên cứu, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ UTTP, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 348/BTP-PLQT ngày 30/5/2017 gửi toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

Ngày 05/7/2017, TAND tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện tổng đạt Giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị P bằng phương thức giao cho mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị P là bà Lê Thị D, hiện sống chung cùng chị P.

Toà án phải lập hồ sơ trả kết quả cho Bộ Tư pháp theo hướng dẫn tại Mục II.5.2.2 của Sổ tay hướng dẫn TTTP dân sự, hồ sơ gồm:

- Biên bản giao giấy triệu tập cho bà Lê Thị D trong đó bà D cam kết giao lại giấy triệu tập cho chị P;
- Văn bản trả kết quả thực hiện UTTP của nước ngoài theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể Văn bản trả kết quả UTTP của nước ngoài được lập như sau:

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTTPDS-TA51
V/v Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của
nước ngoài

Sóc Trăng, ngày tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số 348/BTP-PLQT ngày 30/5/2017 của Bộ Tư pháp về việc ủy thác
tư pháp về dân sự của nước ngoài:

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng Số 1 đường 30 Tháng 4, Phường 2, Tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: (nếu có) Số điện thoại: (nếu có) Email: (nếu có)	Tòa án thành phố Đài Bắc, Lãnh thổ Đài Loan
3. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	Chị Nguyễn Thị P Quốc tịch: Việt Nam Địa chỉ: 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
4. Ủy thác tư pháp đã được thực hiện	Ngày 05/7/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã giao hồ sơ ủy thác tư pháp cho bà Lê Thị D là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị P.
5. Ủy thác tư pháp không thể thực hiện được vì lý do sau đây	
6. Chi phí phát sinh	
7. Phụ lục: Biên bản giao nhận ngày 05/7/2017	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thu N

Phần II Các phụ lục

PHỤ LỤC I

**THÔNG TIN VỀ QUỐC GIA THÀNH VIÊN, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ
NGÔN NGỮ CỦA CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT**

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
1.	Albania	An-ba-ni	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Department of Foreign Jurisdictional Relations Địa chỉ: Blv Zogu i I TIRANA, Albania	Chưa có thông tin
2.	Argentina	Ác-hen-ti-na	Bộ Ngoại giao và tôn giáo International Legal Assistance Department Office of the Legal Advisor Ministry of Foreign Affairs and Worship Địa chỉ: Esmeralda 1212, 4th floor, Of. 402 BUENOS AIRES Argentina	Tiếng Tây Ban Nha
3.	Armenia	Ác-mê-ni-a	Bộ Tư pháp Ministry of Justice of the Republic of Armenia Địa chỉ: Halabyan Street 41a 0078 Yerevan Armenia	Chưa có thông tin
4.	Australia	Ô-xtr-rây-li-a	Văn phòng Tổng Chương lý Private International Law Unit Australian Government Attorney-General's Department Địa chỉ: Robert Garran Offices 3-5 National Circuit BARTON ACT 2600 Australia	Tiếng Anh. Đa phần các bang yêu cầu bản dịch phải kèm theo xác nhận do người dịch ký tên, trong đó khẳng định : giấy tờ đã được dịch chính xác, họ tên đầy đủ và địa chỉ của người dịch, chứng nhận về năng lực dịch thuật của người dịch (cụ thể xem trong bảng thông tin của nước Úc). Qua trao đổi giữa Cơ quan Trung ương của Úc và Bộ Tư pháp Việt Nam, phía Úc chấp nhận các bản dịch của Việt Nam có xác nhận của người dịch và chứng

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
				thực chữ ký của người dịch như hiện nay vẫn đang thực hiện.
5.	Belarus	Bê-la-rút	Bộ Tư pháp Ministry of Justice of the Republic of Belarus Địa chỉ: ul. Kollektornaya, 10 220048 Minsk Belarus	Giấy tờ phải được dịch toàn bộ. Tuy nhiên chưa có thông tin cụ thể về ngôn ngữ.
6.	Belgium	Bỉ	Bộ Tư pháp Service Public Fédéral de la Justice Service d'entraide internationale en matière civile Địa chỉ: Boulevard de Waterloo, 115 1000 BRUXELLES Belgique	Khi tổng đạt được thực hiện theo đoạn 1 Điều 5 Công ước, giấy tờ cần được dịch sang tiếng Hà Lan, tiếng Pháp hoặc tiếng Đức, phụ thuộc vào nơi cư trú của người nhận tại Bỉ. Vì vậy, cần liên lạc trước với văn phòng cơ quan trung ương về địa chỉ của người nhận có liên quan để xác định yêu cầu dịch thuật cần thiết. Tuy nhiên, trên cơ sở mã bưu chính của thành phố tại Bỉ thì có thể xác định chung về ngôn ngữ như sau: 1000 đến 1299: tiếng Pháp hoặc Hà Lan 1300 đến 1499: tiếng Pháp 1500 đến 3999: tiếng Hà Lan 4000 đến 4699: tiếng Pháp 4700 đến 4799: tiếng Đức 4800 đến 7999 tiếng Pháp 8000 đến 9999; tiếng Hà Lan
7.	Bosnia and Herzegovina	Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na	Bộ Tư pháp The Ministry of Justice of the Republic of Bosnia and Herzegovina Địa chỉ: Trg Bosne i Hercegovine 1 71000 SARAJEVO Bosnia and Herzegovina	Không cần dịch theo Điều 5(3)
8.	Bulgaria	Bun-ga-ri	Bộ Tư pháp và hội nhập pháp luật châu Âu	Tiếng Bun-ga-ri

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Ministry of Justice and European Legal Integration Địa chỉ: 1, Slavyanska str. 1040 SOFIA Bulgaria	
9.	Canada	Ca-na-đa	Cơ quan Trung ương của Liên bang Foreign Affairs and International Trade Canada Criminal, Security and Diplomatic Law Division (JLA) Địa chỉ: 125 Sussex Drive Ottawa, Ontario K1A 0G2 Canada Của các bang	Đối với tổng đạt chính thức và tổng đạt theo phương thức đặc biệt, yêu cầu dịch thuật phụ thuộc vào địa phương hoặc vùng lãnh thổ liên quan.
9.1	Alberta		Bộ Tư pháp và Trưởng Công tố Ministry of Justice and Solicitor General Office of the Sheriff Civil Enforcement Địa chỉ: 2ndFloor, 108thStreet Building 9942-108 Street Edmonton, Alberta T5K 2J5 Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh
9.2	British Columbia		Bộ Tư pháp Ministry of Justice for British Columbia Order in Council Administration Office Địa chỉ: 1001 Douglas Street (P.O. Box 9280 Stn Prov Govt) Victoria, British Columbia V8W 2C5 Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh
9.3	Manitoba		Bộ Tư pháp Manitoba Department of Justice c/o Director of Civil Legal Services Địa chỉ: Suite 730 – 405 Broadway Winnipeg, Manitoba R3C 3L6, Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
9.4	New Brunswick		Bộ Pháp luật và Tổng chưởng lý Mailing address: Department of Justice and Attorney General of New Brunswick c/o Director of Legal Services Địa chỉ: Centennial Building P.O Box 6000 Fredericton, New Brunswick E3B 5H1, Canada Street address: Centennial Building 670 King Street Fredericton, New Brunswick Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Cơ quan trung ương có thể bảo lưu quyền yêu cầu giấy tờ được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp
9.5	Newfoundland and Labrador		Bộ Tư pháp Department of Justice Địa chỉ: 4th Floor, East Block, Confederation Building Box 8700 St. John's, Newfoundland and Labrador A1B 4J6 Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh
9.6	Northwest Territories		Bộ Tư pháp Mailing address : Department of Justice Government of the Northwest Territories Địa chỉ: PO Box 1320 Yellowknife, Northwest Territories X1A 2L9 Canada Street Address: 4903 49th Street Courthouse 4th Floor Yellowknife, Northwest Territories	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
9.7	Nova Scotia		Phòng dịch vụ pháp lý thuộc Tổng chưởng lý Attorney General of Nova Scotia Legal Services Division Địa chỉ: 5151 Terminal Road 4th Floor, P.O. Box 7 Halifax, Nova Scotia B3J 2L6, Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
9.8	Nunavut		<p>Thư ký của Văn phòng dịch vụ tư pháp Tòa án Nunavut, Bộ Tư pháp</p> <p>Clerk of the Nunavut Court of Justice Court Services Division Department of Justice Government of Nunavut</p> <p>Địa chỉ: PO BOX 297 Iqaluit, Nunavut X0A 0H0, Canada</p>	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
9.9	Ontario		<p>Bộ Tổng Chương lý Tòa án</p> <p>Ministry of the Attorney General Ontario Court of Justice</p> <p>Địa chỉ: 393 Main Street Haileybury, Ontario P0J 1K0, Canada</p>	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
9.10	Prince Edward Island		<p>Văn phòng Tổng Chương lý</p> <p>Mailing address: Attorney General of Prince Edward Island Office of the Deputy Minister</p> <p>Địa chỉ: P.O. Box 2000 Charlottetown, Prince Edward Island C1A 7N8 Canada</p> <p>Street address: Fourth Floor, Shaw Building, South, 95 Rochford Street Charlottetown, Prince Edward Island, Canada</p>	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh
9.11	Québec		<p>Vụ TTTP quốc tế, Bộ Tư pháp</p> <p>Central Authority for Québec</p> <p>Direction des services professionnels Entraide internationale Ministère de la Justice</p> <p>Địa chỉ: 1200, route de l'Église, 2e étage Québec (Québec) G1V 4M1 Canada</p>	Giấy tờ phải được dịch trong tất cả các trường hợp người được tổng đạt không hiểu được ngôn ngữ trong giấy tờ. Tất cả các giấy tờ làm phát sinh vụ việc phải được dịch. Bản dịch tóm tắt tất cả các giấy tờ khác được chấp nhận nếu người được tổng đạt đồng ý. Giấy tờ dịch sang tiếng Pháp, tuy nhiên Cơ quan trung ương của Quebec có thể cho phép một bản dịch sang tiếng Anh, theo yêu cầu, với điều kiện là người được

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
				tổng đạt hiệu được ngôn ngữ này.
9.12	Saskatchewan		Phòng dịch vụ tòa án, Bộ Tư pháp Ministry of Justice Court Services Division c/o Jennifer Fabian Registrar, Court of Queen's Bench Court House Địa chỉ: 2425 Victoria Avenue Regina, Saskatchewan S4P 4W6, Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
9.13	Yukon		Giám đốc dịch vụ tòa án Mailing address: Director Court Services Địa chỉ: J-3 P.O. Box 2703 Whitehorse, Yukon Y1A 2C6, Canada Court Registry Law Courts 2134 Second Avenue Whitehorse, Yukon, Canada	Tất cả các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Cơ quan trung ương có thể bảo lưu quyền yêu cầu giấy tờ được dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp
10	China, People's Republic of	Trung Quốc	Bộ Tư pháp <i>Ministry of Justice, Department of Judicial Assistance and Cooperation, Division of Judicial Assistance</i> Ministry of Justice International Legal Cooperation Center (ILCC) Địa chỉ: 6, Chaoyangmen Nandajie Chaoyang District BEIJING P.C. 100020 People's Republic of China 2. Văn phòng Công tố của đặc khu Macao Procuratorate of the Macao Special Administrative Region Địa chỉ: 7th Floor Dynasty Plaza Building Alameda Dr. Carlos D'Assumpcao NAPE, Macao 3. Trưởng bộ phận hành chính đặc khu Hồng Kông	1. Theo Điều 5 (1) Công ước tất cả các giấy tờ được tổng đạt phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Trung Quốc trừ khi có quy định khác trong điều ước giữa Trung Quốc và các quốc gia thành viên khác của Công ước Tổng đạt. 2. Tại đặc khu Macao: Các giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch ra tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Bồ Đào Nha. 3. Tại đặc khu Hồng Kông, giấy tờ phải được lập bằng hoặc dịch ra tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Chief Secretary for Administration Hong Kong Special Administrative Region Government Địa chỉ: Room 321, 3/F, East Wing Central Government Offices 2 Tim Mei Avenue Admiralty Hong Kong, China	
11	Costa Rica	Cốt-xta Ri-ca	Ministry of Foreign Affairs and Worship Legal Directorate Ministerio de Relaciones Exteriores y Culto de Costa Rica Địa chỉ: Avenida 7-9, Calle 11-13 San José, Costa Rica	Chưa có thông tin chính thức nhưng ngôn ngữ được sử dụng ở Costa Rica là Tiếng Tây Ban Nha
12	Croatia	Crô-a-ti-a	Bộ Tư pháp Ministry of Justice of the Republic of Croatia Địa chỉ: Ulica Grada Vukovara 49 10 000 ZAGREB, Croatia	Giấy tờ được tổng đạt theo đoạn 1 Điều 5 phải kèm theo bản dịch sang tiếng Croatia
13	Cyprus	Síp	Bộ Tư pháp và trật tự công Ministry of Justice and Public Order Địa chỉ: 125 Athalassas Avenue 1461 NICOSIA Cyprus	Trường hợp tổng đạt chính thức, người được tổng đạt không hiểu được ngôn ngữ mà giấy tờ được lập có thể từ chối nhận giấy tờ đó. Trường hợp này, Cơ quan Trung ương của đảo Síp sẽ yêu cầu rằng giấy tờ được dịch hoặc kèm theo một bản dịch sang ngôn ngữ chính thức của đảo Síp theo thỏa thuận, chi phí do bên yêu cầu tổng đạt chịu.
14	Czech Republic	Séc	Bộ Tư pháp Ministry of Justice of the Czech Republic Địa chỉ: Vyšehradská 16 128 10 Praha 2, Czech Republic	Tiếng Séc
15	Denmark	Đan Mạch	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Procedural Law Division Địa chỉ: Slotsholmsgade 10	Việc dịch thuật là không bắt buộc; tuy nhiên, trường hợp giấy tờ chưa được dịch, người được

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			1216 COPENHAGEN K Denmark	tổng đạt được thông báo rằng người này không có nghĩa vụ phải chấp nhận nó theo pháp luật Đan Mạch. Đan Mạch không tham gia vào thỏa thuận cụ thể nào với quốc gia thành viên khác trong trường hợp này.
16	Egypt	Ai Cập	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Địa chỉ: Magles El Shaab St. Lazoughly Sq. Lazoughly CAIRO, Egypt	Chưa có thông tin
17	Estonia	E-xtô-ni-a	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Địa chỉ: Suur-Ameerika 1, 15006 Tallinn Estonia	Yêu cầu tổng đạt phải bằng tiếng Estonia, tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, nhưng giấy tờ được tổng đạt phải bằng tiếng Estonia hoặc tiếng Anh
18	Finland	Phần Lan	Bộ Tư pháp Ministry of Justice <i>Địa chỉ: Postal address:</i> P.O. Box 25 FIN-00023 Government Finland <i>Street address:</i> Eteläesplanadi 10 FIN-00130 Helsinki Finland	Việc dịch thuật là không bắt buộc, tuy nhiên nếu người được tổng đạt không chấp nhận giấy tờ bằng tiếng nước ngoài, tổng đạt chỉ có thể được thực hiện nếu giấy tờ được dịch sang một trong các ngôn ngữ chính thức của Phần Lan, nghĩa là tiếng Phần Lan hoặc tiếng Thụy Điển, hoặc nếu người nhận được cho rằng là hiểu được tiếng nước ngoài đó. Các công ty có quan hệ kinh doanh quốc tế được coi là hiểu được tiếng Anh, tiếng Đức hoặc tiếng Pháp.
19	France	Pháp	Bộ Tư pháp Ministère de la Justice Direction des Affaires Civiles et du Sceau Bureau du droit de l'Union, du droit international privé et de l'entraide civile (BDIP) Địa chỉ: 13, Place Vendôme	Các tài liệu được thông báo bằng ngôn ngữ của nước xuất xứ. Tuy nhiên, nếu người nhận không biết ngôn ngữ này, các tài liệu này có thể sẽ bị từ chối và yêu cầu rằng tài liệu cần phải dịch hoặc kèm theo

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			75042 Paris Cedex 01 France	bản dịch bằng tiếng Pháp, theo đề nghị và chi phí của người yêu cầu tổng đạt.
20	Germany	Đức	Theo bang	Theo pháp luật Đức, tổng đạt được yêu cầu theo nghĩa của Điều 5 (1) của Công ước đòi hỏi tất cả các giấy tờ được tổng đạt phải được lập bằng tiếng Đức hoặc kèm theo một bản dịch bằng tiếng Đức. Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài không có bản dịch tiếng Đức có thể được tổng đạt theo Điều 5 (2) của Công ước. Đức chưa ký kết điều ước với quốc gia nào để loại trừ yêu cầu dịch thuật theo Điều 20 (b) của Công ước trong phạm vi áp dụng Công ước này.
20.1	Baden-Württemberg		Chánh án Tòa án khu vực Freiburg Präsident des Amtsgerichts Freiburg Địa chỉ: Holzmarkt 2 79098 FREIBURG, Germany	
20.2	Bayern (Bavaria)		Chánh án Tòa án cấp cao Präsidentin des Oberlandesgerichts München Địa chỉ: Prielmayerstrasse5 80097 München Germany	
20.3	Berlin		Bộ Quản lý hành chính về tư pháp và bảo vệ người tiêu dùng Senatsverwaltung für Justiz und Verbraucherschutz Địa chỉ: Salzburger Strasse 21-25 10825 Berlin, Germany	
20.4	Brandenburg		Bộ Tư pháp Ministerium der Justiz des Landes Brandenburg Địa chỉ: Heinrich-Mann- Allee 107 14473 Potsdam, Germany	
20.5	Bremen		Chánh án Tòa án bang Der Präsident des Landesgerichts Địa chỉ: Domsheide 16 28195 Bremen, Germany	
20.6	Hamburg		Chánh án Tòa án khu vực Hamburg Präsident des Amtsgerichts Hamburg Địa chỉ: Sievekingplatz 1 20355 Hamburg, Germany	
20.7	Hessen		Chánh án Tòa án cấp cao	

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Der Präsident des Oberlandesgerichts Frankfurt am Main Địa chỉ: Zeil 42 Postfach 10 01 01 60313 Frankfurt am Main Germany	
20.8	Mecklenburg-Vorpommern (Mecklenburg-Western Pomerania)		Bộ Tư pháp Justizministerium Mecklenburg-Vorpommern Địa chỉ: 19048 Schwerin Puschkinstrasse 19-21 19055 Schwerin, Germany	
20.9	Niedersachsen(Lower-Saxony)		Bộ Tư pháp Niedersächsisches Justizministerium Địa chỉ: Am Waterlooplplatz1 30169 Hannover, Germany	
20.10	Nordrhein-Westfalen(North-Rhine/Westphalia)		Chánh án Tòa án cấp cao Die Präsidentin des Oberlandesgerichts Düsseldorf Địa chỉ: Cecilienallee 3 40474 Düsseldorf, Germany	
20.11	Rheinland-Pfalz(Rhineland-Palatinate)		Bộ Tư pháp Ministerium der Justiz Ernst-Ludwig-Str. 3 55116 Mainz Germany	
20.12	Saarland		Bộ Tư pháp Ministerium der Justiz Địa chỉ: Ministerium der Justiz Franz-Josef-Röder-Straße 17 66119 Saarbrücken Postfach 10 24 51 66024 Saarbrücken Germany	
20.13	Sachsen(Saxony)		Chánh án Tòa án cấp cao Präsident des Oberlandesgerichts Dresden Địa chỉ: Schlossplatz 1 01067 Dresden, Germany	
20.14	Sachsen-Anhalt(Saxony-Anhalt)		Bộ Tư pháp và bình đẳng giới Ministerium für Justiz und Gleichstellung des Landes Sachsen-Anhalt	

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Địa chỉ: Domplatz 2 - 4 39104 Magdeburg Germany	
20.15	Schleswig-Holstein		Bộ Tư pháp, Văn hóa và các vấn đề về Châu Âu Ministerium für Justiz, Kultur und Europa des Landes Schleswig-Holstein Địa chỉ: Lorentzendam 35 24103 Kiel, Germany	
20.16	Thüringen(Thuringia)		Bộ Tư pháp Thüringer Justizministerium Địa chỉ: Werner-Seelenbinder-Strasse 5 99096 Erfurt, Germany	
21	Greece	Hy Lạp	Bộ Tư pháp, Minh Bạch và Nhân quyền Ministry of Justice, Transparency & Human Rights Directorate of Legislative Work, International Legal Relations and International Judicial Co-operation Department of International Judicial Co-operation in Civil and Criminal Cases Địa chỉ: 96 Mesogeion Av. Athens 11527, Greece	Tổng đạt chính thức chỉ được thực hiện nếu giấy tờ được tổng đạt được lập bằng hoặc kèm theo bản dịch sang tiếng Hy Lạp.
22	Hungary	Hung-ga-ri	Bộ Tư pháp Ministry of Justice (Igazságügyi Minisztérium) Department of Private International Law (Nemzetközi Magánjogi Főosztály) <i>Address(Địa chỉ)</i> Kossuth tér 2-4. 1055 Budapest Hungary <i>Mailing Address: / Adresse postale(địa chỉ thư)</i> P.O. Box 2 1357 Budapest Hungary <i>Mailing Address for Delivery by Private Courier: / Adresse</i>	Hungary tuyên bố rằng tổng đạt theo Điều 5 (1) chỉ có thể thực hiện nếu giấy tờ được lập hoặc kèm theo bản dịch chính thức sang tiếng Hungary Cơ quan trung ương của Hungary cho rằng bản dịch chính thức là một bản dịch được chấp nhận trong thủ tục tư pháp tại quốc gia yêu cầu theo pháp luật của quốc gia đó, vì vậy chất lượng và độ tin cậy của bản dịch được đảm bảo

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			<i>postale pour livraison par transporteur privé (Địa chỉ thư nếu được chuyển giao bằng bưu chính tư nhân)</i> c/o Postal Bureau of the Parliament (Országházi Levélatvevő) Balassi Bálint utca 1-3 1055 Budapest, Hungary	
23	Iceland	Ai-xơ-len	Ủy ban quận tại khu vực Sudurnes District Commissioner of Sudurnes (Sýslumaðurinn á Suðurnesjum) Địa chỉ: Vatnsnesvegur 33 230 Keflavík, Iceland	Tiếng Iceland
24	India	Ấn Độ	Bộ Pháp luật và tư pháp Central Authority The Ministry of Law and Justice Department of Legal Affairs Địa chỉ: Room No. 439-A 4th Floor, A-Wing, Shastri Bhavan, New Delhi, 110 001 India	Tất cả các yêu cầu tổng đạt giấy tờ phải lập bằng hoặc kèm theo bản dịch bằng tiếng Anh
25	Ireland	Ai-len	Tòa cấp cao Master of the High Court or the Deputy Master for the time being appointed c/o Master's Section Địa chỉ: High Court Central Office Four Courts Inns Quay, Dublin 7, Ireland	Cơ quan Trung ương của Ireland nhấn mạnh việc dịch thuật toàn bộ giấy tờ được tổng đạt.
26	Israel	I-xra-en	Cơ quan quản lý tòa án Legal Assistance to Foreign Countries Office of the Legal Advisor Administration of Courts 22 Kanfei Nesharin St. Jerusalem 95464 P.O.B. 34142, Israel	Giấy tờ được tổng đạt phải được dịch sang tiếng Hebrew, tiếng Anh hoặc tiếng Ả Rập
27	Italy	I-ta-li-a	Tòa phúc thẩm tại Rome <i>L'Ufficio unico degli ufficiali giudiziari presso la corte d'appello di Roma</i>	Cơ quan Trung ương không yêu cầu giấy tờ tổng đạt phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Italy

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			(the registry at Rome Court of Appeal) Ufficio Unico Ufficiali Giudiziari presso la Corte d'Appello di Roma Viale Giulio Cesare, 59 00195 ROMA	
28	Japan	Nhật Bản	Bộ Ngoại giao Ministry of Foreign Affairs Địa chỉ: 2-2-1 Kasumigaseki Chiyoda-ku TOKYO 100-8919 Japan	Bản dịch đầy đủ là yêu cầu bắt buộc với bất kỳ giấy tờ nào được tổng đạt theo Điều 5 (1) (a) (b). Bản dịch sẽ được tổng đạt đến người nhận kèm theo bản gốc. Nhật bản chưa ký kết thỏa thuận nào theo Điều 20 (b).
29	Korea, Republic of	Hàn Quốc	Tòa án tối cao Hàn Quốc <i>Director of International Affairs</i> <i>National Court Administration</i> <i>Supreme Court of Korea</i> National Court Administration Attn.: Director of International Affairs Địa chỉ: Seocho-daero 219 Seocho-gu SEOUL 06590, Republic of Korea	Trường hợp giấy tờ được tổng đạt theo Điều 5 (1), bản dịch sang ngôn ngữ chính thức (tiếng Hàn Quốc) phải kèm theo giấy tờ.
30	Latvia	Lát-vi-a	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Địa chỉ: Brivibas blvd. 36 Riga, LV-1536 Latvia	Việc dịch thuật là bắt buộc nếu người nhận từ chối chấp nhận giấy tờ vì giấy tờ không được lập bằng ngôn ngữ chính thức của Latvia (tiếng Latvia) hoặc bằng ngôn ngữ mà người nhận hiểu được. Trong trường hợp này, giấy tờ được trả lại cho quốc gia yêu cầu để dịch sang tiếng Latvia hoặc ngôn ngữ khác mà người nhận xác định cụ thể.
31	Lithuania	Lít-va	Bộ Tư pháp	Chưa có thông tin

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Ministry of Justice Gedimino ave. 30 LT-01104	
32	Luxembourg	Lúc- xăm- bua	Tổng Công tố nhà nước Le Procureur général d'Etat Cité judiciaire Địa chỉ: Plateau du St-Esprit L-2080 Luxembourg	Khi giấy tờ tư pháp của nước ngoài được tổng đạt theo các Điều 5 (a) và 10 (b) và (c), thông qua trung gian là cán bộ của Lúc xăm bua, giấy tờ phải được lập bằng hoặc kèm theo bản dịch bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Đức Trong trường hợp đặc biệt, cơ quan trung ương có thể chấp nhận giấy tờ lập bằng ngôn ngữ khác nếu chứng minh được rằng người nhận hiểu được ngôn ngữ này và chấp nhận giấy tờ một cách tự nguyện. Lúc xăm bua yêu cầu giấy tờ phải được dịch chính thức một cách đầy đủ.
33	Malta	Man-ta	Tổng chưởng lý Attorney General Địa chỉ: The Palace VALLETTA, Malta	Chưa có thông tin
34	Mexico	Mê-hi-cô	Bộ Ngoại giao Ministry of Foreign Affairs Directorate-General of Legal Affairs Plaza Juárez No. 20, Planta Baja Edificio Tlatelolco Colonia Centro delegación Cuauhtémoc C.P. 06010 Mexico, Distrito Federal	Theo Điều 5, khi giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp được tổng đạt tại Mexico được lập bằng ngôn ngữ không phải tiếng Tây Ban Nha, chúng phải kèm theo bản dịch sang tiếng Tây Ban Nha.
35	Monaco	Mô-na-cô	Tòa án tối cao Directorate of Judicial Services, Courthouse Direction des Services judiciaires Palais de Justice 5, rue Colonel Bellando de	Ngoài quy định của Điều 7 của Công ước và trong phạm vi đơn yêu cầu cung cấp đủ thông tin về bản chất và mục đích của vụ việc, Công quốc Monaco không có yêu cầu đặc biệt về việc dịch giấy tờ.

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Castro MC - 98000 MONACO	Tuy nhiên, trong từng trường hợp cụ thể, có thể đề nghị người yêu cầu làm rõ thông tin.
36	Montenegro	Môn-tê-nê-grô	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Vuka Karadžića 3, 81000 Podgorica	Chưa có thông tin
37	Morocco	Ma-rốc	Bộ Tư pháp	Chưa có thông tin
38	Netherlands	Hà Lan	<i>Công tố viên tại Tòa án cấp quận của La Hay</i> <i>De Officier van Justitie (Public Prosecutor at the District Court of The Hague)</i> De Officier van Justitie Postbus 20302 2500 EH THE HAGUE Netherlands	Không yêu cầu dịch. Tuy nhiên, vẫn nên có một bản dịch tóm tắt. Không có thỏa thuận nào với các quốc gia khác về vấn đề này.
39	Norway	Na Uy	Bộ Tư pháp và Công an hoàng gia The Royal Ministry of Justice and Public Security Department of Civil Affairs Địa chỉ: <i>Postal address:</i> P.O. Box 8005 Dep 0030 OSLO <i>Office address:</i> Gullhaug Torg 4 a 0484 OSLO Norway	Theo các quy định được thông qua trong Sắc lệnh hoàng gia ngày 12/9/1969, yêu cầu tổng đạt chỉ được thực hiện nếu giấy tờ được tổng đạt được lập bằng tiếng Na Uy, Đan Mạch hoặc Thụy Điển hoặc nếu yêu cầu kèm theo một trong những ngôn ngữ nêu trên, trừ khi giấy tờ được chuyển giao cho người nhận một cách tự nguyện. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp cũng có thể cho phép tổng đạt giấy tờ nếu có bằng chứng thuyết phục rằng người nhận hiểu được ngôn ngữ trong giấy tờ đó Na Uy chưa tham gia thỏa thuận nào theo Điều 20 (b)
40	Poland	Ba Lan	Bộ Tư pháp Ministry of Justice (Ministerstwo Sprawiedliwosci) Departament Wspólpracy	Giấy tờ được tổng đạt theo Điều 5 (1) của Công ước cần được dịch sang tiếng Ba Lan. Theo Điều 1132 (2) của Bộ luật tố tụng dân sự Ba Lan, nếu một tòa án

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Miedzynarodowej i Praw Czlowieka Địa chỉ: Al. Ujazdowskie 11 00-950 Warsaw P.O. Box 33 Poland	hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu Tòa án Ba Lan tổng đạt giấy tờ tại Ba Lan mà không kèm theo bản dịch sang tiếng Ba Lan, giấy tờ chỉ được tổng đạt nếu người nhận chấp nhận tự nguyện.
41	Portugal	Bồ Đào Nha	Bộ Tư pháp Direcção-Geral da Administração da Justiça Ministério da Justiça <i>(Directorate-General of Justice Administration - Ministry of Justice)</i> Địa chỉ: Av. D. João II, n° 1.08.01 D/E Pisos 0, 9° ao 14° 1990-097 Lisbon Portugal	Việc dịch sang tiếng Bồ Đào Nha đối với giấy tờ được tổng đạt, cũng như bản tóm tắt nội dung giấy tờ và các tài liệu kèm theo là bắt buộc.
42	Republic of Moldova	Môn-đô-va	<i>Bộ Tư pháp</i> Ministry of Justice of the Republic of Moldova Địa chỉ: 82, 31 August 1989 str. MD-2012 Chisinau Republic of Moldova	Giấy tờ được tổng đạt trong lãnh thổ Cộng hòa Moldova chỉ được chấp nhận nếu đã được dịch sang ngôn ngữ chính thức của Cộng hòa Moldova
43	Romania	Ru-ma-ni	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Department of International Law and Treaties Unit of judicial co-operation in civil and commercial matters Địa chỉ: Strada Apollodor 17 Sector 5 BUCURESTI Cod 050741, Romania	Không yêu cầu dịch thuật
44	Russian Federation	Liên Bang Nga	Bộ Tư pháp The Ministry of Justice of the Russian Federation ul.Zhitnaya, 14 Moscow, 119991 Russian Federation	Theo Điều 5 (3) của Công ước, giấy tờ được tổng đạt trong lãnh thổ Liên bang Nga chỉ được chấp nhận nếu đã được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Nga.
45	Serbia	Xéc-bi-a	Bộ Tư pháp và hành chính công	Cộng hòa Serbia yêu cầu các giấy tờ được tổng đạt

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Ministry of Justice and Public Administration of the Republic of Serbia Sector for international legal assistance Department for International Legal Assistance in Civil Matters Nemanjina 22/26 Str. 11000 Belgrade Republic of Serbia	theo Điều 5 (1), được lập bằng hoặc dịch sang ngôn ngữ chính thức của Cộng hòa Serbia.
46	Slovakia	Xlô-va-ki-a	<i>Bộ Tư pháp</i> <i>Ministerstvo spravodlivosti Slovenskej republiky (Ministry of Justice of the Slovak Republic)</i> Department of Private and Procedural International Law Ministry of Justice Địa chỉ: Zupné námestie 13 813 11 BRATISLAVA Slovak Republic	Bản dịch sang tiếng Slovak là bắt buộc với tổng đạt theo Điều 5 (1) (a), trừ khi có thể kết luận được rằng người nhận hiểu được ngôn ngữ trong giấy tờ. Giả định này áp dụng với công dân của quốc gia yêu cầu cư trú tại lãnh thổ của Slovakia, trừ khi được cơ quan yêu cầu chỉ ra cụ thể. Thỏa thuận cụ thể về yêu cầu ngôn ngữ chỉ có trong quan hệ với Cộng hòa Séc. Tuy nhiên, các quy định liên quan đến ngôn ngữ trong các hiệp định song phương điều chỉnh TTTP có thể được áp dụng.
47	Slovenia	Xlô-ven-ni-a	Bộ Tư pháp The Ministry of Justice of the Republic of Slovenia Županciceva 3 1000 Ljubljana, Slovenia	Chưa có thông tin
48	Spain	Tây Ban Nha	<i>Bộ Tư pháp</i> Subdirección General de Cooperación Jurídica Internacional Ministerio de Justicia (Ministry of Justice) Subdirección General de Cooperación Jurídica Internacional Ministerio de Justicia Địa chỉ: c/ San Bernardo N°	Tây Ban Nha chưa đưa ra tuyên bố chung về sự cần thiết lập hoặc dịch toàn bộ các giấy tờ sang tiếng Tây Ban Nha. Như vậy, về nguyên tắc cơ quan trung ương có toàn quyền yêu cầu phải có bản dịch hay không. Điều 144 của Luật Tổ tụng dân sự của Tây Ban Nha quy định rằng tất cả các giấy tờ được lập

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			62 28071 MADRID, Spain	<p>bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo một bản dịch sang tiếng Tây Ban Nha. Yêu cầu dịch được mở rộng với các giấy tờ hoặc chứng cứ được tổng đạt và với bản tóm tắt nội dung giấy tờ nếu có.</p> <p>Trên thực tế, Cơ quan trung ương yêu cầu một bản dịch sang tiếng Tây Ban Nha của tất cả các yêu cầu tổng đạt. Một số ngoại lệ có thể được đưa ra, có cân nhắc đến tiếng mẹ đẻ của người nhận. Tuy nhiên, không có kết quả thống nhất ở các cơ quan tư pháp khác nhau. Chỉ khi cơ quan gửi giấy tờ chứng minh đầy đủ rằng bản dịch là không cần thiết trong một trường hợp cụ thể, Cơ quan Trung ương có thể xem xét khả năng chấp nhận yêu cầu bằng ngôn ngữ gốc. Tuy nhiên, một bản tóm tắt giấy tờ nên được dịch sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu.</p>
49	Sri Lanka	Xri Lan-ca	Bộ Tư pháp Secretary Ministry of Justice Hulftsdorp COLOMBO 12, Sri Lanka	Bằng tiếng Anh hoặc một trong những ngôn ngữ chính thức tại Sri Lanka (Sinhala và Tamil)
50	Sweden	Thụy Điển	Ban hành chính quận Stockholm Länsstyrelsen i Stockholms län (County Administrative Board of Stockholm) Centralmyndigheten för internationell delgivning (The central authority for international service of documents) Box 22067	Bất kỳ giấy tờ nào được tổng đạt theo Điều 5 (1) phải được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Thụy Điển. Tuy nhiên, giấy tờ bằng tiếng Đan Mạch hoặc Na Uy cũng được chấp nhận.

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			SE-104 22 STOCKHOLM Sweden	
51	Switzerland	Thụy Sĩ	Theo Điều 21, đoạn thứ nhất (a), Thụy sĩ chỉ định các cơ quan có thẩm quyền của cấp bang là các Cơ quan Trung ương theo các Điều 2 và 18 của Công ước. Yêu cầu tổng đạt giấy tờ cũng có thể chuyển cho Bộ Tư pháp và Cảnh sát liên bang tại Bern, sẽ chuyển tiếp các giấy tờ cho Cơ quan Trung ương phù hợp tại các bang Cơ quan trung ương xác định theo từng bang	- Bern, Fribourg và Valais chấp nhận cả tiếng Đức và tiếng Pháp -Graubünden chấp nhận tiếng Đức và Italia - - Genève, Jura, Neuchâtel, và Vaud chấp nhận tiếng Pháp - Các bang còn lại chấp nhận tiếng Đức
51.1	Aargau (AG)		Toà án bang Aargau (AG) Gerichte Kanton Aargau Generalsekretariat Obere Vorstadt 40 5000 Aarau, Switzerland T: +41 62 835 38 24 F: +41 62 835 39 49 webmaster.jb@ag.ch	Tiếng Đức
51.2	Appenzell Ausserrhoden (AR)		Toà án bang Appenzell A.Rh (AR) Kantonsgericht Appenzell A.Rh. Postfach 162 9043 Trogen, Switzerland T: +41 71 343 64 04 F: +41 71 353 66 82 kantonsgericht@ar.ch	Tiếng Đức
51.3	Appenzell Innerrhoden (AI)		Toà án bang Appenzell I.Rh (AI) Kantonsgericht Appenzell I.Rh. Unteres Ziel 20 9050 Appenzell, Switzerland T: +41 71 788 95 51 F: +41 71 788 95 54 kantonsgericht@ai.ch	Tiếng Đức
51.4	Basel-Landschaft (BL)		Toà án bang Basel-Landschaft (BL) Kantonsgericht Basel-Landschaft Gerichtsverwaltung Bahnhofplatz 16	Tiếng Đức

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Postfach 635 4410 Liestal, Switzerland T: +41 61 552 60 55 / 65 31 F: +41 61 552 69 43 kantonsgericht.liestal@bl.ch	
51.5	Basel-Stadt (BS)		Tòa phúc thẩm Basel-Stadt (BS) Appellationsgericht Basel-Stadt Bäumleingasse 1 4051 Basel, Switzerland T: +41 61 267 81 81 F: +41 61 267 63 15 appellationsgericht@bs.ch	Tiếng Đức
51.6	Bern (BE)		Tòa án cấp cao bang Bern (BE) -Tòa dân sự Obergericht Bern, Zivilabteilung Cour suprême Berne, Section civile Hochschulstrasse 17 3001 Bern, Switzerland T: +41 31 635 48 10 F: +41 31 635 48 14 obergericht-zivil.bern@justice.be.ch	Tiếng Đức và tiếng Pháp
51.7	Fribourg (FR)		Tòa án bang Fribourg (FR) Tribunal cantonal Fribourg Rue des Augustins 3 Case postale 1654 1701 Fribourg, Switzerland T: +41 26 304 15 00 F: +41 26 304 15 01 tribunalcantonal@fr.ch	Tiếng Pháp và tiếng Đức
51.8	Genève (GE)		Tòa án dân sự - Tòa án sơ thẩm bang Genève (GE) Tribunal civil - Tribunal de première instance Place du Bourg-de-Four 1 Case postale 3736 1211 Genève 3, Switzerland T: +41 22 327 66 30 F: +41 22 327 66 78 tpi.securise@justice.ge.ch	Tiếng Pháp
51.9	Glarus (GL)		Tòa án cấp cao bang Glarus (GL)	Tiếng Đức

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			Obergericht Glarus Spielhof 6 8750 Glarus, Switzerland T: +41 55 646 53 40 F: +41 55 646 53 41 obergericht@gl.ch	
51.10	Graubünden (GR)		Tòa án cấp cao bang Graubünden (GR) Kantonsgericht Graubünden Poststrasse 14 Postfach 7000 Chur, Switzerland T: +41 81 257 39 68 info@kg.gr.ch	Tiếng Đức và tiếng Italia
51.11	Jura (JU)		Tòa án sơ thẩm - Tòa dân sự bang Jura (JU) Tribunal de première instance Juge civil-e Le Château Case postale 86 2900 Porrentruy 2, Switzerland T: +41 32 420 33 30 F: +41 32 420 33 51 secr.tpi@jura.ch	Tiếng Pháp
51.12	Luzern (LU)		Tòa án bang Luzern (LU) Kantonsgericht Luzern Hirschengraben 16, Postfach 3569 6002 Luzern, Switzerland T: +41 41 228 62 00 F: +41 41 228 62 01 kantonsgericht@lu.ch	Tiếng Đức
51.13	Neuchâtel (NE)		Ủy ban thư ký pháp luật bang Neuchâtel (NE) Secrétariat général du Pouvoir judiciaire, Rue du Château 12 2001 Neuchâtel, Switzerland T: +41 32 889 61 44 / 51 88 F: +41 32 889 61 45 secretariat.pjne@ne.ch	Tiếng Pháp
51.14	Nidwalden (NW)		Tòa án bang Nidwalden (NW) Kantonsgericht Nidwalden Rathausplatz 1 6371 Stans, Switzerland T: +41 41 618 79 50 F: +41 41 618 79 63 kantonsgericht@nw.ch	Tiếng Đức

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
51.15	Obwalden (OW)		Tòa án bang Obwalden (OW) Kantonsgericht Obwalden Poststrasse 6 Postfach 1260 6061 Sarnen, Switzerland T: +41 41 666 62 35 F: +41 41 660 82 86	Tiếng Đức
51.16	Schaffhausen (SH)		Tòa án cấp cao bang Schaffhausen (SH) Obergericht Schaffhausen Frauengasse 17 8200 Schaffhausen, Switzerland T: +41 52 632 74 22 F: +41 52 632 78 36 obergericht@ktsh.ch	Tiếng Đức
51.17	Schwyz (SZ)		Tòa án bang Schwyz (SZ) Kantonsgericht Schwyz Kollegiumstrasse 28 Postfach 2265 6431 Schwyz, Switzerland T: +41 41 819 26 55 F: +41 41 819 26 50 mail@kgsz.ch	Tiếng Đức
51.18	Solothurn (SO)		Tòa án cấp cao bang Solothurn (SO) Obergericht Solothurn Zivilkammer Amtshaus 1 Postfach 157 4502 Solothurn, Switzerland T: +41 32 627 73 24 F: +41 32 627 22 98 rechtshilfe@bd.so.ch	Tiếng Đức
51.19	St. Gallen (SG)		Tòa án bang St. Gallen (SG) Kantonsgericht St. Gallen Klosterhof 1 9001 St. Gallen, Switzerland T: +41 58 229 40 63 F: +41 58 229 37 87 rechtshilfe.kgka@sg.ch	Tiếng Đức
51.20	Thurgau (TG)		Tòa án cấp cao bang Thurgau (TG) Obergericht Thurgau Promenadenstrasse 12A 8500 Frauenfeld, Switzerland T: +41 58 345 33 33 F: +41 58 345 33 34	Tiếng Đức

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
51.21	Ticino (TI)		Tòa án cấp phúc thẩm bang Ticino (TI) Tribunale di appello, Rogatorie internazionali Via Pretorio 16 6901 Lugano, Switzerland T: +41 91 815 54 71 F: +41 91 815 56 02 di-ta.rogatorie@ti.ch	Tiếng Italia
51.22	Uri (UR)		Tòa án cấp cao bang Uri (UR) Obergericht Uri Rathausplatz 2 Postfach 6460 Altdorf UR 1, Switzerland T: +41 41 875 22 67 F: +41 41 875 22 77 obergericht@ur.ch	Tiếng Đức
51.23	Valais (VS)		Tòa án bang Valais (VS) Tribunal cantonal Valais / Kantonsgericht Wallis Palais de Justice / Justizgebäude 1950 Sion 2, Switzerland T: +41 27 606 53 00 F: +41 27 606 53 01 tcsj@jus.vs.ch	Tiếng Pháp và tiếng Đức
51.24	Vaud (VD)		Tòa án bang Vaud (VD) - Bộ phận hỗ trợ tư pháp Tribunal cantonal Vaud Division Entraide judiciaire Palais de justice de l'Hermitage Route du Signal 8 1014 Lausanne ADM cant VD, Switzerland T: +41 21 316 15 11 F: +41 21 316 13 28 info.entraide-judiciaire@vd.ch	Tiếng Pháp
51.25	Zug (ZG)		Tòa án cấp cao bang Zug (ZG) Obergericht Zug Rechtshilfe Kirchenstrasse 6 Postfach 760 6301 Zug, Switzerland T: +41 41 723 62 20 F: +41 41 723 62 30 info.og@zg.ch	Tiếng Đức

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
51.26	Zürich (ZH)		Tòa án cấp cao bang Kantons Zürich (ZH) Obergericht des Kantons Zürich Internationale Rechtshilfe Hirschengraben 13/15 Postfach 8021 Zürich 1, Switzerland T: +41 44 257 91 91 F: +41 44 257 92 65 rechtshilfe@gerichte-zh.ch	Tiếng Đức
52	The former Yugoslav Republic of Macedonia (Cộng hòa Macedonia thuộc Nam Tư cũ)	Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a(thuộc Nam Tư cũ)	Bộ Tư pháp Ministry of Justice Dimitrie Cupovski no. 9 1000 Skopje	Cộng hòa Macedonia thuộc Nam Tư cũ tuyên bố rằng tất cả các giấy tờ được tổng đạt theo Điều 5, đoạn 1 của Công ước cần được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Macedonia theo Điều 7 Hiến pháp của Cộng hòa Macedonia ngày 17/11/1991.
53	Turkey	Thổ Nhĩ Kỳ	Bộ Tư pháp Ministry of Justice General Directorate of International Law and Foreign Relations Adalet Bakanlığı Ek Binası Namık Kemal Mah. Milli Müdafaa Caddesi No:22 Çankaya / ANKARA Turkey	Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ
54	Ukraine	U-crai-na	Bộ Tư pháp Ministry of Justice of Ukraine Directorate on International Law and Co-operation Department on International Law 13, Horodetskogo St. KYIV 01001, Ukraine	Tiếng U-crai-na. Nếu người nhận thông thạo ngôn ngữ lập giấy tờ, bản dịch là không cần thiết.
55	United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland	Vương quốc Anh và Bắc Ailen	The Senior Master For the attention of the Foreign Process Section Room E16 Royal Courts of Justice Strand LONDON WC2A 2LL	Theo Điều 5 (3) Công ước, Vương quốc Anh yêu cầu giấy tờ được lập bằng hoặc dịch sang tiếng Anh

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
56	United States of America	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	<p>Process Forwarding International 633 Yesler Way Seattle, WA 98104 USA</p> <p>(Lưu ý: Cơ quan Trung ương của Hoa Kỳ là Bộ Tư pháp nhưng Bộ Tư pháp có hợp đồng thuê Công ty Process Forwarding International thực hiện các nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý hồ sơ nên hồ sơ cần gửi đến Công ty này. Phạm vi chuyển giấy tờ của công ty này là trong lãnh thổ Hoa Kỳ (50 bang và Columbia), Guam, American Samoa, Puerto Rico, the U.S. Virgin Islands và the Commonwealth of the Northern Mariana Islands. Các giấy tờ tổng đạt cho người nhận là Chính phủ và các cơ quan nhà nước của Hoa Kỳ vẫn gửi đến Bộ Tư pháp Hoa Kỳ mà không gửi đến công ty này. Bộ Tư pháp U.S. Department of Justice Civil Division Office of International Judicial Assistance Benjamin Franklin Station P.O. Box 14360 Washington, D.C. 20004 United States of America</p>	<p>Tất cả các yêu cầu tổng đạt chính thức giấy tờ theo Điều 5 (1) và chuyển cho Process Forwarding International, phải được dịch sang tiếng Anh, kèm theo một bản dịch các giấy tờ kèm theo, nhưng các giấy tờ chỉ bằng tiếng Pháp cũng được tổng đạt. Lưu ý rằng không có yêu cầu tương tự với tổng đạt không chính thức như qua thư hay các kênh lãnh sự hoặc sử dụng dịch vụ tổng đạt tư nhân. Tuy nhiên, một số tòa án có thể quy định và thường là chỉ khi bị đơn phản đối, rằng tổng đạt giấy tờ không được dịch sang tiếng Anh và qua các cơ chế không chính thức không thể cung cấp cho người nhận thông báo cần thiết về tính chất của thủ tục tố tụng và cơ hội để trả lời và vì thế không thể được thi hành vì lý do thủ tục hợp lệ (due process)</p>
57	Venezuela	Vê-nê-du-ê-la	<p>Bộ Ngoại giao Ministry of Popular Power for Foreign Affairs Ministerio del Poder Popular para Relaciones Exteriores Oficina de Relaciones Consulares Avenida Urdaneta Esquina de "Carmelitas" a "Puente Llaguno" Edificio anexo a la Torre "MRE" Caracas, 1010 República Bolivariana de Venezuela</p>	Tiếng Tây Ban Nha.

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
58	Antigua và Barbuda	An-ti-go-a và Bắc-bu-đà	Cơ quan đăng ký của Tòa án tối cao Registrar Supreme Court Địa chỉ: High Street Parliament Drive St John's, Antigua	Chưa có thông tin
59	Bahamas	Ba-ha-mát	Văn phòng Tổng Chương lý Office of the Attorney General Post Office Building East Hill Street P.O. Box N-3007 NASSAU, Bahamas	Chưa có thông tin
60	Barbados	Bắc-ba-đốt	Cơ quan đăng ký của Tòa án tối cao Barbados The Registrar of the Supreme Court of Barbados Registration Department Coleridge Street Bridgetown, Barbados, W.I.	Chưa có thông tin
61	Belize	Bê-li-xê	Tòa án tối cao The Registrar of the Supreme Court of Belize # 1 Treasure Lane, Belize City	Chưa có thông tin
62	Botswana	Bốt-xoa-na	Văn phòng Chủ tịch nước The Minister of State in the Office of the President P/Bag 001 Gaborone, Botswana	Tiếng Anh
63	Colombia	Cô-lôm-bi-a	Bộ Ngoại giao Ministerio de Relaciones Exteriores Dirección de Asuntos Migratorios, Consulares y Servicio al Ciudadano Edificio Luis López de Mesa Carrera 6, Número 9 – 46 Bogotá D.C., COLOMBIA	Chưa có thông tin
64	Kazakhstan	Ca-dắc-xtan	Chưa có thông tin	Theo đoạn 3 Điều 5 Công ước, giấy tờ được tổng đạt chỉ được chấp nhận nếu được lập bằng hoặc kèm theo bản dịch sang tiếng Ca-dắc hoặc tiếng Nga
65	Kuwait	Cô-óét	Bộ Tư pháp The State of Kuwait Ministry of Justice	Yêu cầu hai bản sao của giấy tờ tư pháp được dịch sang tiếng Ả Rập và người

Stt	Quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ
			International Relations Department Ministries Complex Building No 14 P.O. Box 6, Safat 13001 Kuwait City	nhận có thể lựa chọn có chấp nhận giấy tờ không được dịch hay không.
66	Malawi	Ma-la-uy	Tòa cấp cao The Registrar of the High Court of Malawi P.O. Box 30244 Blantyre 3, Malawi	Chưa có thông tin
67	Pakistan	Pa-ki-xtan	Bộ Pháp luật và tư pháp The Solicitor Ministry of Law and Justice R Block, Pak. Sectt. Islamabad, Pakistan	Chưa có thông tin
68	Saint Vincent and the Grenadines	Xanh Vin-xen và Grê-na-din	<i>Tòa cấp cao</i> <i>High Court:</i> Ms Colleen Mc Donald Registrar High Court KINGSTOWN St. Vincent and the Grenadines	Chưa có thông tin
69	San Marino	San Ma-ri-nô	Tribunale Unico of the Republic of San Marino Via 28 Luglio n. 194 47893 Borgo Maggiore Repubblica di San Marino	Tổng đạt theo Điều 5 (1) Công ước yêu cầu tất cả các giấy tờ được tổng đạt phải được lập bằng tiếng I-ta-lia hoặc một bản dịch được hợp pháp hóa và tuyên thệ sang tiếng I-ta-lia kèm theo.
70	Seychelles	Xây-sen	Tòa án tối cao The Registrar of the Supreme Court Supreme Court PO Box 157, Victoria, Republic of Seychelles	Chưa có thông tin

PHỤ LỤC II
CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT CÓ THU CHI PHÍ

Stt	Tên nước	Mức phí	Cơ quan thu	Phương thức thanh toán	Ghi chú
1	Hoa Kỳ	95 Đô la Mỹ	Process Forwarding International (ABC Legal)	Thanh toán phí có thể được thực hiện bằng Visa, Mastercard, phần lớn các loại thẻ tín dụng quốc tế, chuyển khoản ngân hàng, lệnh chuyển tiền quốc tế và séc do Chính phủ phát hành trả cho Process Forwarding International. Tên tài khoản: ABC Legal Services Tên ngân hàng: Wells Fargo Bank Số tài khoản: 2007107119 Swift/IBAN Code: WFBIUS6S Nội dung: Ghi tên của người cần được tổng đạt (viết bằng tiếng Anh đúng với tên người cần được tổng đạt ghi trong hồ sơ).	Cần thanh toán trước cho Công ty Process Forwarding International và gửi kèm theo hồ sơ 01 bản gốc và 02 bản sao biên lai chuyển tiền và phiếu hạch toán chuyển tiền ra nước ngoài
2	Canada	100 đô la Canada		Thông thường các bang chấp nhận thanh toán bằng séc và lệnh chuyển tiền, một số bang chấp nhận tiền mặt và các hình thức thanh toán khác.	Cần trả trước cho các bang và gửi kèm theo hồ sơ 02 bộ biên lai chuyển tiền và phiếu hạch toán chuyển tiền ra nước ngoài
2.1	Alberta		Chính quyền Alberta (Government of Alberta)	Tiền mặt, Séc tại Ngân hàng của Canada, Séc du lịch	Trả trước
2.2	British Columbia		Bộ Tài chính British Columbia	Hối phiếu ngân hàng, Tiền mặt, Séc tại Ngân hàng của Canada, Séc tại các quỹ của Hoa Kỳ tại Ngân hàng của Hoa Kỳ, lệnh chuyển tiền (money order)	Trả trước
2.3	Manitoba		Bộ Tài chính	Séc, Chuyển tiền điện tử (electronic transfer), Lệnh chuyển tiền (money order) Bank Name: Royal Bank of Canada Branch: Main Branch Winnipeg Address: 220 Portage, Avenue Winnipeg, MB R3C 0A5 CANADA Account Name: Province of Manitoba – General Account Bank Number: 003 Bank Transit: 00007 Bank Account : 000-001-8 Swift Code: ROYCCAT2	Trả trước

2.4	New Brunswick		Bộ Tài chính của bang	Séc, Lệnh chuyển tiền	Ưu tiên trả trước
2.5	New Foundland and Labrador		Bộ Tài chính công của bang (NewFoundland Exchequer)	Séc, Lệnh chuyển tiền, Hối phiếu ngân hàng	Trả trước
2.6	Northwest Territories		Bộ Tư pháp, chính quyền bang (Government of the Northwest Territories, Department of Justice)	Séc, Lệnh chuyển tiền, Thẻ visa	Trả trước
2.7	Nova Scotia		Bộ Tài chính của bang	Hối phiếu ngân hàng, Tiền mặt, Séc, Lệnh chuyển tiền	Trả trước
2.8	Nunavut		Chính quyền bang	Tiền mặt, Séc, Lệnh chuyển tiền, Hối phiếu ngân hàng	Trả trước
2.9	Ontario		Bộ Tài chính bang Ontario	Hối phiếu ngân hàng, tiền mặt, Séc tại Ngân hàng của Canada, Thẻ tín dụng (Mastercard, Visa, American Express), Lệnh chuyển tiền, Séc du lịch	Trả trước
2.10	Prince Edward Island		Bộ Tài chính, Năng lượng và nội vụ của bang	Hối phiếu ngân hàng, tiền mặt, Séc, Lệnh chuyển tiền	Trả trước
2.11	Québec		Bộ Tài chính của bang	Séc tại Ngân hàng ở Canada, Séc du lịch	Trả trước
2.12	Saskatchewan		Bộ Tư pháp của bang- (Sheriff Services)	Séc	Trả trước
2.13	Yukon		Kho bạc của chính quyền Yukon		Trả trước
3	Ô-xtrây-li-a (Úc)	Mức phí theo từng bang			Nộp tạm ứng 3.000.000đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
3.1	New South Wales	64 đô la Úc	Tòa án tối cao New South Wales	Khi gửi kết quả, cơ quan có thẩm quyền của Bang sẽ gửi kèm hóa đơn yêu cầu Việt Nam trả phí; trong hóa đơn sẽ nêu rõ phương thức thanh toán và thông tin cụ thể về ngân hàng.	
3.2	Victoria	32 đô la Úc (tổng đạt thành công) 23 đô la Úc (tổng đạt không thành công)		Khi gửi kết quả, cơ quan có thẩm quyền của Bang này sẽ gửi kèm hóa đơn yêu cầu Việt Nam trả phí; trong hóa đơn sẽ nêu rõ phương thức thanh toán và thông tin cụ thể về ngân hàng.	
3.3	Queensland	Mức phí không có mức cố định và tùy thuộc từng trường hợp (dựa trên nhiều yếu tố, bao gồm: vị trí nơi tổng đạt được thực hiện, người được	Cơ quan có thẩm quyền Queensland	Khi gửi kết quả, cơ quan có thẩm quyền của Bang này sẽ gửi kèm hóa đơn yêu cầu Việt Nam trả phí; trong hóa đơn sẽ nêu rõ phương thức thanh toán và thông tin cụ thể về ngân hàng.	

		tổng đạt có hợp tác hay không và số lần nỗ lực tổng đạt theo yêu cầu)			
3.4	Western Australia	Chi phí cơ bản 120 đô la Úc (tùy thuộc vào khoảng cách thực hiện tổng đạt).	Văn phòng Sheriff		
3.5	South Australia	Mức phí không có mức cố định và tùy thuộc từng trường hợp (dựa trên nhiều yếu tố, bao gồm: vị trí nơi tổng đạt được thực hiện, người được tổng đạt có hợp tác hay không và số lần nỗ lực tổng đạt theo yêu cầu)	Cơ quan có thẩm quyền của South Australia	Khi gửi kết quả, cơ quan có thẩm quyền của Bang này sẽ gửi kèm hóa đơn yêu cầu Việt Nam trả phí; trong hóa đơn sẽ nêu rõ phương thức thanh toán và thông tin cụ thể về ngân hàng.	
3.6	Tasmania	Khác nhau tùy theo phương thức tổng đạt được sử dụng. Chi phí bưu điện khác nhau tùy thuộc vào kích cỡ và trọng lượng của bưu kiện. Chi phí cho người thực hiện tổng đạt (process- server) cho việc tổng đạt trực tiếp phụ thuộc vào khoảng cách mà người thực hiện tổng đạt phải di chuyển để thực hiện tổng đạt, và số lần tổng đạt được thực hiện.			
3.7	Australian Capital Territory	331 đô la Úc (bao gồm 03 lần cố gắng tổng đạt dù có thành công hay không). Khoản phí cần được thanh toán trước khi gửi hồ sơ	Tòa án tối cao của Thủ đô Úc	Có thể được trả bằng séc cho “Supreme Court of the Australian Capital Territory” Thanh toán có thể được thực hiện bằng thẻ tín dụng qua điện thoại bằng cách gọi cho Supreme Court Registry (Cục Đăng ký Tòa án Tối cao).	
3.8	Northern Territory	Chưa có thông tin			

4	Đảo Síp (Cyprus)	21 Euro.	Bộ Tư pháp và trật tự công	Chuyển khoản ngân hàng (Bank transfer) đến tài khoản ngân hàng sau đây: Bank Account Number: 6001017 - Ministry of Justice and Public Order IBAN: CY21 0010 0001 0000 0000 0600 1017 Swift Code: CBCYCY2N	Cần thanh toán trước cho Bộ Tư pháp và trật tự công và gửi kèm theo hồ sơ 01 bản gốc và 02 bản sao biên lai chuyển tiền và phiếu hạch toán chuyển tiền ra nước ngoài
5	Hy Lạp	50 Euro	Bộ Tư pháp, Minh bạch và nhân quyền Hy Lạp.	Thanh toán phí được thực hiện qua chuyển khoản ngân hàng đến Bộ Tư pháp, Minh bạch và nhân quyền Hy Lạp - Người thụ hưởng: Hellenic Ministry of Justice, Transparency & Human Rights - Tài khoản tại: Bank of Greece - Số tài khoản: 23/2341147896 - IBAN: GR9101000230000002341147896 - Swift Code: BNGRGRAA	Cần thanh toán trước cho Bộ Tư pháp, Minh bạch và nhân quyền Hy Lạp và gửi kèm theo hồ sơ 02 bộ biên lai chuyển tiền và phiếu hạch toán chuyển tiền ra nước ngoài
6	Lithuania	110 Euro	Cơ quan thừa phát lại của Lithuania (Chamber of Judicial Officers of Lithuania)	Chuyển khoản ngân hàng Người thụ hưởng: Chamber of Judicial Officers of Lithuania Địa chỉ: Konstitucijos Ave. 15, LT-09319 Vilnius, Republic of Lithuania Account No. LT92 4010 0424 0031 5815, AB "DnB bankas", - Bank code 40100 Data accumulated and stored in the Register of Legal Entities, code 126198978.	Cần thanh toán trước cho Cơ quan thừa phát lại của Lithuania và gửi kèm theo hồ sơ 02 bộ biên lai chuyển tiền và phiếu hạch toán chuyển tiền ra nước ngoài
7	San Marino	50 Euro		Ufficio Registro e Ipoteche della Repubblica di San Marino Via 28 Luglio n. 196 47893 Borgo Maggiore Repubblica di San Marino SWIFT CODE: ICSMSMSMXXX IBAN SM44 A032 2509 8000 0001 0005 403	Cần thanh toán trước và gửi kèm theo hồ sơ 02 bộ biên lai chuyển tiền và phiếu hạch toán chuyển tiền ra nước ngoài
8	Pháp	50 Euro nếu lựa chọn việc tổng đạt giấy tờ do thừa phát lại thực hiện	Cơ quan thừa phát lại quốc gia (Chambre nationale des huissiers de justice)	Mức phí này được trả bằng séc	Lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 (1) (a) được thực hiện bởi cơ quan nhà nước thì sẽ không mất chi phí. Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 (1) (a) do thừa phát lại thực hiện thì cần thanh toán trước chi phí 50 euro cho Cơ

					quan thừa phát lại quốc gia (Chambre nationale des huissiers de justice)
9	Bahamas	- 80 đô la Mỹ (Nếu tổng đạt thành công) - 160 đô la Mỹ (Nếu địa chỉ do quốc gia yêu cầu cung cấp không chính xác và nhân viên thực thi phải xác minh bằng cách tra cứu tại Cơ quan đăng ký chung các công ty			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
10	Bỉ	Tổng đạt giấy tờ áp dụng Điều 5 đoạn 1, a) hoặc b) ngầm chi việc phải thuê cán bộ tư pháp. Chi phí trong đó phải được hoàn trả theo Điều 12 Công ước.			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
11	Hồng Kông (Trung Quốc)	Không áp đặt bất kỳ mức phí nào để thực hiện yêu cầu theo Công ước. Tổng đạt được thực hiện bởi Thừa phát lại nhưng nếu tổng đạt bằng một phương thức tổng đạt cụ thể (như thông tin trên báo chí) thì chi phí phải được thanh toán hoặc hoàn trả.			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
12	Estonia	30-60 Euro nếu tổng đạt giấy tờ do thừa phát lại thực hiện .		Trong tất cả các trường hợp, hóa đơn (bao gồm thông tin về thanh toán, thời hạn thanh toán v..v) được gửi kèm với các giấy tờ gửi cho người yêu cầu.	Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
13	Nhật Bản	Trong trường hợp tổng đạt được thực hiện bởi một marshal (thừa phát lại) phí là là 1,800 yên Nhật (tổng đạt trong giờ làm việc trong tuần) hoặc 4,200 yên Nhật (tổng đạt vào ban đêm, cuối tuần hoặc ngày nghỉ) cộng với chi phí đi		Chi phí tổng đạt trả sau khi có thông báo kèm với giấy xác nhận kết quả	Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12

		lại của marshal, là 37 yên Nhật cho 1 km từ Tòa án cấp quận có thẩm quyền đến nơi của marshal.			
14	Hàn Quốc	Mất phí khi cán bộ thực hiện (an execution officer) tổng đạt giấy tờ theo Điều 5(1) và khi thực hiện một phương thức tổng đạt cụ thể, theo Điều 5 (2)			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12 nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b)
15	Vương quốc Anh	Từ 1/1/1979, không tính phí với tổng đạt trong các trường hợp thông thường. Tuy nhiên, nếu yêu cầu tổng đạt theo một phương thức đặc biệt, làm phát sinh chi phí phụ trội, hoặc trong các trường hợp ngoại lệ khác, chi phí thực tế của tổng đạt sẽ được yêu cầu hoàn trả.			<ul style="list-style-type: none"> - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
16	Latvia	Miễn phí trừ Trường hợp yêu cầu tổng đạt theo phương thức cụ thể tại Điều 5(1)b Công ước			<ul style="list-style-type: none"> - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
17	Lúc xăm bua	Trong trường hợp giấy tờ do thừa phát lại tổng đạt, phí là 50 euro, chi phí đi lại và thuế VAT (12%). Chi phí đi lại có mức 0.52 euro trên một km đi và về. Trong thành phố Lúc-xăm-bua, mức phí là 6 euro. Trong thành phố Esch-sur-Alzette		Hóa đơn được gửi cho người yêu cầu. Một số thừa phát lại yêu cầu thanh toán trước khi tổng đạt, một số khác thực hiện ngay nhưng không tổng đạt bản gốc khi chưa được thanh toán.	<ul style="list-style-type: none"> -Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.

		<p>và Diekirch mức phí là 3 euro.</p> <p>Nếu cán bộ tư pháp phải giao nhiều bản sao của giấy tờ thì mỗi bản sao thêm là ¼ mức phí cố định, nghĩa là 12.5 euro.</p> <p>Ngoài ra, khi thừa phát lại phải xác minh địa chỉ, mức phí tăng thêm 1/10 mức phí cố định (5 euro).</p> <p>Ngoài ra, giấy tờ phải được đăng ký tại Lúc xăm bua thì mức phí cố định là 12 euro và mức phí lấy dấu là 2 euro mỗi trang.</p>			
18	Mexico	<p>Không thu phí</p> <p>Về đoạn thứ hai của Điều 12, người yêu cầu phải trả chi phí thanh toán cho tổng đạt giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp khi sử dụng phương thức tổng đạt cụ thể.</p>			<p>-Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí.</p> <p>- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.</p>
19	Monaco	<p>Không thu phí với tổng đạt do Nhà nước thực hiện, không thu thuế với tổng đạt từ một quốc gia thành viên.</p> <p>Chuyển giao giấy tờ đơn giản là miễn phí với người yêu cầu.</p> <p>Tuy nhiên, nếu phương thức tổng đạt do người yêu cầu lựa chọn như chuyển giao giấy tờ qua thừa phát lại, chi phí phải được thanh toán.</p>			<p>- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí.</p> <p>- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.</p>
20	Hà Lan	<p>Không thu phí</p> <p>Chi phí chỉ phát sinh nếu giấy tờ được tổng đạt bởi thừa phát lại. Chi phí khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu</p>		<p>Trả sau, thông báo chi phí thực tế sẽ được gửi kèm kết quả</p>	<p>- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí.</p> <p>- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan</p>

		và thừa phát lại liên quan. Khi thực hiện xong, Hà Lan sẽ gửi kèm yêu cầu về thanh toán chi phí cho thừa phát lại.			cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
21	Bồ Đào Nha	Không thu phí Khi Tòa án chọn tổng đạt qua bưu điện thì tòa án phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ chi phí nào phát sinh mà bất kể khả năng được hoàn trả. Chi phí có thể phát sinh khi tổng đạt do đại diện thực thi, luật sư hoặc luật sư tư vấn thực hiện Bồ Đào Nha sẽ viện dẫn Điều 12 (2) (b) của Công ước chỉ khi người yêu cầu đề nghị một phương thức tổng đạt cụ thể cần có sự tham gia của chuyên gia.			- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
22	Liên bang Nga	Liên bang Nga cho rằng theo Điều 12 Công ước, tổng đạt giấy tờ tư pháp từ một quốc gia thành viên không làm phát sinh bất kỳ chi phí hoặc hoàn lại thuế hoặc chi phí nào cho tổng đạt được thực hiện bởi quốc gia nhận. Việc thu các chi phí như vậy (với ngoại lệ được nêu tại mục a và b của đoạn 2 Điều 12) bởi bất kỳ quốc gia ký kết nào được Liên Bang Nga coi là từ chối tuân theo Công ước trong mối quan hệ với Liên bang Nga, và, kết quả là, Liên bang Nga không áp dụng Công ước trong mối quan hệ với quốc gia ký kết đó.			- Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.

23	Slovakia	Không có chi phí cho tổng đạt giấy tờ, Tuy nhiên, nếu yêu cầu áp dụng bằng phương thức tổng đạt cụ thể có thể làm phát sinh chi phí cần được hoàn trả.			<ul style="list-style-type: none"> - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
24	Slovenia	Không có nghĩa vụ phải thanh toán cho tổng đạt giấy tờ, trừ khi Tòa án quyết định, theo yêu cầu của một bên, rằng giấy tờ được tổng đạt bởi một cá nhân hoặc pháp nhân thực hiện tổng đạt dưới dạng một hành động được đăng ký trên cơ sở được ủy quyền đặc biệt từ Bộ Tư pháp. Trong những trường hợp đó, bên yêu cầu tổng đạt được thực hiện bởi process-server phải thanh toán trước chi phí tổng đạt; kết thúc quá trình tố tụng, chi phí tố tụng do bên thua kiện hoặc cả hai bên chịu theo phần tương ứng với mức độ thành công của bên đó trong vụ việc.			<p>Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12</p>
25	Tây Ban Nha	Tổng đạt giấy tờ là miễn phí, theo pháp luật trong nước của Tây Ban Nha và tổng đạt được thực hiện bởi cơ quan công quyền (Tòa án). Chi phí đặc biệt phát sinh từ một hình thức tổng đạt cụ thể theo đề nghị của người yêu cầu nên được giải quyết tùy theo tình huống của vụ việc.			<ul style="list-style-type: none"> - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.

26	Thụy Điển	<p>Không có chi phí tổng đạt giấy tờ tại Thụy Điển. Nhưng nếu một phương thức tổng đạt được đề nghị bởi người yêu cầu làm phát sinh chi phí cho cơ quan trung ương của Thụy Điển, Điều 12 (2)(b) đưa ra căn cứ pháp lý để đề nghị người yêu cầu hoàn trả chi phí. Tuy nhiên, Điều này rất ít khi được áp dụng.</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.
27	Thụy sĩ	<p>Nhìn chung, chi phí phát sinh khi tổng đạt do cơ quan có thẩm quyền của Thụy sĩ chịu.</p> <p>Tổng đạt là miễn phí khi không có yêu cầu phương thức tổng đạt cụ thể (khi tổng đạt được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự). Vì thế chỉ Điều 12 (2) b được áp dụng. Quy định này được viện dẫn chỉ khi quốc gia yêu cầu đề nghị tổng đạt theo phương thức đặc biệt làm phát sinh chi phí.</p> <p>Khoản thanh toán là chi phí phát sinh. Không có sự phân biệt giữa các quốc gia gửi.</p> <p>Theo thư ngày 14/4/2016 của bang Zug, tổng đạt giấy tờ từ quốc gia thành viên không phát sinh chi phí theo Điều 12 Công ước nên cơ quan trung ương của bang này không thu phí</p> <p>Theo thư ngày 19/4/2016 của Văn phòng tư pháp liên bang Thụy sĩ rằng các thông tin trên</p>			<ul style="list-style-type: none"> -Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, a) thì sẽ không mất chi phí. - Nếu lựa chọn phương thức tổng đạt theo Điều 5 đoạn 1, b), Quý Cơ quan cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12.

		<p>trang của Hội nghị La Hay là đầy đủ. Về nguyên tắc, cơ quan có thẩm quyền của Thụy sĩ không thu phí cho tổng đạt giấy tờ theo điều 12 đoạn 1 Công ước. Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt yêu cầu sử dụng một phương thức tổng đạt cụ thể theo Điều 12 đoạn 2 điểm b Công ước thì có thu phí nhưng rất hiếm khi xảy ra. Nên tham khảo thêm các thông tin trong quyền hướng dẫn TTTP trong lĩnh vực dân sự có sẵn trên trang web của Văn phòng tư pháp liên bang</p>			
28	Ác-mê-ni-a	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
29	Ai-cập	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
30	An-ba-ni	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
31	Bác-ba-đốt	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
32	Môn-tê-nê-grô	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp

					tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
33	Pa-ki-xtan	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
34	Ru-ma-ni	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
35	Xanh Vin-xen và Grê-na-đin	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
36	Xây-sen	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
37	Xéc-bi-a	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
38	Ca-đắc-xtan	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
39	Bê-li-xê	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12

40	Bốt-xoa-na	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
41	Cô-lôm-bi-a	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
42	Cốt-xta Ri-ca	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
43	Man-ta	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
44	Ma-rốc	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
45	Ma-xê-đô-ni-a	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
46	An-ti-goa và Bác-bu-đa	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
47	Bác-ba-đốt	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b

					khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12
48	Ma-la-uy	Chưa có thông tin			Cần yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí uỷ thác tư pháp về dân sự nộp tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp (3.000.000 đồng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 12

PHỤ LỤC III

CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT KHÔNG THU/MIỄN CHI PHÍ

TT	QUỐC GIA	TT	QUỐC GIA
1.	Ác-hen-ti-na	2.	Đan Mạch
3.	Ai-len	4.	Hung-ga-ri
5.	Ai-xơ-len	6.	I-ta-li-a
7.	Ấn Độ	8.	I-xra-en
9.	Ba Lan	10.	Môn-đô-va
11.	Bê-la-rút	12.	Na Uy
13.	Bô-xni-a Héc-dê-gô-vi-na	14.	Séc
15.	Bun-ga-ri	16.	Thổ Nhĩ Kỳ
17.	Cô-oét	18.	Vê-nê-du-ê-la
19.	Crô-a-ti-a	20.	Xri Lan-ca
21.	Trung Quốc	22.	Phần Lan
23.	Đức	24.	U-crai-na

PHỤ LỤC IV

CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT KHÔNG PHẢN ĐỐI VIỆC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CỦA NƯỚC GỬI TỔNG ĐẠT VĂN BẢN CHO NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ CÔNG DÂN NƯỚC GỬI

STT	TÊN NƯỚC	STT	TÊN NƯỚC
1.	An-ba-ni	20.	I-xra-en
2.	Antigua and Barbuda	21.	I-ta-li-a
3.	Ác-mê-ni-a	22.	Nhật Bản
4.	Ôt-xtrây-li-a	23.	Ca-dắc-xtan
5.	Ba-ha-mát	24.	Ma-la-uy
6.	Bác-ba-đốt	25.	Ma-rốc
7.	Bê-la-rút	26.	Hà Lan
8.	Bê-li-xê	27.	Xanh-vin-xen và Grê-na-đin
9.	<i>Bô-xni-avàHéc-xê-gô-vi-na</i>	28.	Tây Ban Nha
10.	Bốt-xoa-na	29.	Thụy Điển
11.	Ca-na-đa	30.	Vương quốc Anh
12.	Cô-lôm-bi-a	31.	Hoa Kỳ
13.	Cốt-xta Ri-ca		
14.	Síp		
15.	Đan Mạch		
16.	Ex-tô-ni-a		
17.	Phần Lan		
18.	Ai-xơ-len		
19.	Ai-len		

PHỤ LỤC V

CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT KHÔNG PHẢN ĐỐI VIỆC GỬI VĂN BẢN THÔNG QUA ĐƯỜNG BƯU ĐIỆN

STT	TÊN NƯỚC	STT	TÊN NƯỚC
1.	An-ba-ni	23.	I-xra-en
2.	Antigua and Barbuda	24.	I-ta-li-a
3.	Ác-mê-ni-a	25.	Nhật Bản *
4.	Ốt-xtrây-li-a	26.	Ca-đắc-xtan
5.	Ba-ha-mát	27.	Lát-vi-a
6.	Bác-ba-đốt	28.	Lúc-xăm-bua
7.	Bê-la-rút	29.	Ma-la-uy
8.	Bỉ	30.	Ma-rôc
9.	Bê-li-xê	31.	Hà Lan
10.	Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na	32.	Pa-ki-xtan
11.	Bốt-xoa-na	33.	Bồ Đào Nha
12.	Ca-na-đa	34.	Ru-ma-ni
13.	Cô-lôm-bi-a	35.	Xanh-vin-xen và Grê-na-din
14.	Hồng Kông (Trung Quốc)	36.	Xây-sen
15.	Ma Cao (Trung Quốc)	37.	Xlô-ve-ni-a
16.	Síp	38.	Tây Ban Nha
17.	Đan Mạch *	39.	Thụy Điển
18.	Ex-tô-ni-a	40.	Vương quốc Anh
19.	Phần Lan	41.	Hoa Kỳ
20.	Pháp		
21.	Ai-xơ-len		
22.	Ai-len		

* Khi tham gia Công ước Tổng đạt Đan Mạch và Nhật Bản không tuyên bố phản đối việc tổng đạt giấy tờ qua kênh bưu điện. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là việc tổng đạt giấy tờ qua kênh bưu điện được coi là hợp lệ tại hai nước này, đặc biệt đối với Nhật Bản việc sử dụng phương thức này sẽ không được coi là hợp lệ trong trường hợp quyền lợi của người nhận không được đảm bảo

PHỤ LỤC VI

CÁC NƯỚC CÓ HIỆP ĐỊNH/

THỎA THUẬN TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ VỚI VIỆT NAM

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH	CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	NGÔN NGỮ
1.	Hiệp định TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN Tiếp Khắc (Séc và Xi-lô-va-ki-a kế thừa)	- Bộ Tư pháp Cộng hòa Séc; - Bộ Tư pháp Cộng hòa Xi-lô-va-ki-a	Tiếng Nga
2.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Cu Ba	Bộ Tư pháp Cộng hòa Cu Ba	Tiếng Tây Ban Nha
3.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Hung-ga-ri	Bộ Tư pháp Cộng hòa Hung-ga-ri	Tiếng Hung-ga-ry, Tiếng Pháp
4.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Bun-ga-ri	Bộ Tư pháp Cộng hòa Bun-ga-ri	Tiếng Bun-ga-ry, tiếng Nga
5.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Ba Lan	Bộ Tư pháp Cộng hòa Ba Lan	Tiếng Ba Lan, tiếng Nga, tiếng Pháp
6.	Hiệp định TTTP về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào	Bộ Tư pháp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Tiếng Lào
7.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	Bộ Tư pháp Liên bang Nga	Tiếng Nga, tiếng Anh
8.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa	Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Tiếng Trung, tiếng Anh
9.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hoà Pháp	Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp	Tiếng Pháp
10.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và U-crai-na	Bộ Tư pháp Cộng hòa U-crai-na	Tiếng U-crai-na, tiếng Nga, tiếng Anh
11.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	Bộ Tư pháp Cộng hòa Mông Cổ	Tiếng Mông Cổ, tiếng Nga
12.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CH Bê-la-rút	Bộ Tư pháp Cộng hòa Bê-la-rút	Tiếng Bê-la-rút, tiếng Nga
13.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Triều Tiên	Tòa án Trung ương Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên	Tiếng Triều Tiên, tiếng Anh

14.	Hiệp định TTTP về dân sự và thương mại giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân An-giê-ri	Bộ Tư pháp Cộng hoà An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân	Tiếng An-giê-ri, tiếng Pháp
15.	Hiệp định TTTP về dân sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hoà Ca-dắc-xtan	Bộ Tư pháp Cộng hoà Ca-dắc-xtan	Tiếng Ca-dắc-xtan, tiếng Anh
16.	Thỏa thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội về TTTP trong lĩnh vực dân sự (Đài Loan)	Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan	Tiếng Trung, tiếng Anh
17.	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Vương quốc Cam-pu-chia	Bộ Tư pháp Vương quốc Cam-pu-chia	Tiếng Cam-pu-chia, tiếng Anh

PHỤ LỤC VII

GIỚI THIỆU CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT VÀ VIỆC GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

1. Giới thiệu Công ước

1.1 Lịch sử hình thành và số lượng thành viên

Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại là công ước đa phương do Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế soạn thảo và được thông qua vào ngày 15/11/1965 tại phiên họp lần thứ 10 của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế (Hội nghị La Hay), có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Tính đến 2 tháng 8 năm 2017, Công ước Tổng đạt có 73 quốc gia ký kết từ các nền kinh tế phát triển và đang phát triển với truyền thống pháp luật khác nhau. Nhiều quốc gia châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, Cô-ôét... đều đã là thành viên Công ước.

Mục tiêu của Công ước là: (a) Xây dựng một hệ thống có thể đảm bảo được rằng người nhận được thông báo có đủ thời gian để bảo vệ quyền lợi của mình; (b) Đơn giản hóa phương thức tổng đạt giấy tờ từ quốc gia yêu cầu đến quốc gia được yêu cầu; (c) Đưa ra được bằng chứng là tổng đạt đã được hoàn thành dưới hình thức là giấy xác nhận kết quả theo mẫu thống nhất.

Công ước áp dụng cho các vụ việc về dân sự hoặc thương mại có yêu cầu phải tổng đạt giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp ra nước ngoài và không áp dụng trong trường hợp không biết được địa chỉ của người nhận được tổng đạt (Điều 1). Công ước áp dụng với việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp nhưng không có định nghĩa cụ thể về các loại giấy tờ này mà việc phân loại phụ thuộc vào pháp luật của Nước gửi (Nước yêu cầu).

1.2 Phạm vi áp dụng

Công ước áp dụng cho các vụ việc về dân sự hoặc thương mại có yêu cầu phải tổng đạt giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp ra nước ngoài và không áp dụng trong trường hợp không xác định được địa chỉ của người được tổng đạt. Việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp chỉ được thực hiện khi đáp ứng được 4 điều kiện sau:

- Giấy tờ phải được tổng đạt từ quốc gia thành viên này sang quốc gia thành viên khác. Theo đó, Công ước áp dụng tổng đạt đối với địa chỉ (nơi giấy tờ cần được tổng đạt đến/ địa chỉ cần được tổng đạt là tại một quốc gia thành viên khác của Công ước) mà không phụ thuộc vào quốc tịch hoặc nơi cư trú (kể cả thường trú, tạm trú) của đương sự.
- Giấy tờ tổng đạt phải là giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp
- Giấy tờ tổng đạt phải là giấy tờ liên quan tới các vấn đề về dân sự hoặc thương mại
- Địa chỉ của người nhận phải xác định được. Trên thực tế, cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu có quyền xử lý trong trường hợp địa chỉ không đầy đủ, không chính

xác hoặc không có địa chỉ đó hoặc có sự thay đổi địa chỉ. Trong trường hợp này, các quốc gia thường trả lại hồ sơ do không tìm thấy địa chỉ của đương sự sau khi đã xác minh địa chỉ. Theo khuyến nghị của Ban thư ký Hội nghị La Hay, nên cung cấp thêm thông tin về người khác mà Cơ quan Trung ương có thể liên lạc trong trường hợp cần thêm thông tin về địa chỉ của người được tổng đạt. Ngoài ra, việc xác định chính xác tên của đương sự có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong trường hợp đương sự là pháp nhân.

1.3 Cơ cấu và nội dung chính của Công ước

Công ước có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ ngày 01/10/2016. So với các Hiệp định TTTP, việc gia nhập Công ước Tổng đạt có phạm vi thực hiện tổng đạt về mặt địa lý rộng hơn, bởi vì tính đến thời điểm hiện nay đã có 73 quốc gia là thành viên của Công ước. Công ước Tổng đạt gồm có 31 điều và một Phụ lục các mẫu Yêu cầu tổng đạt, Giấy xác nhận kết quả tổng đạt, Bản tóm tắt giấy tờ được tổng đạt. Công ước Tổng đạt chỉ tập trung vào 2 vấn đề chính là: (i) thủ tục tổng đạt giấy tờ và (ii) xét xử vắng mặt liên quan đến việc tổng đạt giấy triệu tập bị đơn.

Công ước Tổng đạt quy định 01 kênh tổng đạt chính (từ Điều 2 đến Điều 7) và các kênh tổng đạt thay thế (Điều 8 đến Điều 11). Cụ thể như sau:

1.3.1. Kênh tổng đạt chính

Kênh tổng đạt chính là kênh tổng đạt thông qua Cơ quan trung ương của nước được yêu cầu. Trên trang Web của Hội nghị La Hay có liệt kê thông tin của các cơ quan trung ương của các nước thành viên Công ước, bao gồm: địa chỉ, điện thoại, fax, email và địa chỉ trang web (nếu có), ngôn ngữ liên lạc. Cơ quan trung ương của các quốc gia thành viên được chỉ định theo pháp luật của quốc gia đó và thông thường là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như tòa án hoặc Bộ Tư pháp hoặc Bộ Ngoại giao. Tuy vậy, đối với Hoa Kỳ, mặc dù cơ quan trung ương là Bộ Tư pháp Hoa Kỳ nhưng việc thực hiện yêu cầu và gửi yêu cầu do Công ty Process Forwarding International (ABC Legal) thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký với Bộ Tư pháp Hoa Kỳ.

Chi phí thực hiện tổng đạt sẽ được miễn, có nghĩa là các quốc gia sẽ không yêu cầu thanh toán cho việc thực hiện tổng đạt. Tuy vậy, đối với chi phí tổng đạt theo phương thức đặc biệt thì nước yêu cầu phải trả chi phí cho việc thực hiện. Ngoài ra, đối với một số quốc gia nếu pháp luật có quy định việc thực hiện yêu cầu tổng đạt do tổ chức tư nhân thực hiện (thừa phát lại) thì chi phí thực hiện UTTP sẽ do nước yêu cầu chi trả. Thời gian thực hiện tổng đạt có thể trong vòng 2 tháng và nhiều nhất là 6 tháng. Kết quả tổng đạt sẽ được xác nhận bởi cơ quan trung ương, theo đó giấy xác nhận kết quả phải nêu rõ tổng đạt giấy tờ có thành công hay không.

1.3.2. Kênh tổng đạt thay thế

Các kênh tổng đạt thay thế gồm các kênh sau:

- (i) tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự (Điều 8). Nếu quốc gia nhận đưa ra phản đối theo Điều 8, kênh tổng đạt này chỉ được áp dụng cho việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp cho công dân của nước yêu cầu tại nước được yêu cầu. Ví dụ, Thụy Sĩ chỉ chấp nhận sử dụng kênh tổng đạt này để tổng đạt cho công dân của nước yêu cầu, còn việc tổng đạt cho công dân Thụy Sĩ hoặc công dân nước thứ ba thì phải sử dụng kênh chính hoặc kênh tổng đạt tại Điều 9;
- (ii) tổng đạt cho cơ quan thẩm quyền của nước được yêu cầu thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự (Điều 9);
- (iii) tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài qua đường bưu điện (điểm a Điều 10);
- (iv) tổng đạt từ nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước yêu cầu trực tiếp qua nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước được yêu cầu (điểm b Điều 10);
- (v) tổng đạt từ bất kỳ cá nhân nào có liên quan trong thủ tục tố tụng trực tiếp qua nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước được yêu cầu (điểm c Điều 10); (các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt cũng có thể phản đối các kênh tổng đạt tại Điều 10, khi đó quốc gia gửi không thể gửi giấy tờ theo các kênh này đến quốc gia nhận đã phản đối) và
- (vi) các kênh tổng đạt khác mà các nước thành viên chấp nhận (Điều 11).

Kênh tổng đạt chính và kênh tổng đạt thay thế đều có giá trị pháp lý như nhau. Công ước Tổng đạt không đưa ra bất kỳ ưu tiên, hoặc thứ bậc nào cho các kênh tổng đạt này. Việc tổng đạt qua kênh tổng đạt thay thế có giá trị tương đương với tổng đạt qua kênh tổng đạt chính. Các quốc gia tham gia Công ước Tổng đạt có quyền lựa chọn sử dụng kênh tổng đạt nào mà họ thấy rằng phù hợp với điều kiện của quốc gia mình.

Việc tổng đạt có thể bị từ chối hay nói cách khác nước được yêu cầu tổng đạt có thể từ chối yêu cầu tổng đạt khi thấy rằng việc thực hiện yêu cầu tổng đạt vi phạm chủ quyền hoặc an ninh quốc gia. Tuy nhiên, việc từ chối thực hiện yêu cầu tổng đạt vì lý do vi phạm chủ quyền hoặc an ninh rất ít khi được vận dụng.

1.4 Giải thích một số khái niệm, thuật ngữ của Công ước

Tổng đạt

Mặc dù Công ước không đưa ra định nghĩa, tuy vậy “tổng đạt” có thể hiểu là việc chuyển giao giấy tờ từ một quốc gia thành viên đến quốc gia thành viên khác. Bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Công ước có sự khác biệt về từ ngữ vì tại Pháp có sự khác biệt giữa tổng đạt (*signifié* - do cán bộ tòa án hoặc thừa phát lại thực hiện) hoặc thông báo (*notifié* - không do cán bộ tòa án hoặc thừa phát lại thực hiện). Tại các nước Common law không có sự phân

biệt này nên bản tiếng Anh chỉ sử dụng từ tổng đạt bao gồm cả hai nghĩa trên (service). Bản tiếng Việt của Công ước được dịch từ bản tiếng Anh của Công ước.

Công ước không quy định cụ thể tổng đạt sẽ được thực hiện như thế nào sau khi giấy tờ đã được chuyển giao theo các kênh trong Công ước. Việc thực hiện sẽ theo pháp luật của nước được yêu cầu hoặc trên cơ sở đề nghị của nước yêu cầu (với phương thức thực hiện tổng đạt đặc biệt). Công ước không quy định về giá trị pháp lý tổng đạt (tổng đạt có hợp lệ hay không). Vấn đề này sẽ được Tòa án của nước yêu cầu sẽ quyết định trên cơ sở: pháp luật của nước được yêu cầu (tổng đạt được thực hiện theo Điều 5) và pháp luật của nước yêu cầu/ nước gửi (tổng đạt qua thư tại Điều 10 (a))

Giấy tờ tư pháp và giấy tờ ngoài tư pháp

Công ước áp dụng với việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp nhưng không có định nghĩa cụ thể về các loại giấy tờ này. Việc phân loại phụ thuộc vào pháp luật của nước yêu cầu/ nước gửi.

Giấy tờ tư pháp

Theo Sổ tay Công ước, giấy tờ tư pháp được hiểu là các giấy tờ trong các vụ tranh chấp hoặc các vụ việc dân sự, hoặc giấy tờ liên quan đến thi hành án. Các giấy tờ tư pháp có thể bao gồm thông báo triệu tập, phản hồi của bị đơn, bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, quyết định và phán quyết của cán bộ của cơ quan tư pháp cũng như giấy triệu tập nhân chứng, và yêu cầu thu thập chứng cứ.

Giấy tờ ngoài tư pháp

Theo Sổ tay Công ước, giấy tờ ngoài tư pháp là loại giấy tờ được không trực tiếp liên quan đến việc xét xử, tuy nhiên, giấy tờ này phải do cơ quan có thẩm quyền hoặc cán bộ tư pháp ban hành. Các loại giấy tờ ngoài tư pháp thuộc phạm vi quy định của Điều 17 Công ước Tổng đạt có thể bao gồm văn bản công chứng, yêu cầu trả tiền, thông báo từ bỏ liên quan đến hợp đồng thuê dài hạn hoặc hợp đồng lao động, từ chối chấp nhận thương phiếu và các công cụ chuyển nhượng với điều kiện là chúng phải được ban hành bởi một cơ quan có thẩm quyền hoặc thừa phát lại, thông báo ngày hòa giải, thông báo của chủ nợ cho người mắc nợ, các giấy tờ về thừa kế, thông báo cho người có lợi ích liên quan về một tài sản thừa kế, quyết định liên quan đến cấp dưỡng cho con và quyết định liên quan đến ly hôn và ly thân do cơ quan hành chính có thẩm quyền ban hành, triệu tập của thừa phát lại, chứng thư và các giấy tờ liên quan đến việc thi hành án. Các giấy tờ phản đối hôn nhân, đồng ý nhận con nuôi, chấp nhận quan hệ cha con cũng thuộc loại này nếu chúng được ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định. Trên thực tế yêu cầu tổng đạt giấy tờ ngoài tư pháp chiếm tỷ lệ nhỏ. Giấy tờ ngoài tư pháp có thể do tòa án, thừa phát lại hoặc người thi hành án tổng đạt.

Một số nước thành viên của Công ước Tổng đạt như Hoa Kỳ, Cộng hòa Séc, Thụy Điển... năm 2008 thông tin cho Hội nghị rằng pháp luật trong nước của các quốc gia này không có quy định về giấy tờ ngoài tư pháp.

Các vấn đề dân sự hoặc thương mại

Định nghĩa các vấn đề dân sự và thương mại được giải thích theo hướng độc lập, không dẫn chiếu đến quy định của pháp luật nước yêu cầu và được yêu cầu. Việc giải thích vấn đề dân sự và thương mại trước hết phải căn cứ vào mục tiêu và phụ lục của Công ước cũng như nguyên tắc chung của hệ thống pháp luật.

Cụm từ này nên được giải thích theo nghĩa rộng bao gồm cả những vấn đề về phá sản, bảo hiểm và lao động. Tuy nhiên có một số nội dung thuộc về pháp luật công hoặc hành chính như thuế sẽ không thuộc phạm vi các vấn đề thương mại hoặc dân sự theo quy định của Công ước. Mặc dù vậy, Công ước không ngăn cản các quốc gia thành viên áp dụng Công ước trong quan hệ với nhau liên quan đến luật công. Ở một số quốc gia Công ước còn được áp dụng trong các thủ tục liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

1.5 Cơ quan Trung ương và cơ quan có thẩm quyền gửi

Theo quy định tại Điều 6 và 9 của Công ước Tổng đạt, các quốc gia thành viên phải có trách nhiệm chỉ định chính thức Cơ quan Trung ương theo kênh tổng đạt chính và cơ quan có thẩm quyền theo các kênh thay thế. Việc chỉ định Cơ quan Trung ương sẽ tạo điều kiện thuận lợi, cơ chế rõ ràng để trao đổi thông tin giữa các quốc gia thành viên Công ước trong việc xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tổng đạt giấy tờ, tránh được tình trạng không biết được nguyên nhân của việc chậm trễ trong thực hiện UTTP với các vụ việc dân sự cụ thể.

Thông thường khi tham gia Công ước Tổng đạt, các quốc gia thành viên đều dự kiến chỉ định Bộ Ngoại giao hoặc Bộ Tư pháp hoặc tòa án là Cơ quan Trung ương. Có thể truy cập vào trang Web – HCCH để tra cứu cơ quan trung ương của các quốc gia thành viên thực hiện Công ước Tổng đạt.

Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt đã chỉ định Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương theo quy định của Luật TTTP năm 2007. Theo đó, Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối tiếp nhận yêu cầu TTTP với nước ngoài (ủy thác ra) và của nước ngoài (ủy thác vào). Trong các Hiệp định song phương TTTP về dân sự giữa Việt Nam với các nước, Cơ quan Trung ương được chỉ định cũng là Bộ Tư pháp. Do đó, việc chỉ định Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương đồng thời là cơ quan có thẩm quyền tại Điều 6 và Điều 9 Công ước là phù hợp với quy định hiện hành và thực tiễn hiện nay.

1.6 Bảo vệ bị đơn theo quy định của Công ước (Điều 15, 16)

Thực tiễn và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định bảo đảm nguyên tắc tiếp cận công lý, có nghĩa là bị đơn được quyền triệu tập và tham dự phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Cụ thể bị đơn được gửi giấy triệu tập theo quy định pháp luật và được quyền tham dự, trình bày ý kiến của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy vậy, trong một số trường hợp tổng đạt theo đúng trình tự, thủ tục hoặc người nhận đã biết được việc tổng đạt nhưng không tham gia phiên tòa thì tòa án có quyền xét xử vắng mặt.

Công ước Tổng đạt quy định về hai nội dung bảo vệ bị đơn trước khi ra bản án/quyết định (Điều 15) và bảo vệ bị đơn sau khi ra bản án/quyết định (Điều 16), nhằm mục đích bảo vệ bị đơn nếu chứng minh được họ không nhận được giấy tờ tổng đạt. Quy định này được áp dụng cho các kênh tổng đạt của Công ước Tổng đạt trừ các kênh tổng đạt theo quy định tại Điều 11 (các kênh tổng đạt khác các kênh được nêu trong Công ước mà các nước thành viên chấp nhận).

1.6.1. Bảo vệ bị đơn trước khi ra phán quyết: điều kiện ra phán quyết trong trường hợp xét xử vắng mặt

Trong trường hợp giấy triệu tập hoặc giấy tờ tương đương được tổng đạt ra nước ngoài theo quy định của Công ước nhưng bị đơn vắng mặt khi xét xử, thẩm phán chỉ được đưa ra bản án/quyết định vắng mặt khi đáp ứng 2 điều kiện sau: (i) giấy tờ đã được tổng đạt phù hợp với quy định của nước được yêu cầu (trong trường hợp tổng đạt theo kênh chính thức hoặc kênh thay thế); hoặc giấy tờ đó thực tế đã tổng đạt cho đương sự hoặc đến nơi ở của đương sự theo các phương thức khác được quy định tại Công ước (kênh bổ sung); và (ii) trong bất kỳ trường hợp nào, việc tổng đạt phải đảm bảo đủ thời gian để bị đơn có thể tự đưa ra quyết định của mình hoặc tự bảo vệ (đoạn 1 Điều 15).

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, theo đoạn 2 Điều 15 Công ước thẩm phán vẫn có thể đưa ra bản án, quyết định vắng mặt khi không nhận được giấy xác nhận kết quả tổng đạt nếu 4 điều kiện sau được đáp ứng: (i) giấy tờ đã được tổng đạt theo một trong các kênh được quy định trong Công ước này; (ii) đã hết khoảng thời gian mà thẩm phán quyết định trong trường hợp cụ thể nhưng không ít hơn sáu tháng kể từ ngày gửi giấy tờ tổng đạt; (iii) không nhận được Giấy xác nhận kết quả dưới bất kỳ hình thức nào mặc dù đã thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để có được Giấy này thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu và (iv) nước yêu cầu tuyên bố áp dụng quy định của Điều 15 về xét xử vắng mặt.

1.6.2. Bảo vệ bị đơn sau khi ra bản án hoặc quyết định: Gia hạn kháng cáo

Điều 16 quy định bảo vệ bị đơn trong trường hợp đã đưa ra phán quyết vắng mặt và thời gian kháng cáo đã hết. Thẩm phán có thể gia hạn thời gian kháng cáo cho bị đơn nếu đáp ứng 03 điều kiện: (i) bị đơn không có lỗi và không biết được về giấy tờ trong khoảng thời gian đủ để tự bảo vệ hoặc không biết về phán quyết trong khoảng thời gian đủ để kháng cáo; (ii) bị đơn đã nộp cho Tòa án bản tự bảo vệ rõ ràng ngay từ đầu về nội dung vụ việc (*prima facie defence*) (có nghĩa là bản tự bảo vệ mà ngay từ đầu đã có đủ căn cứ pháp lý cho phép bị đơn đạt được phán quyết có lợi cho mình, hay đủ căn cứ để thay đổi kết quả của phán quyết đã được tuyên vắng mặt) và (iii) bị đơn nộp đơn yêu cầu xin gia hạn trong thời gian hợp lý kể từ ngày biết được về phán quyết.

Thuật ngữ “kháng cáo” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các cách thức khác phục khác nhau theo pháp luật của nước nơi có tòa án, trong đó có cả kháng cáo theo nghĩa truyền thống (thủ tục phúc thẩm trong đó vụ việc sẽ được xem xét lại ở tòa án cấp cao hơn) và yêu cầu hủy phán quyết (thủ tục tại chính tòa án đã ra phán quyết đó).

2. Giới thiệu việc gia nhập Công ước của Việt Nam

2.1. Bối cảnh gia nhập

Từ năm 2013, khi trở thành thành viên của Hội nghị La Hay, Việt Nam đã có nghiên cứu và đánh giá khả năng gia nhập Công ước tổng đạt. Trước hết, Việt Nam đã đánh giá những lợi ích cơ bản của việc gia nhập Công ước tổng đạt trên phương diện chính trị và kinh tế - xã hội.

Về mặt chính trị, Công ước Tổng đạt là một trong những điều ước thuộc khuôn khổ Hội nghị La Hay có nhiều nước thành viên tham gia nhất (54 trong số 71 thành viên của Công ước cũng đồng thời là thành viên của Hội nghị La Hay). Việt Nam cũng đã chính thức trở thành thành viên Hội nghị La Hay vào tháng 4 năm 2013. Vì vậy, việc Việt Nam gia nhập Công ước Tổng đạt một mặt trực tiếp thực hiện chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về tích cực, chủ động hội nhập quốc tế trên mọi lĩnh vực, mặt khác thể hiện sự sẵn sàng hợp tác của Việt Nam với các nước trên thế giới nói chung trong việc cùng hỗ trợ nhau giải quyết những vấn đề tư pháp quốc tế nói riêng.

Về kinh tế, xã hội, việc gia nhập Công ước Tổng đạt sẽ góp phần trực tiếp giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong hoạt động UTTP về tổng đạt giấy tờ của Việt Nam hiện nay, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian cho các bên đương sự và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết các vụ việc cần UTTP ra nước ngoài, cụ thể là:

- Việc gia nhập Công ước Tổng đạt sẽ giúp cho hoạt động tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài có kết quả và thời gian thực hiện ngắn hơn rất nhiều so với quá trình thực hiện ủy thác từ trước đến nay. Theo thống kê của Ban Thư ký Hội nghị La Hay, 66% các yêu cầu tổng đạt trong khuôn khổ Công ước được thực hiện trong vòng 2 tháng.⁴⁴ Do đó, gia nhập Công ước Tổng đạt giúp cho Việt Nam giải quyết được tình trạng “ách tắc” trong công tác TTTP về dân sự và xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, đảm bảo quy trình tố tụng cũng như góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức và cá nhân của Việt Nam và nước ngoài.

- Công ước Tổng đạt đặt ra yêu cầu các quốc gia thành viên phải có trách nhiệm chỉ định chính thức Cơ quan Trung ương theo kênh tổng đạt chính. Nếu gia nhập Công ước này Việt Nam sẽ có điều kiện thuận lợi, cơ chế rõ ràng để trao đổi thông tin với các Cơ quan Trung ương các nước khác để kịp thời xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tổng đạt giấy tờ, tránh được tình trạng không biết được nguyên nhân của việc chậm trễ trong thực hiện UTTP với các vụ việc dân sự cụ thể.

- Công ước cũng quy định một mẫu Giấy xác nhận kết quả tổng đạt là chứng cứ quan trọng cho việc xác nhận hoạt động tổng đạt đã được thực hiện ở nước ngoài bởi vì xác nhận này do cơ quan của nước ngoài đưa ra và là cơ sở để khẳng định là tổng đạt đã được thực hiện

⁴⁴ Thống kê từ kết quả khảo sát năm 2008, công bố tháng 11/2009 trên trang thông tin điện tử của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế: <http://www.hcch.net/upload/outline14e.pdf>

hợp lệ theo đúng quy trình của nước được yêu cầu. Do đó, việc thực hiện tổng đạt giấy tờ thông qua kênh tổng đạt của Công ước Tổng đạt sẽ đáp ứng yêu cầu của Tòa án Việt Nam về tính hợp lệ đối với kết quả tổng đạt giấy tờ.

- Khi gia nhập Công ước, chi phí trả cho yêu cầu tổng đạt sẽ giảm thiểu do Công ước quy định việc thực hiện tổng đạt là miễn phí và chỉ phải trả một số chi phí nhất định. Một số nước như Vương quốc Anh, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Đức, Ấn Độ không thực hiện thu phí với yêu cầu tổng đạt giấy tờ của các nước thành viên của Công ước. Một số nước có thu phí thì mức phí cũng được quy định cụ thể và rõ ràng, minh bạch để đảm bảo thực hiện tổng đạt. Ví dụ như Hoa Kỳ quy định rõ chi phí tổng đạt giấy tờ là 95 đô la Mỹ hay Ca-na-đa là 100 đô la Ca-na-đa.

Trong bối cảnh Việt Nam đang tiến hành cải cách tư pháp và cải cách pháp luật, việc gia nhập Công ước Tổng đạt sẽ góp phần giúp Việt Nam hoàn thiện hệ thống thể chế liên quan đến tư pháp quốc tế thông qua việc áp dụng những chuẩn mực quốc tế về tương trợ tư pháp, đưa hệ thống pháp luật, quy trình tố tụng của Việt Nam đến gần và phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế. hài hòa hóa pháp luật quốc gia với chuẩn mực quốc tế chính là một trong những yếu tố quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao lưu kinh tế, thương mại và dân sự của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, qua đó thúc đẩy hội nhập quốc tế của đất nước.

Công ước Tổng đạt cũng đặt ra một số thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập. Cụ thể như sau:

Về pháp luật, có thể cần bổ sung một số quy định của pháp luật Việt Nam để tạo thuận lợi cho việc thực hiện Công ước như: cơ chế thu phí, chi phí thực hiện tổng đạt: Công ước cho phép thu một số khoản chi phí phát sinh do thuê cán bộ tư pháp hoặc người có thẩm quyền theo pháp luật của nước nhận hoặc chi phí khi thực hiện một hình thức tổng đạt cụ thể theo yêu cầu (đoạn 2 Điều 12). Theo thống kê sơ bộ đã có khoảng 30 quốc gia thông tin cho Hội nghị La Hay về việc thu chi phí này, trong đó Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Úc...

Về nhân lực, đội ngũ cán bộ, số lượng đội ngũ cán bộ ở cả Trung ương và địa phương làm công tác UTTP còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn và khối lượng các hoạt động UTTP ngày càng tăng như hiện nay. Về nhận thức, nhận thức đối với vai trò và tầm quan trọng của tổng đạt giấy tờ chưa được đúng mức tại các cơ quan liên quan. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh là cơ quan có trách nhiệm lập hồ sơ tổng đạt giấy tờ và thực hiện hồ sơ tổng đạt giấy tờ không có đơn vị chuyên trách thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp. Việc thực hiện các hoạt động tổng đạt giấy tờ tại cơ quan này chưa được thực hiện bài bản. Về kinh phí và cơ sở vật chất, kinh phí và cơ sở vật chất dành cho công tác thực hiện UTTP trong lĩnh vực dân sự nói chung và tổng đạt giấy tờ nói riêng còn eo hẹp, chưa tương xứng với vai trò và nhiệm vụ của công tác này.

Tham gia Công ước Tổng đạt đồng nghĩa với việc tổng đạt thông qua Cơ quan Trung ương được thực hiện với 72 quốc gia thành viên Công ước. Số lượng hồ sơ và khối lượng công việc sẽ tăng lên gấp nhiều lần ở cả Cơ quan Trung ương và địa phương. Vì vậy, cần có

sự đầu tư, tăng cường nguồn lực (cơ sở vật chất, cán bộ) cho công tác tương trợ tư pháp và đẩy mạnh sự phối hợp giữa Cơ quan Trung ương với các cơ quan địa phương để đảm bảo thực hiện tốt Công ước Tổng đạt khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên.

Trên cơ sở đánh giá những lợi ích và khó khăn khi gia nhập Công ước tổng đạt, Việt Nam đã chính thức nộp đơn gia nhập Công ước Tổng đạt vào ngày 1 tháng 3 năm 2016 tại Phiên họp của Hội nghị La Hay. Sau 6 tháng do không có quốc gia thành viên nào phản đối nên Công ước đã có hiệu lực đối với vào ngày 01 tháng 10 năm 2016.

2.2. Bảo lưu của Việt Nam khi gia nhập Công ước

Theo quy định tại Điều 16, 29 và 31 của Công ước Tổng đạt, Việt Nam đã đưa ra Tuyên bố theo Quyết định số 2731/2015/QĐ-CTN ngày 8 tháng 12 năm 2015 về gia nhập Công ước Tổng đạt. Cụ thể như sau:

- (i) Tuyên bố chỉ định Bộ Tư pháp Việt Nam là cơ quan gửi giấy tờ và là Cơ quan Trung ương theo Điều 2 của Công ước;
- (ii) Không áp dụng phương thức tổng đạt tại Điều 8 Công ước, trừ khi giấy tờ được tổng đạt cho công dân của quốc gia gửi;
- (iii) Không áp dụng phương thức tổng đạt tại đoạn b và c Điều 10 của Công ước (phương thức tổng đạt thông qua cán bộ tư pháp và người tham gia tố tụng)
- (iv) Áp dụng phương thức tổng đạt tại đoạn a Điều 10 Công ước với điều kiện giấy tờ được gửi qua thư bảo đảm;
- (v) Áp dụng đoạn 2 Điều 15 của Công ước;
- (vi) Yêu cầu tổng đạt theo mẫu gửi đến Việt Nam phải được lập bằng hoặc kèm theo một bản dịch bằng tiếng Việt. Các giấy tờ của nước ngoài được tổng đạt tại Việt Nam phải được lập bằng hoặc kèm theo một bản dịch bằng tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, trừ trường hợp tổng đạt qua kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp cho đương sự là công dân nước gửi hoặc tổng đạt qua kênh bưu điện cho đương sự là công dân nước gửi quy định tại Điều 8 và đoạn a Điều 10 Công ước.

Trong quá trình gia nhập Công ước (kể từ khi Việt Nam nộp văn kiện gia nhập), nhiều nước đã có ý kiến đề nghị Việt Nam giải thích và trả lời các câu hỏi có liên quan đến bảo lưu của Việt Nam. Ví dụ, ý kiến của Thụy Sĩ liên quan đến việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại đối với tuyên bố của Việt Nam cho phép tổng đạt bằng bưu điện với điều kiện giấy tờ gửi qua thư bảo đảm, trong trường hợp này, Thụy Sĩ không cho phép giấy tờ gửi bằng bưu điện, kể cả bằng thư bảo đảm. Việt Nam khẳng định giới hạn đối với kênh bưu điện đã được nêu rõ trong Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập và việc sử dụng kênh này được thực hiện phù hợp với pháp luật quốc tế và thực tiễn của quốc gia.

PHỤ LỤC VIII

CÔNG ƯỚC VỀ TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI GIẤY TỜ TƯ PHÁP VÀ NGOÀI TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ HOẶC THƯƠNG MẠI

(Ký ngày 15 tháng 11 năm 1965)

Các nước ký Công ước này,

Mong muốn hình thành các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo rằng giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp được tổng đạt ra nước ngoài phải được thông báo kịp tới người nhận,

Mong muốn cùng nhau nâng cao công tác TTTP nhằm đơn giản hóa và đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục,

Đã quyết định ký kết Công ước này với mục đích nêu trên và đồng ý với những điều khoản sau:

Điều 1

Công ước này áp dụng đối với các trường hợp chuyển giao giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại để tổng đạt ra nước ngoài.

Công ước này không áp dụng trong trường hợp không xác định được địa chỉ của người nhận giấy tờ tổng đạt.

CHƯƠNG I – GIẤY TỜ TƯ PHÁP

Điều 2

Mỗi Nước ký kết phải chỉ định một Cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận các yêu cầu tổng đạt từ các Nước ký kết khác và tiến hành tổng đạt theo các quy định từ Điều 3 đến Điều 6 Công ước này.

Mỗi Nước phải tổ chức Cơ quan Trung ương nêu trên phù hợp với pháp luật của nước mình.

Điều 3

Cơ quan có thẩm quyền hoặc cán bộ tư pháp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Nước nơi giấy tờ được gửi đi khi chuyển một yêu cầu tổng đạt phù hợp với mẫu được nêu trong phụ lục đính kèm theo Công ước này đến Cơ quan Trung ương của Nước nhận thì không cần phải hợp pháp hóa hoặc các thủ tục khác tương đương.

Giấy tờ được tổng đạt hoặc bản sao giấy tờ này phải được đính kèm theo yêu cầu tổng đạt. Yêu cầu tổng đạt và giấy tờ kèm theo đều phải được lập thành hai (02) bộ.

Điều 4

Trường hợp Cơ quan Trung ương cho rằng yêu cầu tổng đạt không phù hợp với các quy định của Công ước này thì Cơ quan đó phải thông báo ngay cho người gửi và nêu rõ các lý do từ chối yêu cầu.

Điều 5

Cơ quan Trung ương của Nước nhận phải tự mình tổng đạt giấy tờ hoặc phải bố trí một cơ quan phù hợp để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ đó

- a) Bằng phương thức được quy định trong pháp luật nước mình để tổng đạt giấy tờ đến những người đang ở trên lãnh thổ của mình, hoặc
- b) Bằng một phương thức cụ thể khác do người gửi yêu cầu, trừ trường hợp phương thức đó không phù hợp với pháp luật Nước nhận.

Tuân theo quy định tại điểm b, đoạn thứ nhất của Điều này, giấy tờ có thể được tổng đạt tới người nhận nếu họ tự nguyện đồng ý với cách chuyển như vậy.

Trường hợp giấy tờ được tổng đạt theo quy định tại đoạn thứ nhất nêu trên, Cơ quan Trung ương có thể yêu cầu giấy tờ phải được viết bằng, hoặc được dịch sang ngôn ngữ chính thức hoặc một trong những ngôn ngữ chính thức của Nước nhận.

Bản tóm tắt về giấy tờ cần tổng đạt theo mẫu kèm theo Công ước này được coi là một phần của yêu cầu tổng đạt và phải được tổng đạt cùng với giấy tờ đó.

Điều 6

Cơ quan Trung ương của Nước nhận hoặc bất kỳ cơ quan nào được chỉ định để thực hiện nhiệm vụ như vậy, phải hoàn thiện Giấy xác nhận kết quả theo mẫu kèm theo Công ước này.

Giấy xác nhận kết quả phải nêu rõ rằng giấy tờ đã được tổng đạt và phải thể hiện phương thức, địa điểm, ngày tổng đạt và người nhận giấy tờ. Trường hợp giấy tờ không tổng đạt được, Giấy xác nhận kết quả phải nêu rõ lý do không thực hiện tổng đạt được.

Người gửi có thể yêu cầu rằng trong trường hợp Giấy xác nhận kết quả không phải do Cơ quan Trung ương hoặc cơ quan tư pháp có thẩm quyền thực hiện, Giấy xác nhận phải được một trong các cơ quan này cùng ký xác nhận.

Giấy xác nhận kết quả phải được chuyển trực tiếp cho người gửi.

Điều 7

Những thuật ngữ tiêu chuẩn trong mẫu đính kèm theo Công ước này phải được viết bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh trong mọi trường hợp. Các thuật ngữ này cũng có thể được viết bằng ngôn ngữ chính thức hoặc một trong những ngôn ngữ chính thức của Nước gửi.

Phần đề trống tương ứng phải được điền bằng ngôn ngữ của Nước nhận hoặc bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.

Điều 8

Mỗi Nước ký kết được tự do thực hiện việc tổng đạt các giấy tờ tư pháp cho người ở nước ngoài trực tiếp thông qua đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mình mà không cần áp dụng bất kỳ biện pháp bắt buộc nào.

Bất cứ Nước nào có thể tuyên bố phản đối hình thức tổng đạt như vậy trong phạm vi lãnh thổ nước mình, trừ trường hợp giấy tờ được tổng đạt cho công dân của Nước gửi.

Điều 9

Ngoài ra, để thực hiện tổng đạt, mỗi Nước ký kết được tự do sử dụng các kênh lãnh sự để chuyển giấy tờ tới các cơ quan có thẩm quyền của Nước ký kết khác được chính Nước đó chỉ định vì mục đích này.

Trường hợp đặc biệt, mỗi Nước ký kết có thể sử dụng các kênh ngoại giao cho cùng mục đích này.

Điều 10

Với điều kiện Nước nhận không phản đối, Công ước này không cản trở:

- a) Việc tự do gửi các giấy tờ tư pháp trực tiếp đến những người ở nước ngoài thông qua các kênh bưu điện,
- b) Cán bộ tư pháp, cán bộ hoặc những người có thẩm quyền khác của Nước gửi tự do thực hiện việc tổng đạt giấy tờ tư pháp trực tiếp thông qua cán bộ tư pháp, cán bộ hoặc những người có thẩm quyền khác của Nước nhận,
- c) Bất kỳ cá nhân nào có liên quan đến thủ tục tư pháp được tự do thực hiện việc tổng đạt các giấy tờ tư pháp trực tiếp thông qua các cán bộ tư pháp, cán bộ hoặc những người có thẩm quyền khác của Nước nhận.

Điều 11

Để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ tư pháp, Công ước này không ngăn cản hai hoặc nhiều Nước ký kết cùng thỏa thuận cho phép sử dụng các kênh tổng đạt khác ngoài các kênh tổng đạt đã được quy định tại các Điều trên, và, cụ thể là việc liên lạc trực tiếp giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan của các Nước này.

Điều 12

Tổng đạt các giấy tờ tư pháp từ một Nước ký kết không làm phát sinh bất kỳ khoản thanh toán hoặc hoàn trả các loại thuế hay chi phí cho việc tổng đạt được thực hiện bởi Nước nhận.

Người gửi phải thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí phát sinh do:

- a) thuê cán bộ tư pháp hoặc người có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Nước nhận,
- b) sử dụng một phương thức tổng đạt cụ thể.

Điều 13

Khi một yêu cầu tổng đạt phù hợp với các quy định của Công ước này, Nước nhận có thể từ chối thực hiện yêu cầu tổng đạt đó chỉ trong trường hợp Nước này cho rằng việc thực hiện sẽ vi phạm chủ quyền hoặc an ninh của mình.

Nước này không thể từ chối thực hiện chỉ với lý do rằng nước đó có thẩm quyền riêng biệt đối với nội dung vụ việc theo pháp luật nước đó hoặc pháp luật của nước đó không thừa nhận vụ việc mà theo đó yêu cầu tổng đạt phát sinh.

Trong trường hợp từ chối, Cơ quan Trung ương phải thông báo ngay cho người gửi và nêu rõ những lý do từ chối.

Điều 14

Các vướng mắc có thể phát sinh trong việc chuyển giấy tờ tư pháp để thực hiện tổng đạt phải được giải quyết thông qua các kênh ngoại giao.

Điều 15

Trường hợp giấy triệu tập hoặc giấy tờ tương đương đã được chuyển ra nước ngoài nhằm mục đích tổng đạt theo các quy định của Công ước này và bị đơn vắng mặt thì phán quyết không được tuyên cho đến khi xác định được rằng:

- a) Giấy tờ trên đã được tổng đạt theo phương thức được pháp luật của Nước nhận quy định nhằm tổng đạt giấy tờ trong các vụ việc trong nước đến những người đang ở trên lãnh thổ của Nước nhận, hoặc
 - b) Giấy tờ trên thực tế đã được chuyển đến cho bị đơn hoặc đến nơi cư trú của bị đơn bằng phương thức khác được quy định trong Công ước này,
- và rằng trong mỗi trường hợp nêu trên, việc tổng đạt hoặc chuyển tài liệu được thực hiện trong khoảng thời gian đủ để bị đơn có thể tự bảo vệ.

Mặc dù có các quy định tại đoạn 1 của Điều này, mỗi Nước ký kết được tự do tuyên bố rằng thẩm phán của Nước đó có thể đưa ra phán quyết ngay cả trong trường hợp không nhận được Giấy xác nhận kết quả tổng đạt hoặc chuyển tài liệu nếu thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- a) Giấy tờ đã được chuyển bằng một trong những phương thức được quy định trong Công ước này,
- b) Đã hết một khoảng thời gian không ít hơn 6 tháng được cho là thích đáng theo quyết định của thẩm phán trong trường hợp cụ thể, được tính kể từ ngày chuyển giấy tờ,
- c) Không nhận được Giấy xác nhận kết quả dưới bất kỳ dạng nào cho dù đã thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để có được Giấy này thông qua cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận.

Mặc dù có các quy định ở các đoạn nêu trên, thẩm phán có thể quyết định bất kỳ biện pháp tạm thời hoặc biện pháp bảo vệ nào khác trong trường hợp khẩn cấp.

Điều 16

Trường hợp giấy triệu tập hoặc một giấy tờ tương đương đã được chuyển ra nước ngoài nhằm mục đích tổng đạt theo các quy định của Công ước này và một phán quyết đã được tuyên đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thẩm phán có quyền cho phép bị đơn không phải chịu ràng buộc đối với hiệu lực của việc hết hạn kháng cáo phán quyết đó nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Bị đơn, hoàn toàn không do lỗi của mình, không biết được về giấy tờ tổng đạt trong thời gian đủ để tự bảo vệ, hoặc không biết được về phán quyết trong khoảng thời gian đủ để kháng cáo, và

b) Bị đơn đã nộp cho Tòa án bản tự bảo vệ rõ ràng ngay từ đầu (*prima facie*) về nội dung vụ việc.

Đơn đề nghị không chịu sự ràng buộc hiệu lực nêu trên chỉ có thể nộp trong khoảng thời gian hợp lý sau khi bị đơn biết được phán quyết.

Mỗi Nước ký kết có thể tuyên bố đơn đề nghị không chịu sự ràng buộc hiệu lực nêu trên sẽ không được xem xét nếu đơn đó được nộp sau khi đã hết thời hạn được nêu trong tuyên bố, nhưng thời hạn đó trong mọi trường hợp không ít hơn 1 năm sau ngày ra phán quyết.

Điều này không áp dụng đối với bản án, quyết định liên quan đến nhân thân hoặc năng lực của đương sự.

CHƯƠNG II – GIẤY TỜ NGOÀI TƯ PHÁP

Điều 17

Các giấy tờ ngoài tư pháp gửi từ cơ quan có thẩm quyền và cán bộ tư pháp của một Nước ký kết có thể được chuyển để thực hiện tổng đạt ở một Nước ký kết khác theo những phương thức và phù hợp với các quy định của Công ước này.

CHƯƠNG III – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 18

Mỗi Nước ký kết có thể chỉ định các cơ quan có thẩm quyền khác ngoài Cơ quan Trung ương và phải quyết định phạm vi thẩm quyền của các cơ quan đó.

Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, người gửi có quyền gửi yêu cầu tổng đạt trực tiếp đến Cơ quan Trung ương.

Các nước liên bang được tự do chỉ định nhiều Cơ quan Trung ương.

Điều 19

Công ước này không ảnh hưởng đến những quy định trong pháp luật quốc gia của một Nước ký kết theo đó cho phép các phương thức chuyển giấy tờ gửi từ nước ngoài không phải là những phương thức được quy định trong các Điều nêu trên để thực hiện tổng đạt trong lãnh thổ của Nước đó.

Điều 20

Công ước này không ngăn cản thỏa thuận giữa bất kỳ hai hoặc nhiều Nước ký kết để loại bỏ:

- a) Sự cần thiết lập 2 bộ hồ sơ giấy tờ được chuyển theo quy định tại đoạn 2 của Điều 3,
- b) Các yêu cầu về ngôn ngữ quy định tại đoạn 3 của Điều 5 và Điều 7,
- c) Các quy định tại đoạn 4 của Điều 5,

d) Các quy định tại đoạn 2 của Điều 12.

Điều 21

Mỗi Nước ký kết, tại thời điểm nộp văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập hoặc sau ngày đó, phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan các thông tin sau:

- a) Việc chỉ định các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 2 và Điều 18,
- b) Việc chỉ định cơ quan có thẩm quyền thực hiện Giấy xác nhận kết quả tổng đạt theo quy định tại Điều 6,
- c) Việc chỉ định cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận giấy tờ được chuyển qua các kênh lãnh sự theo quy định tại Điều 9.

Tương tự, mỗi Nước ký kết cũng phải thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan trong trường hợp cần thiết về việc:

- a) Phản đối việc sử dụng các phương thức chuyển giấy tờ theo quy định tại Điều 8 và Điều 10,
- b) Tuyên bố theo quy định tại đoạn 2 của Điều 15 và đoạn 3 của Điều 16,
- c) Tất cả các thay đổi đối với việc chỉ định, phản đối và tuyên bố nêu trên.

Điều 22

Trường hợp các Bên của Công ước này đồng thời là các Bên của một hoặc cả hai Công ước về tổ tụng dân sự ký tại La Hay ngày 17 tháng 7 năm 1905 và ngày 01 tháng 3 năm 1954, Công ước này thay thế các quy định từ Điều 1 đến Điều 7 của các Công ước nêu trên.

Điều 23

Công ước này không ảnh hưởng tới việc áp dụng Điều 23 của Công ước về tổ tụng dân sự ký tại La Hay ngày 17 tháng 7 năm 1905 và Điều 24 của Công ước về tổ tụng dân sự ký tại La Hay ngày 01 tháng 3 năm 1954.

Tuy nhiên, các Điều này được áp dụng chỉ trong trường hợp sử dụng các phương thức trao đổi giống như các phương thức được quy định trong những Công ước nêu trên.

Điều 24

Các thỏa thuận bổ sung giữa các Bên của Công ước năm 1905 và Công ước năm 1954 phải được coi là có thể áp dụng tương đương với Công ước này, trừ trường hợp các Bên thỏa thuận khác.

Điều 25

Không phương hại đến các quy định tại Điều 22 và Điều 24, Công ước này không làm ảnh hưởng đến các Công ước khác có quy định về những vấn đề được điều chỉnh bởi Công ước này mà các Nước ký kết là hoặc sẽ trở thành các Bên.

Điều 26

Công ước này được mở để ký cho các Nước có đại diện tại Phiên họp thứ 10 Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế.

Công ước phải được phê chuẩn và văn kiện phê chuẩn phải được lưu chiếu tại Bộ Ngoại giao Hà Lan.

Điều 27

Công ước này có hiệu lực vào ngày thứ sáu mươi sau khi nộp lưu chiếu văn kiện phê chuẩn thứ ba được quy định tại đoạn 2 của Điều 26.

Công ước có hiệu lực với mỗi Nước ký mà phê chuẩn sau đó vào ngày thứ sáu mươi sau khi nộp văn kiện phê chuẩn của Nước đó.

Điều 28

Bất kỳ Nước nào không có đại diện tại Phiên họp thứ 10 của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế đều có thể gia nhập Công ước này sau khi Công ước có hiệu lực theo quy định tại đoạn 1 của Điều 27. Văn kiện gia nhập phải được lưu chiếu tại Bộ Ngoại giao Hà Lan.

Công ước có hiệu lực đối với Nước đó khi không có bất kỳ sự phản đối nào từ một Nước đã phê chuẩn Công ước trước khi nộp văn kiện gia nhập, được thông báo đến Bộ Ngoại giao Hà Lan trong thời hạn 6 tháng sau ngày mà Bộ Ngoại giao Hà Lan thông báo cho Nước đã phê chuẩn Công ước về sự gia nhập như vậy.

Trong trường hợp không có bất kỳ sự phản đối nào như trên, Công ước này có hiệu lực đối với Nước gia nhập vào ngày đầu tiên của tháng kế tiếp khi hết thời hạn sau cùng được nêu ra ở đoạn trên.

Điều 29

Bất kỳ Nước nào, tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập, có thể tuyên bố rằng Công ước này được mở rộng đến mọi lãnh thổ mà Nước đó chịu trách nhiệm trong các mối quan hệ quốc tế, hoặc tới một hoặc một số lãnh thổ trong đó. Tuyên bố như vậy có hiệu lực vào ngày mà Công ước này có hiệu lực đối với Nước liên quan.

Vào bất kỳ thời điểm nào sau đó, những sự mở rộng như trên phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan.

Công ước này có hiệu lực đối với những vùng lãnh thổ được nêu trong thông báo mở rộng vào ngày thứ sáu mươi sau ngày thông báo được nêu tại đoạn trên.

Điều 30

Công ước này tiếp tục có hiệu lực 05 năm kể từ ngày có hiệu lực theo quy định tại đoạn 1 Điều 27, thậm chí đối với cả các Nước đã phê chuẩn cũng như các nước gia nhập sau đó.

Nếu không có bãi ước, Công ước sẽ tự động gia hạn mỗi lần 05 năm.

Bất kỳ bãi ước nào đều phải được thông báo cho Bộ Ngoại giao Hà Lan ít nhất 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn 05 năm.

Bãi ước có thể giới hạn với một số lãnh thổ nhất định mà Công ước áp dụng.

Bãi ước có hiệu lực chỉ với Nước đã thông báo bãi ước. Công ước vẫn có hiệu lực với các Nước ký kết khác.

Điều 31

Bộ Ngoại giao Hà Lan phải thông báo cho các Nước được nêu tại Điều 26 và các nước gia nhập theo Điều 28 các thông tin sau:

- a) Việc ký và phê chuẩn được quy định tại Điều 26;
- b) Ngày Công ước này có hiệu lực theo quy định của đoạn 1 của Điều 27;
- c) Việc gia nhập nêu tại Điều 28 và ngày việc gia nhập đó phát sinh hiệu lực;
- d) Sự mở rộng theo quy định tại Điều 29 và ngày sự mở rộng đó phát sinh hiệu lực;
- e) Việc chỉ định, phản đối và tuyên bố theo quy định tại Điều 21;
- f) Bãi ước theo quy định tại đoạn 3 của Điều 30.

Để làm bằng, các đại diện có thẩm quyền dưới đây, đã ký Công ước này.

Làm tại LaHay, ngày 15 tháng 11 năm 1965, bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, cả hai văn bản có giá trị ngang nhau, 01 bản duy nhất được lưu chiếu tại cơ quan lưu trữ của Chính phủ Hà Lan và các bản sao được xác thực phải được gửi thông qua kênh ngoại giao tới mỗi Nước có đại diện tại Phiên họp thứ 10 Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế.

PHỤ LỤC IX

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC NGÀY 19/10/2016

BỘ TƯ PHÁP - BỘ NGOẠI GIAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định về trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự

Căn cứ Luật TTTP ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện TTTP về dân sự và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong công tác TTTP về dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động TTTP về dân sự.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy thác tư pháp của Việt Nam là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện một hoặc một số hoạt động TTTP về dân sự.

2. Ủy thác tư pháp của nước ngoài là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện một hoặc một số hoạt động TTTP về dân sự.

3. Người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm:

a) Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài làm phát sinh ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài là cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có yêu cầu ủy thác tư pháp với Việt Nam.

5. Công ước Tổng đạt là Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại.

6. Kênh tổng đạt chính là cách thức gửi giấy tờ cần được tổng đạt thông qua cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu theo quy định từ Điều 2 đến Điều 7 của Công ước Tổng đạt.

7. Kênh lãnh sự gián tiếp là cách thức gửi giấy tờ cần được tổng đạt thông qua cơ quan đại diện lãnh sự của nước yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu theo quy định tại đoạn 1 Điều 9 của Công ước Tổng đạt.

8. Kênh ngoại giao gián tiếp là cách thức gửi giấy tờ cần được tổng đạt thông qua cơ quan đại diện ngoại giao của nước yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu theo quy định tại đoạn 2 Điều 9 của Công ước Tổng đạt.

9. Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp là cách thức gửi giấy tờ cần được tổng đạt cho người nhận thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước gửi mà không thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước nhận theo quy định tại Điều 8 của Công ước Tổng đạt.

Điều 4. Áp dụng pháp luật nước ngoài trong TTTP về dân sự

1. Pháp luật nước ngoài được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Luật TTTP khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điều ước quốc tế về TTTP giữa Việt Nam và nước ngoài quy định về vấn đề này;

b) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị áp dụng pháp luật của nước đó;

c) Hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

2. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao xem xét, quyết định việc áp dụng pháp luật nước ngoài. Trong trường hợp không đủ các điều kiện quy

định tại khoản 1 Điều này hoặc việc áp dụng pháp luật nước ngoài không thực hiện được, Bộ Tư pháp trả lời bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài hoặc thông báo để Bộ Ngoại giao trả lời đối với các yêu cầu áp dụng pháp luật nước ngoài được gửi qua kênh ngoại giao.

Điều 5. Áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong TTTP về dân sự

Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có thể từ chối thực hiện TTTP về dân sự cho nước ngoài trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại trong TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật TTTP trong những trường hợp sau đây:

1. Khi có căn cứ cho thấy phía nước ngoài không thực hiện TTTP về dân sự cho Việt Nam.
2. Việc thực hiện TTTP đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự

1. Người có nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư liên tịch này phải nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp, trừ trường hợp pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.

3. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm phí, lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Mức thu, cơ quan có thẩm quyền thu và trình tự thu nộp phí, lệ phí ủy thác tư pháp của Việt Nam và ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài được thực hiện theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.

5. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- a) Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp;
- b) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài;
- c) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài;

d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

6. Căn cứ nội dung yêu cầu ủy thác tư pháp cụ thể, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

a) Chi phí tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp do tổ chức, cá nhân có chức năng tổng đạt thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- b) Chi phí thu thập, cung cấp chứng cứ;
- c) Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo yêu cầu đặc biệt của nước ngoài;
- d) Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này được thu nộp theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Thông tư liên tịch này.

Điều 7. Thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam

1. Các chi phí thực tế phát sinh trong nước do người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ.

2. Đối với chi phí thực tế do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thu:

a) Trường hợp chi phí thực tế đã xác định được theo quy định của phía nước ngoài tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam lập hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam thông báo người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam thanh toán chi phí này với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia liên quan.

b) Trường hợp chi phí thực tế chưa xác định được tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam lập hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam thông báo cho người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam phải nộp tạm ứng 3 triệu đồng tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh nơi cơ quan có thẩm quyền ủy thác tư pháp về dân sự của Việt Nam có trụ sở. Số tiền tạm ứng này được thanh toán cho chi phí thực tế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và các chi phí phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài do cơ quan thi hành án dân sự thực hiện.

Điều 8. Trình tự chuyển và thanh toán tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam

Việc chuyển và thanh toán tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này được thực hiện như sau:

1. Cơ quan thi hành án dân sự mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại để thực hiện việc chuyển chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

2. Khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi văn bản này cho cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam theo quy trình tại Điều 15 của Thông tư liên tịch này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam gửi văn bản này và thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự và người có nghĩa vụ nộp chi phí

thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam về chi phí thực tế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền ủy thác tư pháp của Việt Nam, cơ quan thi hành án dân sự thanh toán chi phí thực tế cho phía nước ngoài như sau:

a) Trường hợp tiền tạm ứng đủ để thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và các chi phí phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài, cơ quan thi hành án dân sự chuyển tiền cho phía nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

b) Trường hợp tiền tạm ứng không đủ để thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và chi phí phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh thông báo khoản tiền còn thiếu và thời hạn cho người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam nộp bổ sung.

Hết thời hạn thông báo mà người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam không nộp bổ sung, cơ quan thi hành án dân sự chuyển số tiền tạm ứng cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài sau khi đã trừ đi các chi phí phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đã trả kết quả ủy thác tư pháp hoặc thông báo lại cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp để xử lý theo quy định của pháp luật trong trường hợp phía nước ngoài yêu cầu nộp đủ chi phí thực tế trước khi thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam.

5. Sau khi chuyển tiền cho phía nước ngoài, cơ quan thi hành án dân sự thông báo cho cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam và người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam về công việc đã thực hiện, khoản tiền còn thiếu phải nộp bổ sung hoặc khoản tiền tạm ứng còn thừa.

Trong thông báo, cơ quan thi hành án dân sự nêu rõ thời hạn cho người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam nhận lại khoản tiền tạm ứng còn thừa (nếu có) đối với yêu cầu ủy thác tư pháp về thi hành án dân sự, tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

Đối với yêu cầu ủy thác tư pháp của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trả lại khoản tiền tạm ứng còn thừa cho người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam khi có quyết định của Tòa án giải quyết vụ việc dân sự đó.

6. Trường hợp không nhận được kết quả ủy thác tư pháp; ủy thác tư pháp không thực hiện được do người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp không nộp bổ sung tạm ứng chi phí; hoặc cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thông báo không thu chi phí thực tế, cơ quan có thẩm quyền ủy thác tư pháp của Việt Nam ra quyết định hoàn trả cho người nộp tiền tạm ứng khi giải quyết xong vụ việc. Cơ quan thi hành án dân sự hoàn trả cho người nộp tiền tạm ứng theo quyết định này.

Điều 9. Thu, nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài

1. Trường hợp các chi phí thực tế đã xác định được tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tiếp nhận hồ sơ ủy thác tư pháp thì cơ quan này phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài nộp chi phí thực tế cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Việt Nam.

2. Trường hợp chi phí thực tế chưa xác định được tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ ủy thác tư pháp, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được chi phí thực tế, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về mức chi phí, phương thức nộp và thông báo thời gian nộp không quá 60 ngày kể từ ngày ra thông báo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn trong thông báo mà cơ quan có thẩm quyền nước ngoài không nộp chi phí thực tế, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài thông báo về việc không thực hiện được ủy thác tư pháp và trả lại hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

Quy trình thông báo về việc thu, nộp chi phí và trả lại hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài được thực hiện theo quy trình tại Điều 21 của Thông tư liên tịch này.

Chương II

THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP CỦA VIỆT NAM

Điều 10. Thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam

1. Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam là Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, thi hành án dân sự có phát sinh ủy thác tư pháp ra nước ngoài thì lập hồ sơ theo quy định tại Điều 11 của Luật TTTP và Điều 11 của Thông tư liên tịch này, gửi tới cơ quan tương ứng cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện theo thủ tục chung.

Điều 11. Hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam

1. Hồ sơ ủy thác tư pháp được lập thành 03 bộ và có các văn bản quy định tại Điều 11 của Luật TTTP, cụ thể như sau:

a) Văn bản yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự được lập theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự quy định tại Điều 12 của Luật TTTP được lập theo Mẫu số 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Trường hợp ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ được thực hiện theo kênh chính của Công ước Tổng đạt, văn bản ủy thác tư pháp được lập theo Mẫu số 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) Giấy tờ khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu ủy thác (nếu có);

d) Các giấy tờ, tài liệu khác phục vụ cho việc thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam.

2. Hồ sơ ủy thác tư pháp được cơ quan có thẩm quyền lập theo cách thức sau đây:

a) Các văn bản tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này phải do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc có yêu cầu ủy thác tư pháp ký trừ trường hợp văn bản ủy thác tư pháp được lập theo Mẫu số 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này được thực hiện theo hướng dẫn;

b) Văn bản quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này là bản chính và các văn bản, giấy tờ, tài liệu khác phục vụ cho việc thực hiện ủy thác tư pháp là bản chính hoặc bản sao. Bản sao và bản dịch của các văn bản, giấy tờ, tài liệu tại điểm b, c và d của khoản 1 Điều này phải được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đối với các giấy tờ không phải của cơ quan có thẩm quyền lập hoặc xác nhận thì cơ quan có thẩm quyền, nơi lập hồ sơ ủy thác tư pháp phải đối chiếu bản sao các giấy tờ này với bản gốc và đóng dấu xác nhận;

c) Trường hợp vụ việc cần ủy thác tư pháp có liên quan đến một hoặc nhiều đương sự có địa chỉ khác nhau thì phải lập riêng hồ sơ ủy thác tư pháp theo từng địa chỉ của đương sự;

d) Trường hợp vụ việc cần ủy thác tư pháp có phạm vi khác nhau theo quy định tại Điều 10 của Luật TTTP thì phải lập riêng hồ sơ ủy thác tư pháp theo từng phạm vi ủy thác tư pháp, trừ trường hợp hồ sơ ủy thác tổng đạt giấy tờ có yêu cầu đương sự cung cấp lời khai, giấy tờ, tài liệu.

3. Hồ sơ ủy thác tư pháp được lập theo ngôn ngữ quy định tại Điều 5 của Luật TTTP. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ không xác định được ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ khác mà được nước được yêu cầu chấp nhận, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp gửi văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao xác định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp, Bộ Ngoại giao phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thông tin về ngôn ngữ TTTP. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của phía nước ngoài, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam.

Điều 12. Điều kiện hợp lệ của hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam

Hồ sơ ủy thác tư pháp hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Hồ sơ ủy thác tư pháp đã được lập theo đúng quy định tại Điều 11 của Thông tư liên tịch này.

2. Có biên lai thu phí, lệ phí và giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 hoặc biên lai thu tiền tạm ứng chi phí thực tế tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam tại Bộ Tư pháp

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam, Bộ Tư pháp có trách nhiệm vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Thông tư liên tịch này và thực hiện các công việc sau đây:

1. Trường hợp hồ sơ ủy thác tư pháp đầy đủ và hợp lệ thì thực hiện một trong các thủ tục sau:

a) Chuyển hồ sơ qua kênh tổng đạt chính hoặc cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên.

b) Chuyển hồ sơ cho Bộ Ngoại giao để chuyển qua đường ngoại giao trong trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự hoặc chưa thỏa thuận về áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

c) Tổng đạt giấy tờ qua kênh ngoại giao gián tiếp, kênh lãnh sự gián tiếp theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam hoặc trong trường hợp không thể chuyển qua kênh tổng đạt chính.

2. Trường hợp hồ sơ ủy thác tư pháp không đầy đủ hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Thông tư liên tịch này, Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ ủy thác tư pháp cho cơ quan đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp và nêu rõ lý do.

Điều 14. Trình tự, thủ tục nhận và gửi hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam tại Bộ Ngoại giao và cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài

1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam và chuyển hồ sơ cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp do Bộ Tư pháp chuyển đến.

2. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam và chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp.

3. Việc thực hiện tổng đạt theo kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp theo Công ước Tổng đạt cho công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài nếu nước đó không phản đối hoặc pháp luật nước đó cho phép thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 15. Thông báo kết quả, tiến độ thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và tài liệu kèm theo (nếu có), cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và tài liệu kèm theo (nếu có) về Bộ Ngoại giao.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu kèm theo (nếu có) do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài gửi về, Bộ Ngoại giao chuyển văn bản thông báo và tài liệu kèm theo (nếu có) cho Bộ Tư pháp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và tài liệu kèm theo (nếu có), Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và tài liệu kèm theo (nếu có) cho cơ quan đã yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam có văn bản yêu cầu Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thông báo về tình hình thực hiện ủy thác tư pháp thì việc gửi văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thông báo về tình hình thực hiện ủy thác và thông báo việc trả lời của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện theo quy trình tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Thông tư liên tịch này.

Điều 16. Xử lý kết quả ủy thác tư pháp tại các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp của Việt Nam

1. Việc xử lý kết quả ủy thác tư pháp để giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Việc xử lý kết quả ủy thác tư pháp để giải quyết yêu cầu thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

3. Việc xử lý kết quả ủy thác tư pháp để giải quyết yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

THỰC HIỆN ỦY THÁC TƯ PHÁP CỦA NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài

1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài bao gồm:

a) Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trong trường hợp ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài liên quan đến thi hành án dân sự;

c) Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, thông tin theo quy định pháp luật về tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.

2. Thẩm quyền của cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài được xác định như sau:

a) Nơi người được tổng đạt là cá nhân cư trú, làm việc hoặc nơi cơ quan, tổ chức được tổng đạt có trụ sở, chi nhánh của tổ chức đó theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

b) Nơi người được triệu tập làm chứng, người giám định cư trú, làm việc.

c) Nơi thực hiện việc thu thập, cung cấp chứng cứ.

Điều 18. Hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài

Hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài gồm những văn bản sau đây:

1. Các văn bản theo quy định của điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam và nước đó là thành viên. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự thì hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài gồm các văn bản được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Luật TTTP.

2. Biên lai nộp phí, lệ phí ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài tại Việt Nam theo quy định hiện hành về phí, lệ phí ủy thác tư pháp về dân sự và chi phí thực tế (nếu có).

Điều 19. Nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài

1. Bộ Tư pháp tiếp nhận hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài theo quy định của điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam và nước đó là thành viên hoặc theo kênh chính, kênh ngoại giao gián tiếp, kênh lãnh sự gián tiếp của Công ước Tổng đạt.

Trường hợp Bộ Ngoại giao nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chuyển hồ sơ và các tài liệu kèm theo (nếu có) cho Bộ Tư pháp.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài, Bộ Tư pháp vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp, xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện một trong các công việc sau đây:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ cho cơ quan, có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại Điều 17 của Thông tư liên tịch này;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, Bộ Tư pháp trả lại hoặc chuyển Bộ Ngoại giao trả lại hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và nêu rõ lý do.

Điều 20. Trình tự, thủ tục và thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp và thực hiện một trong các công việc sau đây:

a) Tiến hành tiếp nhận để thực hiện ủy thác tư pháp trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết;

b) Trả lại hồ sơ cho Bộ Tư pháp trong trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết;

c) Trường hợp cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan hoặc việc thực hiện ủy thác làm phát sinh chi phí thực tế, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được thông tin, tài liệu cần bổ sung hoặc chi phí thực tế phát sinh, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài để bổ sung thông tin, tài liệu theo quy trình tại Điều 21 hoặc nộp chi phí thực tế theo quy trình tại Điều 9 của Thông tư liên tịch này.

2. Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam áp dụng các phương thức sau đây để thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài:

a) Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật về thi hành án dân sự tương tự như các vụ việc trong nước;

b) Theo phương thức đặc biệt trên cơ sở yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền tại Điều 4 của Thông tư liên tịch này đã quyết định áp dụng pháp luật nước ngoài nhưng phương thức đặc biệt không thực hiện được trên thực tế thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện phải thông báo lại ngay cho Bộ Tư pháp để trả lời cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy trình trả kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài.

3. Cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài trong thời hạn mà cơ quan có thẩm quyền nước ngoài yêu cầu theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước ngoài không xác định thời hạn thực hiện thì thời hạn này không quá 90 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền Việt Nam nhận được hồ sơ từ Bộ Tư pháp.

Quá thời hạn nêu trên, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam vẫn chưa thực hiện được ủy thác tư pháp thì cơ quan này phải thông báo lại cho Bộ Tư pháp và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp việc thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài làm phát sinh chi phí thực tế, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam chỉ thực hiện sau khi đã thu đủ chi phí thực tế.

Điều 21. Trình tự, thủ tục và thời hạn thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong phương thức quy định tại Điều 20 của Thông tư liên tịch này, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam gửi văn bản thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo Mẫu số 03 được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này với số lượng 02 bản và tài liệu kèm theo (nếu có) cho Bộ Tư pháp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Bộ Tư pháp gửi thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có) cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài yêu cầu theo quy định của điều ước quốc tế hoặc cho Bộ Ngoại giao đối với trường hợp hồ sơ ủy thác tư pháp được gửi thông qua Bộ Ngoại giao.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu kèm theo (nếu có) từ Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao gửi kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đó cho cơ quan có thẩm quyền nước yêu cầu đã chuyển hồ sơ cho phía Việt Nam.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền nước ngoài yêu cầu thông báo về tình hình thực hiện ủy thác tư pháp thì trình tự nhận, gửi và trả lời yêu cầu này được thực hiện như trình tự nhận, gửi và thông báo kết quả ủy thác tư pháp của nước ngoài. Thời hạn thực hiện tại từng cơ quan có thẩm quyền Việt Nam là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

1. Kiểm tra, đôn đốc, thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài và ủy thác tư pháp của Việt Nam trong trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự.

2. Cập nhật điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự có hiệu lực mà Việt Nam là thành viên trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

3. Cập nhật quy định về yêu cầu ngôn ngữ đối với hồ sơ ủy thác tư pháp, phí, chi phí và các quy định khác có liên quan của nước ngoài đã ký kết điều ước quốc tế với Việt Nam về TTTP trong lĩnh vực dân sự và của các nước chưa có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam trên cơ sở thông tin do Bộ Ngoại giao cung cấp. Các thông tin này được đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao trong việc xác định, cập nhật tình hình thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài cho Việt Nam để làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền quyết định từ chối áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Các thông tin này được đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật TTTP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Kiểm tra, đôn đốc, thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài và ủy thác tư pháp của Việt Nam trong trường hợp hồ sơ ủy thác tư pháp được chuyển qua đường ngoại giao hoặc qua kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp theo Công ước Tổng đạt.

2. Cập nhật quy định về yêu cầu ngôn ngữ đối với hồ sơ ủy thác tư pháp, phí, chi phí và các quy định khác có liên quan của nước ngoài nơi ủy thác tư pháp của Việt Nam được gửi đến trong trường hợp Việt Nam và nước đó chưa ký kết điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự. Các thông tin này được đăng trên trang thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao đồng thời được gửi cho Bộ Tư pháp để cập nhật chung.

3. Cung cấp thông tin về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ở nước ngoài theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam; hỗ trợ chuyển tiền thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự cho cơ quan, tổ chức ở nước ngoài trong những trường hợp đặc biệt.

4. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc xác định, cập nhật tình hình thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài cho Việt Nam.

5. Thông báo tình hình thực hiện ủy thác tư pháp của Việt Nam và ủy thác tư pháp của nước ngoài thuộc thẩm quyền, tình hình thực hiện ủy thác tổng đạt văn bản tố tụng đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài cho Bộ Tư pháp theo định kỳ hàng năm hoặc khi Bộ Tư pháp có đề nghị.

6. Công khai, cập nhật địa chỉ và đầu mối liên lạc về ủy thác tư pháp của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trên trang thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật TTTP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 24. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao

1. Phối hợp, kiểm tra, đôn đốc các Tòa án có thẩm quyền thực hiện TTTP theo quy định của Thông tư liên tịch này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phối hợp với Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao hướng dẫn các Tòa án có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự và rà soát, tổng kết tình hình thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật TTTP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam trong hoạt động TTTP về dân sự

1. Thực hiện ủy thác tư pháp theo đúng quy định của Thông tư liên tịch này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thông báo cho người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự về mức và phương thức nộp chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư liên tịch này.

3. Cập nhật về tình hình thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp của nước ngoài cho Bộ Tư pháp hoặc Bộ Ngoại giao theo định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật TTTP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2016 và thay thế Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự của Luật TTTP. Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho công dân Việt Nam ở nước ngoài thông qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao.

2. Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự của Luật TTTP tiếp tục được áp dụng đối với hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam và ủy thác tư pháp của nước ngoài được lập trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch này, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có liên quan và Thừa phát lại thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự phản ánh về Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao để kịp thời xử lý./.

**KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

Nguyễn Thúy Hiền

(đã ký)

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Quốc Dũng

(đã ký)

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Khánh Ngọc

(đã ký)

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng BTP, Bộ trưởng BNG, Chánh án TANDTC (để b/c);
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, TANDTC;
- Lưu: Bộ Tư pháp (VT, PLQT), Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao.

MẪU SỐ 01

Văn bản yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /2016/TTLT/BTP-BNG-TANDTC

ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao
quy định trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự)

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTTPDS- (2)

....., ngày..... tháng..... năm.... (3)

V/v TTTP (lần....) (4)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

:.....(5).....

Địa chỉ: (6)

Đang giải quyết vụ án (vụ việc) về: (7).....

Xét thấy việc ủy thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp... (8)....;

Căn cứ vào Điều....và Điều....của Luật TTTP,

Quyết định ủy thác tư pháp cho: (9)

Để tiến hành việc: (10)

Đối với: (11)

.....(12).... đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp ... (13).. trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

....(14)....xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu hồ sơ vụ việc, VP .

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC(15)

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 01

(1)(5)(8)(12)(14) Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp.

Ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh An Giang, Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

(2) Viết tắt của các cơ quan có thẩm quyền Tòa án: TA, Thi hành án dân sự: THA,..Kèm theo các số thứ tự từ 1-63 cho các tỉnh thành theo danh mục dưới đây:

1. An Giang	23 Hà Nam	45 Phú Yên
2. Bà Rịa- Vũng Tàu	24 Hà Nội	46 Quảng Bình
3. Bạc Liêu	25 Hà Tĩnh	47 Quảng Nam
4. Bắc Kạn	26 Hải Dương	48 Quảng Ngãi
5. Bắc Giang	27 Hải Phòng	49 Quảng Ninh
6. Bắc Ninh	28 Hậu Giang	50 Quảng Trị
7. Bến Tre	29 Hòa Bình	51 Sóc Trăng
8. Bình Dương	30 TP Hồ Chí Minh	52 Sơn La
9 Bình Định	31 Hưng Yên	53 Tây Ninh
10 Bình Phước	32 Khánh Hòa	54 Thái Bình
11 Bình Thuận	33 Kiên Giang	55 Thái Nguyên
12 Cà Mau	34 Kon Tum	56 Thanh Hóa
13 Cao Bằng	35 Lai Châu	57 Thừa Thiên Huế
14 Cần Thơ	36 Lạng Sơn	58 Tiền Giang
15 Đà Nẵng	37 Lào Cai	59 Trà Vinh
16 Đắk Lắk	38 Lâm Đồng	60 Tuyên Quang
17 Đắk Nông	39 Long An	61 Vĩnh Long
18 Điện Biên	40 Nam Định	62 Vĩnh Phúc
19 Đồng Nai	41 Nghệ An	63 Yên Bái
20 Đồng Tháp	42 Ninh Bình	
21 Gia Lai	43 Ninh Thuận	
22 Hà Giang	44 Phú Thọ	

Ví dụ: Văn bản yêu cầu thực hiện ủy thác tổng đạt giấy tờ tư pháp về dân sự của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang được viết tắt là .../TTTPDS-TA1; Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang được viết tắt là...../TTTPDS-THA1

(3) Ghi địa điểm và thời gian lập văn bản ủy thác tư pháp.

Ví dụ: Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016.

(4) Ghi rõ số lần yêu cầu TTTP.

Ví dụ: V/v TTTP (lần 2).

(6) Ghi đầy đủ địa chỉ của Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác.

(7) Ghi tóm tắt nội dung vụ việc dân sự mà Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác đang giải quyết.

(9) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của cơ quan được ủy thác tư pháp theo quy định về địa giới hành chính của nước được ủy thác tư pháp (nếu biết).

Ví dụ: “Tòa án A; Địa chỉ: số..., đường..., quận..., thành phố..., bang..., nước...”

Nếu giữa Việt Nam và nước ngoài có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự thì cơ quan được ủy thác tư pháp là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của điều ước quốc tế đó. Nếu Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về TTTP về dân sự thì cơ quan được ủy thác tư pháp là cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Nếu Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác đã thu thập, xác minh thông tin nhưng vẫn không tìm được tên, địa chỉ chính xác của cơ quan được ủy thác, hoặc thiếu chính xác (ở những chi tiết cụ thể) hoặc không đầy đủ (chỉ đến thành phố, bang...) thì ghi là cơ quan có thẩm quyền của nước được ủy thác tư pháp nơi cư trú, làm việc của cá nhân, tổ chức liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp.

Ví dụ: tại mục tên của cơ quan được ủy thác tư pháp ghi: “Cơ quan có thẩm quyền của nước (nơi ông Nguyễn Văn A cư trú)”; tại mục địa chỉ cơ quan được ủy thác tư pháp Tòa án ghi theo địa chỉ của ông Nguyễn Văn A: “số ..., đường..., quận..., thành phố..., bang..., nước...”.

(10) Tùy thuộc vào nội dung TTTP mà Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác ghi một trong các nội dung TTTP quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật TTTP.

(11) Ghi đầy đủ thông tin về người liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp.

Nếu người liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc.

Ví dụ: Nguyễn Văn A, cư trú tại số..., đường..., phường/xã ...quận/huyện..., thành phố/tỉnh..., bang..., nước...

Nếu người liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp là cơ quan, tổ chức thì ghi tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.

Ví dụ: Công ty TNHH A, trụ sở: số...,đường...,phường/xã ...quận/huyện....., thành phố/tỉnh..., bang..., nước....

⁽¹⁵⁾ Ghi đầy đủ họ và tên của người có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Lưu ý: Văn bản cần được trình bày theo đúng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06 tháng 5 năm 2005 của Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ về thể thức trình bày văn bản và Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

MẪU SỐ 02A

Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /TTLT/BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự)

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../⁽³⁾

....., ngày tháng năm⁽²⁾

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1.Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	(4)
2.Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	(5)
3.Họ tên thẩm phán giải quyết vụ việc	(6)
4.Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp Cá nhân (ghi đầy đủ Họ tên, Giới tính, Quốc tịch, Địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc); Cơ quan, tổ chức (Tên đầy đủ; Địa chỉ/Văn phòng trụ sở chính)	(7)
5. Công việc ủy thác tư pháp ⁽⁸⁾	Tổng đạt (kèm theo là Danh mục tài liệu được tổng đạt, trong đó mô tả bản chất và mục đích của tài liệu, thời hạn nêu trong tài liệu và các tài liệu được tổng đạt)

	<p>Thu thập, cung cấp chứng cứ (Kèm theo là Bản mô tả chứng cứ cần được thu thập, câu hỏi để hỏi những người có liên quan)</p> <p>Triệu tập người làm chứng, người giám định (Kèm theo là Bản mô tả quyền và nghĩa vụ của người làm chứng, người giám định và Giấy triệu tập người làm chứng, người giám định)</p> <p>Yêu cầu khác (kèm theo các tài liệu có liên quan)</p>
6. Tóm tắt nội dung vụ việc ⁽⁹⁾	
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng ⁽¹⁰⁾	
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp ⁽¹¹⁾	<p>Theo biện pháp được nêu trong pháp luật quốc gia của nước được yêu cầu</p> <p>Theo biện pháp đặc biệt (mô tả cụ thể)</p>
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp ⁽¹²⁾	<p>Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày...tháng...năm...và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.</p>

...⁽¹³⁾... xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thực hiện ủy thác⁽¹⁴⁾được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN GIẢI

QUYẾT VỤ VIỆC ⁽¹⁵⁾

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 02A

(1) (13) (14) Ghi tên Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác tư pháp.

Ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội/ Cục Thi hành án dân sự Hà Nội.

(2) Ghi địa điểm và thời gian lập văn bản ủy thác tư pháp (Ví dụ: Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016).

(3) Ghi số Công văn yêu cầu Bộ Tư pháp thực hiện ủy thác tư pháp theo Mẫu số 01 (Số ký hiệu tại Công văn yêu cầu Bộ Tư pháp thực hiện ủy thác tư pháp được sử dụng đối với văn bản này)

(4) Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của cơ quan được ủy thác tư pháp theo quy định về địa giới hành chính của nước được ủy thác tư pháp như hướng dẫn tại mục (8) của Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /TTLT/BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự).

(5) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ liên lạc của cơ quan có yêu cầu ủy thác

Ví dụ: Nếu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là Tòa án có yêu cầu ủy thác tư pháp, thì tại mục này, Tòa án ghi như sau: “Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Địa chỉ: số 43 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam”.

Số điện thoại:

Email:

(6) Ghi đầy đủ họ và tên của người trực tiếp giải quyết vụ việc (Thẩm phán Nguyễn Văn A)

(7) Ghi đầy đủ thông tin về người liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp như hướng dẫn tại mục (11) của Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /TTLT/BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự).

Trước khi tiến hành lập hồ sơ ủy thác tư pháp, Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác phải thu thập, xác minh chính xác các thông tin như: họ tên, giới tính, quốc tịch, địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc đối với cá nhân và tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức.

Qua thu thập, xác minh thông tin về cá nhân, cơ quan/tổ chức mà Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác biết được các thông tin khác liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp như: nghề nghiệp, người đại diện theo pháp luật, người thân thích hoặc nơi làm việc đối với cá nhân; chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức thì Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác ghi những thông tin này vào sau mục họ, tên, địa chỉ, quốc tịch nơi cư trú hoặc nơi làm việc của cá nhân: tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của Cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp.

(8) Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác chọn một trong các nội dung TTTP quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật TTTP. Ví dụ: ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án.

⁽⁹⁾ Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác ghi tóm tắt nội dung vụ việc dân sự mà Cơ quan có thẩm quyền đó đang giải quyết. Ví dụ: Tóm tắt nội dung vụ việc đòi bồi thường thiệt hại do tai nạn ô tô

Tóm tắt nội dung vụ việc: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A khởi kiện bị đơn ông Trần Văn B đòi bồi thường thiệt hại do tai nạn ô tô. Tổng thiệt hại là 100 triệu đồng.

⁽¹⁰⁾ Tùy theo công việc ủy thác tư pháp mà cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác có thể trích dẫn điều luật áp dụng cho yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp. Ví dụ: Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự đang ở nước ngoài thì Tòa án trích dẫn Điều.... và Điều..... Bộ luật Tố tụng dân sự.

⁽¹¹⁾ Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu ủy thác đánh dấu vào ô tương ứng với biện pháp thực hiện ủy thác. Trong trường hợp đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện ủy thác theo phương thức đặc biệt thì cần mô tả rõ phương thức đó. Ví dụ: đề nghị khi lấy lời khai nhân chứng phải kèm theo bản ghi âm hoặc băng video về quá trình lấy lời khai.

⁽¹²⁾ Ghi đầy đủ ngày, tháng, năm

⁽¹⁵⁾ Ghi rõ chức danh, Ký tên và ghi đầy đủ họ và tên của người được phân công yêu cầu ủy thác

Ví dụ : THẨM PHÁN

(Chữ ký)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 02B

Văn bản ủy thác tư pháp về dân sự

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /TTLT/BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự)

Áp dụng cho các yêu cầu gửi đi các nước thành viên của Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp
trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại

YÊU CẦU TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI GIẤY TỜ TƯ PHÁP VÀ NGOÀI TƯ PHÁP REQUEST FOR SERVICE ABROAD OF JUDICIAL OR EXTRAJUDICIAL DOCUMENTS	
Công ước về Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay, ngày 15/11/1965 Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965	
Thông tin và địa chỉ của người có thẩm quyền gửi Identity and address of the applicant ⁽¹⁾	Địa chỉ của người có thẩm quyền nhận Address of receiving authority ⁽²⁾
Người có thẩm quyền gửi ký tên dưới đây trân trọng chuyển các giấy tờ được liệt kê trong danh mục dưới đây (2 bộ) và yêu cầu tổng đạt ngay một bộ hồ sơ, theo Điều 5 Công ước nêu trên, đến người được tổng đạt là: The undersigned applicant has the honour to transmit in duplicate the documents listed below and, in conformity with Article 5 of the above-mentioned Convention, requests prompt service of one copy thereof on the addressee, i.e.:	
Thông tin và địa chỉ của người được tổng đạt Identity and address ⁽³⁾	
(4)	a) phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước này in accordance with the provisions of sub-paragraph a) of the first paragraph of Article 5 of the Convention.

(5)	<p><i>b)</i> phù hợp với phương thức cụ thể dưới đây (điểm <i>b</i> đoạn 1 Điều 5 Công ước này): in accordance with the following particular method (sub-paragraph <i>b</i>) of the first paragraph of Article 5):(6)</p>
(7)	<p><i>c)</i> bằng cách chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận (đoạn 2 Điều 5 Công ước này) by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily (para.2, Art. 5).</p>
<p>Người có thẩm quyền được yêu cầu trả lại một bản sao các giấy tờ đã được cung cấp và các phụ lục (nếu có) kèm theo một Giấy xác nhận kết quả cho người có thẩm quyền gửi. The authority is requested to return or to have returned to the applicant a copy of the documents and of the annexes (if appropriate)- with the attached certificate.</p>	
<p><i>Danh mục giấy tờ/ List of documents</i>(8)</p>	
<p>Lập tại/ Done at(9) The</p>	<p>Chữ ký và đóng dấu(10) Signature and/or stamp</p>

(Mặt sau yêu cầu tổng đạt)

XÁC NHẬN KẾT QUẢ TỔNG ĐẠT (CERTIFICATE)	
<p>Phù hợp với Điều 6 của Công ước này, người có thẩm quyền ký tên dưới đây trân trọng xác nhận rằng,</p> <p>The undersigned authority has the honour to certify, in conformity with Article 6 of the Convention,</p>	
1. Giấy tờ đã được tổng đạt (that the document has been served)	
-ngày /the (date)/ le (date)	
-tại (địa điểm, phố, số nhà) at (place, street, number)	
<p>-bằng một trong các phương thức được phép tại Điều 5 Công ước như dưới đây: in one of the following methods authorised by Article 5:</p>	
	<p><i>a)</i> phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước in accordance with the provisions of sub-paragraph <i>a)</i> of the first paragraph of Article 5 of the Convention</p>
	<p><i>b)</i> phù hợp với phương thức cụ thể sau đây: in accordance with the following particular method:</p>
	<p><i>c)</i> chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily</p>
<p>Giấy tờ nêu trong yêu cầu đã được chuyển giao đến: The documents referred to in the request have been delivered to:</p>	
Identity and description of person: Thông tin cá nhân và mô tả chi tiết về người được giao giấy tờ	
Relationship to the addressee (family, business or other): Quan hệ với người được tổng đạt (gia đình, kinh doanh hay quan hệ khác)	

	2. that the document has not been served, by reason of the following facts: Giấy tờ chưa được tổng đạt, với lý do sau:
	In conformity with the second paragraph of Article 12 of the Convention, the applicant is requested to pay or reimburse the expenses detailed in the attached statement (if appropriate). Phù hợp với đoạn 2 Điều 12 của Công ước này, người có thẩm quyền yêu cầu được đề nghị thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí chi tiết kê khai kèm theo (nếu có)
<i>Annexes</i> Các phụ lục	
Documents returned: Giấy tờ trả lại:	
In appropriate cases, documents establishing the service: Trong trường hợp thích hợp, giấy tờ chứng minh việc tổng đạt	
Done at Lập tại	Signature and/or stamp Chữ ký và/ hoặc đóng dấu

NỘI DUNG TÓM TẮT GIẤY TỜ ĐƯỢC TỔNG ĐẠT SUMMARY OF THE DOCUMENT TO BE SERVED	
<p>Công ước Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay ngày 15/11/1965 (Điều 5 đoạn 4)</p> <p>Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965 (Article 5, fourth paragraph).</p>	
Tên và địa chỉ của người có thẩm quyền yêu cầu: Name and address of the requesting authority	(11)
Chi tiết về các bên: Particulars of the parties:	(12)
⁽¹³⁾ GIẤY TỜ TƯ PHÁP JUDICIAL DOCUMENT	
Bản chất và mục đích của giấy tờ Nature and purpose of the document	(14)
Bản chất và mục đích của thủ tục tố tụng và, giá trị tranh chấp, nếu có Nature and purpose of the proceedings and, when appropriate, the amount in dispute	(15)
Ngày và nơi cần có mặt Date and Place for entering appearance	(16)
Tòa án đã ra phán quyết Court which has given judgment	(17)
Ngày ra phán quyết Date of judgment	(18)
Thời hạn nêu trong giấy tờ Time limits stated in the document	(19)

(20) GIẤY TỜ NGOÀI TỬ PHÁP
EXTRAJUDICIAL DOCUMENT

Bản chất và mục đích của giấy tờ
Nature and purpose of the document

(21)

Thời hạn nêu trong giấy tờ
Time-limits stated in the document

(22)

Hướng dẫn thực hiện Mẫu số 02B

Mẫu số 02B gồm 3 phần:

Phần 1: Yêu cầu Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp (thực hiện theo các ghi chú từ (1) đến (10))

Phần 2: Giấy xác nhận kết quả (để trông- Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước ngoài sẽ điền phần này)

Phần 3: Nội dung tóm tắt giấy tờ được tổng đạt (thực hiện theo các ghi chú từ (11) đến (22))

Mẫu 02B phải được lập bằng tiếng Anh hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu

Phần 1

⁽¹⁾Điền đầy đủ tên, địa chỉ thư hoàn chỉnh, số điện thoại, số fax và địa chỉ thư điện tử của cơ quan gửi là Bộ Tư pháp Việt Nam. Không điền tên của nguyên đơn hay đại diện của nguyên đơn vào mục này.

Bộ Tư pháp Việt Nam/ Ministry of Justice

Địa chỉ/ Address: 58- 60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi, Viet Nam

Số điện thoại/ Phone number: (+84) 62739446 or (+84) 62739532

Email: mlavietnam@moj.gov.vn

⁽²⁾ Điền đầy đủ tên và địa chỉ của Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu. Danh sách đầy đủ và cập nhật địa chỉ của các cơ quan này có trên Mục Tổng đạt trên trang của Hội nghị La Hay (Hcch.net)

Hướng dẫn vào trang Hcch.net

Mục Instruments, chọn Conventions, Protocos and Principles, chọn Công ước Tổng đạt

[Convention of 15 November 1965 on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters](#)

Chọn mục Authorities

Chọn nước cần gửi đến.

Sao chép thông tin về tên và địa chỉ của cơ quan trung ương (Central Authority)

Ví dụ: Cơ quan trung ương của Hàn Quốc: sau khi chọn mục Authorities, chọn Korea, sao chép địa chỉ của cơ quan trung ương của Hàn Quốc

<i>National</i>		<i>Court</i>		<i>Administration</i>
<i>Attn.:</i>	<i>Director</i>	<i>of</i>	<i>International</i>	<i>Affairs</i>
<i>Seocho-daero</i>				<i>219</i>

(3) Thông tin gồm

Cá nhân: Họ tên (đầy đủ), Quốc tịch, Giới tính, Địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc, Ngày tháng năm sinh (nếu có)

Tổ chức: Tên đầy đủ, Địa chỉ trụ sở chính

Các yêu cầu gửi đến quốc gia thành viên sử dụng hệ chữ viết không phải bảng chữ cái La tinh thì cần kèm theo cả tên và địa chỉ của người nhận bằng một trong các ngôn ngữ chính thức của nước đó.

(4) Lựa chọn (a): đánh dấu vào ô trống tương ứng nếu muốn giấy tờ được tổng đạt bằng một phương thức xác định theo pháp luật trong nước của nước được yêu cầu (tổng đạt chính thức) và phương thức này do quốc gia được tổng đạt xác định. Chi phí có thể phát sinh nếu phải thuê cán bộ tư pháp hoặc người có thẩm quyền theo pháp luật của nước nhận để thực hiện việc tổng đạt (Điều 12 (2) (a) Công ước).

(5) Lựa chọn (b): đánh dấu vào ô trống nếu muốn giấy tờ được tổng đạt bằng một phương thức đặc biệt.

(6) Mô tả cụ thể cách thức tổng đạt đặc biệt mà cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mong muốn cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thực hiện để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của pháp luật tố tụng của Việt Nam.

Lưu ý: cách thức tổng đạt đặc biệt có thể làm phát sinh thêm chi phí (Điều 12 (2) (b) Công ước)

(7) Lựa chọn (c): đánh dấu vào ô trống tương ứng nếu muốn giấy tờ được tổng đạt bằng cách chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận (tổng đạt không chính thức). Các phương thức tổng đạt không chính thức khác nhau giữa các quốc gia thành viên và có thể bao gồm: tổng đạt trực tiếp tại tòa án theo lệnh triệu tập để gửi giấy tờ được tổng đạt, một số nước coi tổng đạt qua bưu chính hoặc qua đại diện tố tụng hoặc cảnh sát cũng là tổng đạt không chính thức...

(8) Danh mục giấy tờ

Liệt kê tên các loại giấy tờ được tổng đạt kèm theo Yêu cầu

Ví dụ: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định, Đơn khởi kiện...

(9) Thông tin về nơi lập và thời gian lập văn bản yêu cầu ủy thác: Ví dụ : Lập tại Hà Nội, ngày 10/01/2016

(10) Chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của Bộ Tư pháp

Phần 2: để trống (lưu ý nội dung phần này được in vào mặt sau của phần 1)

Phần 3:

(11) Điền thông tin như mục (1)

(12) Điền thông tin như mục (3)

(13) Đánh dấu vào ô này nếu tổng đạt văn bản tố tụng

(14) Bản chất và mục đích của giấy tờ chỉ phân loại về mặt pháp lý đối với giấy tờ: tên gọi của giấy tờ đó

Ví dụ: thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn

(15) Tóm tắt ngắn gọn yêu cầu của nguyên đơn và căn cứ yêu cầu. Khi nguyên đơn có yêu cầu một khoản tiền thì cần nêu rõ khoản tiền cụ thể đó.

Ví dụ: Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và bị đơn ông Lee Che B. Vụ án liên quan đến yêu cầu về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung trị giá 100 triệu đồng.

(16) Điền ngày và địa điểm chính xác để người nhận có mặt trước cơ quan có thẩm quyền theo nội dung trong giấy tờ. Các điều kiện và lưu ý kèm theo (nếu có). Nếu không cần người nhận có mặt, điền “không áp dụng” (not applicable) hoặc (n/a).

Ví dụ: Phiên tòa diễn ra vào lúc 8 giờ sáng ngày 10/01/2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Địa chỉ: 43 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Khi trình diện, cần mang theo giấy tờ xác minh nhân thân (hộ chiếu).

(17) (18) Điền các mục này nếu giấy tờ được tổng đạt là bản án, quyết định giải quyết việc của tòa án. Nếu giấy tờ không phải là bản án, quyết định giải quyết việc, điền “không áp dụng” (not applicable) hoặc (n/a)

Ví dụ: Bản án số 01/ DSST-TA ngày 10/01/2016 do Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên thì Mục 17 điền “Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội” và địa chỉ của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Mục 18 điền ngày 10/01/2016.

(19) Thông tin cần điền là ngày tháng của giấy tờ và các thời hạn cần lưu ý khác trong giấy tờ (thời hạn để bắt đầu thủ tục tố tụng, hoặc xem xét lại bản án hoặc quyết định...) Nếu không có thời hạn này, điền “không áp dụng” (not applicable) hoặc (n/a)

Ví dụ: Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa gồm thông tin về ngày thụ lý, ngày mở và ngày mở lại phiên họp hòa giải, ngày mở và ngày mở lại phiên tòa.

Đối với thông báo về bản án, thời hạn nêu trong giấy tờ là thời hạn để bản án có hiệu lực pháp luật và thời hạn để đương sự kháng cáo.

(20) Đánh dấu vào ô trống nếu giấy tờ được tổng đạt không phải là văn bản tố tụng

(21) Bản chất và mục đích của giấy tờ đề cập đến phân loại về mặt pháp lý của giấy tờ: tên gọi của giấy tờ đó

(22) Nếu không có thời hạn nêu trong giấy tờ, điền “không áp dụng” (not applicable) hoặc (n/a)

MẪU SỐ 03

Văn bản thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 12 /2016/TTLT/BTP-BNG-TANDTC

ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao

quy định trình tự, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../

....., ngày tháng năm⁽²⁾

V/v kết quả thực hiện ủy thác tư
pháp của nước ngoài

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Trả lời Công văn số ...⁽³⁾ ngày..... tháng.....năm.... của Bộ Tư pháp về việc ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	(4)
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: (nếu có) Số điện thoại: (nếu có) Email: (nếu có)	(5)
3. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp Cá nhân (Họ tên, Giới tính, Quốc tịch, Địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc) Cơ quan, tổ chức (Tên đầy đủ; Địa chỉ/Văn phòng trụ sở chính)	(6)
4. Ủy thác tư pháp đã được thực hiện	(7)

5. Ủy thác tư pháp không thể thực hiện được vì lý do sau đây	(8)
6. Phụ lục - Giấy tờ trả lại - Văn bản chứng minh việc tổng đạt - Văn bản khác	(9)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP .

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC⁽¹⁰⁾

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn thực hiện Mẫu số 03

Tên cơ quan có thẩm quyền thực hiện uỷ thác tư pháp của nước ngoài.

Ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Địa điểm, thời gian lập văn bản

Số, ký hiệu, ngày tháng công văn của Bộ Tư pháp đề nghị thực hiện uỷ thác tư pháp của nước ngoài

Tên, địa chỉ cơ quan có thẩm quyền thực hiện uỷ thác tư pháp của nước ngoài

Tên, địa chỉ cơ quan uỷ thác tư pháp của nước ngoài.

Ví dụ: Toà án gia đình Seoul, Hàn Quốc

Họ tên, địa chỉ của đương sự được uỷ thác tư pháp

Nêu rõ: ngày tháng năm thực hiện uỷ thác tư pháp, địa điểm thực hiện uỷ thác và phương thức thực hiện uỷ thác. Phương thức thực hiện uỷ thác tư pháp, nêu rõ phương thức đã thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thi hành án dân sự hoặc phương thức thực hiện đặc biệt theo đề nghị của cơ quan uỷ thác tư pháp nước ngoài.

Ví dụ: tổng đạt trực tiếp cho đương sự; niêm yết công khai ...

Trường hợp tổng đạt giấy tờ mà giấy tờ gửi qua người thân của đương sự là cá nhân hoặc người chuyên nhận văn bản (văn thư) của đương sự là cơ quan, tổ chức thì cần xác định rõ tên đầy đủ, số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu, số điện thoại, ngày tháng năm sinh (nếu có) của người trực tiếp nhận giấy tờ và quan hệ với đương sự (cha, mẹ, anh chị em, người lao động...).

Nêu rõ lý do không thể thực hiện được uỷ thác, ví dụ: địa chỉ không chính xác; đương sự đã chuyển đi nơi khác không xác minh được địa chỉ cư trú hiện tại

⁽⁹⁾Liệt kê danh mục các tài liệu gửi kèm văn bản thông báo, ví dụ: biên bản giao nhận văn bản; biên bản xác minh; biên bản lấy lời khai

⁽¹⁰⁾Người được giao thực hiện uỷ thác tư pháp của nước ngoài ký tên, đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền thực hiện uỷ thác tư pháp.